

BỘ NGOẠI GIAO
HỌC VIỆN NGOẠI GIAO



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
TRONG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Hà Nội, tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ	
QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP BAN THƯ KÝ VÀ CÁC NHÓM CÔNG TÁC	
KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ	
DANH MỤC BẢNG VÀ SƠ ĐỒ	
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	
PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC VIỆN	5
PHẦN I: CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC VIỆN	6
II. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ HỌC VIỆN	6
III. CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN HỌC VIỆN	12
IV. NGƯỜI HỌC	15
V. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN, TÀI CHÍNH	17
PHẦN II. BÁO CÁO TỔNG QUÁT CỦA HỌC VIỆN	19
I. Đặt vấn đề	19
II. Tổng quan	20
TIÊU CHUẨN 1: SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC	22
1. Những điểm mạnh	22
2. Những tồn tại và kế hoạch	22
TIÊU CHUẨN 2: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ	23
1. Những điểm mạnh	23
2. Những tồn tại và kế hoạch	24
TIÊU CHUẨN 3: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	24
1. Những điểm mạnh	24
2. Những tồn tại và kế hoạch	25
TIÊU CHUẨN 4: CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO	25
1. Những điểm mạnh	25
2. Những tồn tại và kế hoạch	26
TIÊU CHUẨN 5: ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN	26
1. Những điểm mạnh	26
2. Những tồn tại và kế hoạch	27
TIÊU CHUẨN 6: NGƯỜI HỌC	27
1. Những điểm mạnh	27
2. Những tồn tại và kế hoạch	28
TIÊU CHUẨN 7: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ	29
1. Những điểm mạnh	29
2. Những tồn tại và kế hoạch	30
TIÊU CHUẨN 8: HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ	30
1. Những điểm mạnh	30
2. Những tồn tại và kế hoạch	31
TIÊU CHÍ 9: THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ HỌC TẬP	31
1. Những điểm mạnh	31
2. Những tồn tại và kế hoạch	32
TIÊU CHUẨN 10: TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	32
1. Những điểm mạnh	32
2. Những tồn tại và kế hoạch	32
PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG	34
TIÊU CHUẨN 1	34
SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA HỌC VIỆN	34
Tiêu chí 1.1	34

Tiêu chí 1.2	36
TIÊU CHUẨN 2	39
TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ	39
Tiêu chí: 2.1	39
Tiêu chí: 2.2	41
Tiêu chí: 2.3	43
Tiêu chí: 2.4	45
Tiêu chí: 2.5	47
Tiêu chí: 2.6	48
Tiêu chí: 2.7	49
TIÊU CHUẨN 3	50
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	50
Tiêu chí 3.1	51
Tiêu chí 3.2	53
Tiêu chí 3.3	55
Tiêu chí 3.4	57
Tiêu chí 3.5	60
Tiêu chuẩn 3.6	62
TIÊU CHUẨN 4	65
CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO	65
Tiêu chí 4.1	65
Tiêu chí 4.2	68
Tiêu chí 4.3	70
Tiêu chí 4.4	72
Tiêu chí 4.5	75
Tiêu chí 4.6	77
Tiêu chí 4.7	78
TIÊU CHUẨN 5	80
ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN	80
Tiêu chí 5.1	80
Tiêu chí 5.2	82
Tiêu chí 5.3	84
Tiêu chí 5.4	87
Tiêu chí 5.5	88
Tiêu chí 5.6	89
Tiêu chí 5.7	91
Tiêu chí 5.8	92
TIÊU CHUẨN 6: NGƯỜI HỌC	95
Tiêu chí 6.1	95
Tiêu chí 6.2	97
Tiêu chí 6.3	100
Tiêu chí 6.4	102
Tiêu chí 6.5	104
Tiêu chí 6.6	106
Tiêu chí 6.7	108
Tiêu chí 6.8	109
Tiêu chí 6.9	110
TIÊU CHUẨN 7	113
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ	113
Tiêu chí 7.1	113
Tiêu chí 7.2	116
Tiêu chí 7.3	117

Tiêu chí 7.4	118
Tiêu chí 7.5	120
Tiêu chuẩn 7.6	122
Tiêu chuẩn 7.7	123
TIÊU CHUẨN 8	127
HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ	127
Tiêu chí 8.1	127
Tiêu chí 8.2	129
Tiêu chí 8.3	132
TIÊU CHUẨN 9	136
THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC	136
Tiêu chí 9.1	136
Tiêu chí 9.2	139
Tiêu chí 9.3	140
Tiêu chí 9.4	142
Tiêu chí 9.5	143
Tiêu chí 9.6	144
Tiêu chí 9.7	145
Tiêu chí 9.8	146
Tiêu chí 9.9	147
TIÊU CHUẨN 10	150
TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	150
Tiêu chí 10.1	150
Tiêu chí 10.2	153
Tiêu chí 10.3	154
C- KẾT LUẬN CHUNG	158
TỔNG HỢP CÁC MỨC ĐÁNH GIÁ	159
PHẦN IV. PHỤ LỤC	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Từ
BGH	Ban Giám hiệu
SDH	Sau đại học
QLSV	Quản lý sinh viên
GV	Giảng viên
SV	Sinh viên
NCKH	Nghiên cứu khoa học
QHQT	Quan hệ quốc tế
BNG	Bộ Ngoại giao
BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
TT	Thông tư
ND – CP	Nghị định Chính phủ
CFIT	Trung tâm Biên phiên dịch tiếng Pháp
ĐSQ	Đại sứ quán
TNCSHCM	Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
QT – TV	Quản trị – Tài vụ
TCCB	Tổ chức cán bộ
KTQT	Kinh tế Quốc tế
CTQT	Chính trị quốc tế
NCCL	Nghiên cứu chiến lược
CSDN	Chính sách đối ngoại
HNPT	Hội nhập phát triển
KTX	Ký túc xá
KT – XH	Kinh tế – Xã hội
CBQL	Cán bộ quản lý
BDCL	Đảm bảo chất lượng
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KHCN	Khoa học công nghệ
PGS. TS	Phó Giáo sư, Tiến sĩ
TS	Tiến sĩ
Th.S	Thạc sĩ
C.N	Cử nhân
TT	Trung tâm
TTg	Thủ tướng
UBND	Ủy ban nhân dân
TTKT	Trung tâm khảo thí
P.ĐT	Phòng Đào tạo
CĐ	Cao đẳng
ĐH	Đại học
CLB	Câu lạc bộ

PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC VIỆN

PHẦN I: CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

A - PHẦN GIỚI THIỆU CHUNG

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC VIỆN:

1. **Tên trường** (tên chính thức): **Học viện Ngoại giao** (theo Quyết định số: 82/2008/QĐ-TTg ngày 23/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ).
2. **Tên viết tắt của trường**: **HVNG**, tiếng Anh: **DAV**
3. **Tên trước đây**: Trường Ngoại giao (1959 - 1977), Viện Quan hệ Quốc tế (1977- 1992), Học viện Quan hệ Quốc tế (1992- 2008).
4. **Cơ quan chủ quản**: Bộ Ngoại giao
5. **Địa chỉ trường**: số 69 Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội
6. **Thông tin liên hệ**: Số điện thoại: 04. 8344540; Số fax: 04. 8343543
E-mail: dav@mofa.gov.vn. Website: <http://www.hocvienngoaigniao.org.vn>
7. **Năm thành lập trường**: 1959 (theo quyết định của Thường vụ Hội đồng Chính phủ).
8. **Thời gian bắt đầu đào tạo khoá I**: 1956
9. **Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I**: 1958
10. **Loại hình trường**: Công lập

II. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ HỌC VIỆN:

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của trường.

- Trường Đại học Ngoại giao (1959 – 1987)

Ngày 17/6/1959, Thường vụ Hội đồng Chính phủ đã ra quyết định thành lập Trường Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao. Trường Ngoại giao có hai nhiệm vụ chính là đào tạo cán bộ, để bổ sung cho ngành Ngoại giao và bổ túc chính trị, nghiệp vụ và ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ Ngoại giao hiện có của ngành.

Ngày 28/7/1960, Trường Ngoại giao được sáp nhập vào Trường Đại học Kinh tế- Tài chính do có quy mô nhỏ, thiếu đội ngũ giáo viên, thiếu cơ sở vật chất. Trong khuôn khổ Trường đại học Kinh tế - Tài chính, Trường Ngoại giao

được chuyển thành Khoa Quan hệ Quốc tế (Ngoại giao - Ngoại thương) và được bổ sung thêm nhiệm vụ đào tạo cán bộ Ngoại thương có trình độ đại học.

Tháng 01/1963, Khoa Quan hệ Quốc tế được tách ra khỏi Trường Đại học Kinh tế - Tài chính, để thành lập Trường Cán bộ Ngoại giao - Ngoại thương. Trường là một cơ sở đào tạo đại học độc lập, có chức năng đào tạo chuyên sâu các cán bộ làm công tác đối ngoại cả về chính trị và về kinh tế.

Phát triển theo hướng chuyên sâu hoá lĩnh vực đào tạo, năm 1967, Trường Cán bộ Ngoại giao - Ngoại thương đã được tách ra. Khoa Ngoại giao được chuyển lại thành Trường Đại học Ngoại giao, có nhiệm vụ đào tạo chuyên sâu cán bộ Ngoại giao cho đất nước.

Tiếp nối truyền thống đó và sau một thời kỳ tạm ngừng tuyển sinh (1969- 1974), Trường Đại học Ngoại giao đã tuyển sinh lại (1975), nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực đối ngoại của đất nước đã thống nhất và nhanh chóng trở thành một trong những trung tâm đào tạo đại học có uy tín trong cả nước.

- Viện Quan hệ Quốc tế (1977 – 1987)

Sau ngày thống nhất đất nước, đứng trước nhu cầu cấp thiết cần có một trung tâm nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề quốc tế, phục vụ cho công tác đối ngoại trong tình hình mới và đào tạo cán bộ, Viện Quan hệ Quốc tế đã được thành lập (theo Quyết định số 60/CP ngày 11/3/1977 của Hội đồng Chính phủ). Viện Quan hệ Quốc tế có các nhiệm vụ:

- Nghiên cứu cơ bản tình hình thế giới và những vấn đề quốc tế lớn, góp phần xây dựng đường lối chính sách đối ngoại của Nhà nước ta.

- Làm thường trực tổng kết công tác đấu tranh ngoại giao và hoạt động quốc tế của Nhà nước.

- Làm công tác thông tin ngoại giao và giúp Trường Ngoại giao trong công tác nghiên cứu và giảng dạy.

- Học viện Quan hệ Quốc tế (1992 - 2008)

Ngày 19/5/1987, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Nghị định số 78-HĐBT, sáp nhập Trường Đại học Ngoại giao vào Viện Quan hệ Quốc tế. Theo Quyết định số: 95/VP-TC ngày 15/7/1987 của Bộ trưởng Ngoại giao, Viện

Quan hệ Quốc tế có nhiệm vụ trọng tâm là nghiên cứu quan hệ quốc tế và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đối ngoại.

Ngày 01/8/1982, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số: 279-CT đổi tên Viện Quan hệ Quốc tế thành Học viện Quan hệ Quốc tế. Học viện Quan hệ Quốc tế chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Ngoại giao, chịu sự chỉ đạo về sắp xếp mạng lưới chung và thực hiện các quy chế chuyên môn về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngày 21/9/1992, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Học viện Quan hệ Quốc tế. Theo đó, Học viện có nhiệm vụ:

- Tổ chức nghiên cứu các vấn đề quốc tế, cũng như chiến lược đối ngoại của các nước, nhằm góp phần xây dựng chính sách đối ngoại của nhà nước.
- Tổng kết hoạt động đối ngoại, nhằm góp phần vào việc hoạch định chính sách đối ngoại của Nhà nước.
- Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ đối ngoại cho Bộ và cho cả nước, quản lý công tác nghiên cứu khoa học của Bộ, làm đầu mối liên hệ với các cơ quan hữu quan về công tác này.
- Đóng góp vào công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại, chủ yếu là về đường lối, chính sách đối ngoại của nhà nước ta.

- Học viện Ngoại giao (2008 - đến nay)

Năm 2008, để đáp ứng nhu cầu của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, mở cửa tích cực, chủ động và hội nhập quốc tế, Học viện Quan hệ Quốc tế đã được nâng cấp và đổi tên thành Học viện Ngoại giao theo Nghị định số: 15/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 04/02/2008. Học viện Ngoại giao có các chức năng nghiên cứu chiến lược về quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại, đào tạo đại học, sau đại học và bồi dưỡng cán bộ đối ngoại.

Học viện Ngoại giao hiện là trung tâm quốc gia hàng đầu trong lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo về quan hệ quốc tế ở Việt Nam, cũng như trong mạng lưới hợp tác quốc tế về quan hệ quốc tế. Đồng thời, Học viện Ngoại giao là đơn vị nòng cốt trong việc thực hiện công tác nghiên cứu và dự báo chiến lược của

Bộ Ngoại giao, đóng vai trò tham mưu cho Lãnh đạo Bộ Ngoại giao trong hoạch định chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Chức năng - nhiệm vụ:

Chức năng của Học viện Ngoại giao được quy định tại Quyết định số 82/2008/QĐ-TTg ngày 23/06/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

- Học viện Ngoại giao là tổ chức sự nghiệp trực thuộc Bộ Ngoại giao, được thành lập trên cơ sở nâng cấp Học viện Quan hệ Quốc tế.

- Học viện Ngoại giao có chức năng nghiên cứu chiến lược về quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại; đào tạo đại học, sau đại học và bồi dưỡng cán bộ đối ngoại.

- Học viện Ngoại giao có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu có hình Quốc huy, có tài khoản riêng theo quy định của pháp luật, có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội.

Trên cơ sở chức năng mới, nhiệm vụ của Học viện Ngoại giao cũng được bổ sung, bao gồm:

▪ Về nghiên cứu khoa học:

a) Tổ chức nghiên cứu, tổng hợp và dự báo chiến lược về tình hình thế giới, quan hệ quốc tế, các vấn đề chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, luật pháp, văn hoá và chính sách đối ngoại của các quốc gia và vùng lãnh thổ, tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong việc xây dựng, hoạch định và thực hiện chính sách đối ngoại của Nhà nước;

b) Nghiên cứu, xây dựng lý luận quan hệ quốc tế của Việt Nam, trên cơ sở tổng kết lịch sử ngoại giao Việt Nam và lịch sử, lý luận quan hệ quốc tế;

c) Hợp tác, trao đổi học thuật với các trường đại học, học viện, viện, trung tâm nghiên cứu và các tổ chức liên Chính phủ, phi Chính phủ trong và ngoài nước, phù hợp với chức năng và nhiệm vụ được giao;

d) Là cơ quan đầu mối trong việc tổ chức và quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học của Bộ Ngoại giao.

▪ Về đào tạo, bồi dưỡng:

a) Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học về quan hệ quốc tế, luật quốc tế, kinh tế quốc tế, ngoại ngữ và các chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật;

b) Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quan hệ quốc tế, chính sách đối ngoại, nghiệp vụ ngoại giao, ngoại ngữ cho cán bộ lãnh đạo, quản lý của các Bộ, ngành, địa phương; cán bộ, công chức, viên chức trong ngành ngoại giao và cán bộ làm công tác đối ngoại của các Bộ, ngành và địa phương; tiến hành kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ đối ngoại, ngoại ngữ của các đối tượng liên quan theo quy định và thẩm quyền được giao;

c) Liên kết đào tạo ở bậc đại học và sau đại học, hợp tác đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ ngoại giao, ngoại ngữ với các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước và nước ngoài.

- Biên soạn và xuất bản các ấn phẩm, công trình nghiên cứu khoa học, giáo trình, tài liệu giảng dạy về đối ngoại, lịch sử ngoại giao Việt Nam, thế giới, quan hệ quốc tế và các lĩnh vực liên quan.

- Tham gia thực hiện công tác tuyên truyền đường lối, chính sách đối ngoại của Nhà nước.

- Quản lý cán bộ, viên chức, cơ sở vật chất của Học viện Ngoại giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Ngoại giao.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công hoặc uỷ quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

Sứ mạng của Học viện

Trên cơ sở chức năng và nhiệm vụ được giao phó, Học viện Ngoại giao có sứ mạng:

- Là trung tâm quốc gia hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo về quan hệ quốc tế, từng bước vươn lên ngang tầm với các nước trong khu vực.

- Là đơn vị chính thực hiện công tác nghiên cứu và dự báo chiến lược trong Bộ, tăng cường tính ứng dụng, gắn kết với trọng tâm đối ngoại của Bộ Ngoại giao

và đóng vai trò tham mưu cho Lãnh đạo Bộ Ngoại giao trong việc hoạch định chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

- Là nơi chuyên đào tạo cán bộ làm công tác đối ngoại ở bậc đại học và sau đại học cho cả nước. Tiếp cận, áp dụng những phương pháp và phương tiện giảng dạy mới, nhằm đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có lý thuyết vững, kỹ năng thực hành cao, ngoại ngữ giỏi; cung cấp nguồn nhân lực phục vụ ngành ngoại giao và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mở rộng các loại hình đào tạo đại học và sau đại học, có chọn lọc, phù hợp với khả năng và điều kiện của Học viện, đảm bảo tính chính quy, chuyên nghiệp và vị trí đầu đàn của Học viện trong đào tạo ngành quan hệ quốc tế. Mở rộng và chuẩn hóa các loại hình đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ về kiến thức, nghiệp vụ, kỹ năng tác nghiệp và ngoại ngữ cho Bộ Ngoại giao, các Bộ, ban ngành, tổ chức đoàn thể trung ương và các địa phương. Mục tiêu dài hạn là tiến tới đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đối ngoại cao cấp cho đất nước.

- Triển khai sâu rộng các chương trình hợp tác quốc tế và hợp tác với các cơ quan trong nước trong các lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo. Là đầu mối của các hoạt động nghiên cứu kênh II của Việt Nam về quan hệ quốc tế.

Thành tích đạt được:

Học viện đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng:

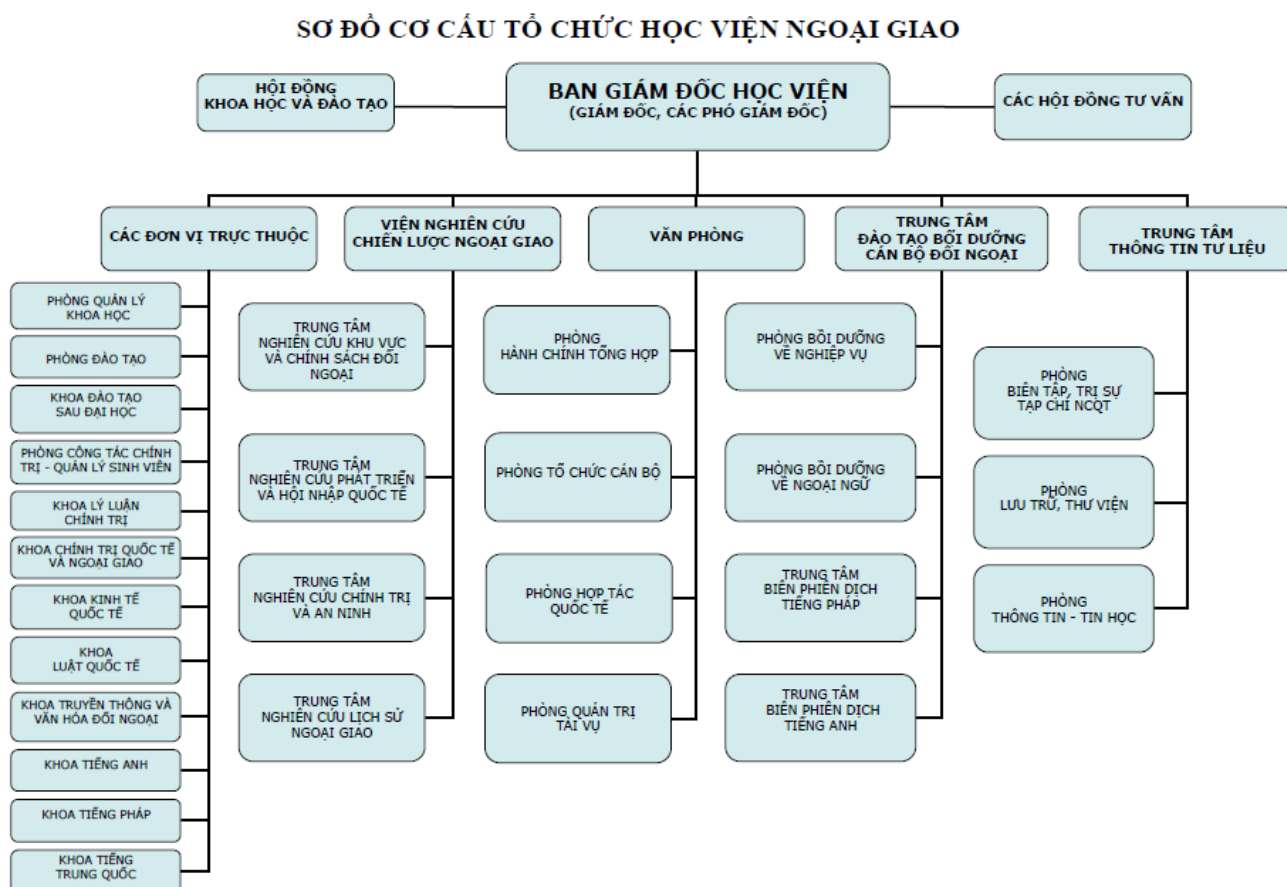
- Huân chương Lao động Hạng Nhất
- Huân chương Độc lập Hạng Ba
- Huân chương Độc lập Hạng Nhì
- Huân chương Hồ Chí Minh

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của Học viện

Học viện Ngoại giao được tổ chức theo cơ cấu như sau:

1. Viện Nghiên cứu Chiến lược Ngoại giao.
2. Trung tâm Đào tạo, Bồi dưỡng Cán bộ đối ngoại.
3. Trung tâm Thông tin, Tư liệu.
4. Văn phòng.
5. Phòng Quản lý Khoa học.

6. Phòng Đào tạo.
7. Phòng Công tác chính trị, quản lý sinh viên.
8. Khoa Sau Đại học.
9. Khoa Lý luận Chính trị.
10. Khoa Chính trị Quốc tế và Ngoại giao.
11. Khoa Kinh tế Quốc tế.
12. Khoa Luật Quốc tế.
13. Khoa Truyền thông và Văn hoá đối ngoại.
14. Khoa Tiếng Anh.
15. Khoa Tiếng Pháp.
16. Khoa Tiếng Trung Quốc



III. CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN HỌC VIỆN

13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Học viện

STT	Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại
1	Quyền Giám đốc	Đặng Đình Quý	Th.S. Tổng Cục trưởng	04.38343242
2	Phó Giám đốc	Nguyễn Đình Thao	Th.S. Phó Tổng Cục trưởng	04.37751219
3	Phó Giám đốc	Ng. Thái Yên Hương	PGS. TS. Phó Tổng Cục trưởng	04.38357440
4	Đảng uỷ	Nguyễn Đình Thao	Th.S, Bí thư Đảng uỷ	04.37751219
5	Công đoàn	Đỗ Anh Tuấn	Th.S, Chủ tịch CĐ	Máy lẻ 261
6	Đoàn TNCSHCM	Đỗ Tư Hiền	Th.S, Bí thư ĐTN	Máy lẻ 138
7	Văn Phòng	Đoàn Thị Phương Dung	Th.S, Q. Chánh Văn phòng	Máy lẻ 124
8	Phòng Đào tạo	Nguyễn Thị Thìn	Th.S, Trưởng phòng	04. 38343550
9	Phòng TCCB	Nguyễn Thái Học	Th.S, Trưởng phòng	Máy lẻ 103
10	Phòng QT - TV	Bùi Thế Dũng	CN, Trưởng phòng	04.38343551
11	Khoa Sau Đại học	Ng. Thúy Quỳnh	Th.S. Phó Trưởng khoa	Máy lẻ 120
12	Khoa Kinh tế Quốc tế	Nguyễn Văn Lịch	PGS. TS, Trưởng khoa	Máy lẻ 145
13	Khoa Luật Quốc tế	Phạm Lan Dung	Th.S, Trưởng khoa	Máy lẻ 144
14	Khoa Chính trị QT và Ngoại giao	Đỗ Sơn Hải	TS, Trưởng khoa	Máy lẻ 148
15	Khoa Văn hoá truyền thông đối ngoại	Lê Thanh Bình	PGS.TS, Trưởng khoa	Máy lẻ 149
16	Khoa Tiếng Anh	Nguyễn Văn Hanh	Th.S, Trưởng khoa	Máy lẻ 263

17	Khoa Tiếng Pháp	Đỗ Đức Thành	Th.S, Trưởng khoa	Máy lẻ 155
18	Khoa Tiếng Trung	Chu Quỳnh Chi	Th.S, Trưởng khoa	Máy lẻ 160
19	Khoa Lý luận chính trị	Bạch Thanh Bình	TS, Trưởng Khoa	Máy lẻ 146
20	Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đối ngoại	Nguyễn Mạnh Cường	Th.S, Giám đốc Trung tâm	Máy lẻ 147
21	Viện NC chiến lược NG	Hoàng Anh Tuấn	TS. Viện trưởng	04.38359247
22	Viện NC chiến lược NG	Nguyễn Hùng Sơn	ThS. Phó Viện trưởng	Máy lẻ 162
23	Trung tâm nghiên cứu An ninh- Chính trị	Nguyễn Nam Dương	TS. Giám đốc Trung tâm	Máy lẻ 127
24	Trung tâm nghiên cứu Hội nhập và Phát triển	Tô Minh Thu	TS, Giám đốc Trung tâm	Máy lẻ 185
25	Trung tâm nghiên cứu CSDN và khu vực	Trần Việt Thái	ThS, Giám đốc Trung tâm	máy lẻ 128
26	Phòng Quản lý KH	Tạ Minh Tuấn	Th.S. Q.Trưởng phòng	04.38343548
27	Trung tâm TT- Tư liệu	Phạm Thanh Dũng	Th.S, Giám đốc Trung tâm	Máy lẻ 124

14. Tổng số cán bộ của Học viện (tính đến thời điểm đánh giá): 191

- Nam: 78 - Nữ: 103
 - Biên chế: 133 - Hợp đồng: 58

15. Các chương trình đào tạo:

Cao đẳng: 01 Đại học: 05
 Thạc sĩ: 01 Tiến sĩ: 01

16. Các loại hình đào tạo của trường: bao gồm Chính quy và Không chính quy.**17. Tổng số khoa đào tạo: 07****18. Tổng số chuyên ngành đào tạo: 08**

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 01
 Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01
 Số lượng chuyên ngành đào tạo đại học: 05

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 01

19. Tổng số cán bộ giảng dạy (chỉ tính những người trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây nhất):

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
1	Cán bộ cơ hữu	63	95	158
a	Cán bộ trong biên chế	47	86	133
b	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	08	08	16
2	Các cán bộ khác: Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	23	19	42
Tổng số		99	146	245

20. Tuổi trung bình của cán bộ giảng dạy: 40

21. Số CBGD có học hàm học vị

- Giáo sư/Phó Giáo sư: 05
- TSKH/TS: 24
- Thạc sĩ: 73
- Cử nhân: 38
- Trình độ khác: 02

22. Tỷ lệ sinh viên hệ chính quy trên 1 giáo viên cơ hữu: 15,78

23. Số lượng CBGD tham gia nghiên cứu khoa học (tính theo số báo cáo KH từ cấp trường trở lên trong 5 năm gần nhất).

- Số CBGD có 1 báo cáo KH: 10
- Số CBGD có 2 báo cáo KH: 04
- Số CBGD có 3 báo cáo KH: 04
- Số CBGD có 4 báo cáo KH: 03
- Số CBGD có 5 báo cáo KH trở lên: 03

IV. NGƯỜI HỌC

24. Tổng số học sinh đăng ký thi vào trường, số sinh viên được tuyển vào trường trong 5 năm gần đây nhất:

- Năm 2004: Số đăng ký dự thi: 1165 Số nhập học: 225
- Năm 2005: Số đăng ký dự thi: 753 Số nhập học: 273
- Năm 2006: Số đăng ký dự thi: 686 Số nhập học: 363

- Năm 2007: Số đăng ký dự thi: 3983 Số nhập học: 414
- Năm 2008: Số đăng ký dự thi: 3270 Số nhập học: 507
- Năm 2009: Số đăng ký dự thi: 4600 Số nhập học: 540
- Năm 2010: Số đăng ký dự thi: 4620 Số nhập học: 456

25. Số lượng sinh viên/ học viên cao học/ nghiên cứu sinh (từ 2003 - 2010)

<i>Năm học</i>	<i>Cao đẳng</i>		<i>Đại học</i>		<i>Thạc sỹ</i>	<i>Tiến sỹ</i>
	Chính quy	Không chính quy	Chính quy	Không chính quy		
2005- 2006						
Nam			50	41	33	
Nữ			178	51	34	
<i>Tổng</i>		0	228	92	67	0
2006- 2007						
Nam			85	47	36	
Nữ			305	65	35	
<i>Tổng</i>		0	390	112	71	0
2007- 2008						
Nam			60	76	38	
Nữ			321	47	50	
<i>Tổng</i>		0	381	123	88	0
2008- 2009						
Nam		21	90	49	45	
Nữ		81	400	82	57	
<i>Tổng</i>		102	490	141	102	0
2009- 2010						
Nam		11	169		53	
Nữ		93	371		74	
<i>Tổng</i>		104	540		127	0

26. Số sinh viên quốc tế:

Số lượng	Năm học						
	2003-2004	2004-2005	2005-2006	2006-2007	2007-2008	2008-2009	2009-2010
	20	15	33	28	15	65	86

27. Tỷ lệ sinh viên có chỗ ở trong kí túc xá : 10%

28. Số lượng đề tài sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học: 15 đề tài (tính từ 2003-2010)

29. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

V. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN, TÀI CHÍNH

30. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²) : 10.650 m²

31. Diện tích sử dụng cho (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 1.144m²

- Nơi học: 1.364 m²

- Nơi vui chơi, giải trí: bao gồm công viên vườn hoa và sân chơi thể thao có diện tích trên 1.500 m²

32. Tổng số đầu sách trong các thư viện của trường: 20.000 (34.693 bản sách)

33. Tổng số máy tính trong trường: 180, trong đó:

- Dùng cho văn phòng: 116

- Dùng cho sinh viên học tập: 64

34. Tổng kinh phí nhà nước cấp cho trường trong 5 năm gần nhất:

- Năm 2002 : 5.082 triệu đồng

- Năm 2003 : 5.660 triệu đồng

- Năm 2004 : 6.092 triệu đồng

- Năm 2005 : 6.430 triệu đồng

- Năm 2006 : 6.750 triệu đồng

- Năm 2007 : 7.220 triệu đồng

- Năm 2008 : 8.740 triệu đồng

- Năm 2009: 9.820 triệu đồng

- Năm 2010: 11.110 triệu đồng

35. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần nhất:

- Năm 2004 : 1.684 triệu đồng

- Năm 2005 : 1.690 triệu đồng

- Năm 2006 : 2.040 triệu đồng
- Năm 2007 : 2.850 triệu đồng
- Năm 2008 : 4.497 triệu đồng
- Năm 2009: 3.560 triệu đồng
- Năm 2010: 5.120 triệu đồng

36. Tỷ lệ kinh phí chi cho nghiên cứu khoa học: chiếm xấp xỉ 20 % tổng kinh phí thường xuyên.

PHẦN II. BÁO CÁO TỔNG QUÁT CỦA HỌC VIỆN

I. Đặt vấn đề:

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của mỗi trường Đại học, đặc biệt trong thời kỳ hội nhập và yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Việc nâng cao chất lượng đào tạo là yêu cầu bức thiết. Trong những năm qua, Học viện luôn luôn quan tâm đến chất lượng đào tạo, đã và đang thực hiện các biện pháp đảm bảo chất lượng đào tạo. Vì vậy, Học viện đã đăng ký Tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục đại học theo 10 tiêu chuẩn, 53 tiêu chí về kiểm định chất lượng ban hành theo Quyết định số: 65/2007/QĐ – BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong tổng thể các hoạt động kiểm định chất lượng các trường đại học. Trong quá trình này, Học viện căn cứ vào các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng, hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, từ đó chỉ ra những mặt mạnh, mặt yếu cần khắc phục, cải tiến, đề ra các biện pháp điều chỉnh các nguồn lực và thực hiện các quá trình nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra.

Tự đánh giá không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá bên ngoài, mà còn thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ xã hội theo chức năng nhiệm vụ được giao và phù hợp với tôn chỉ, sứ mệnh của nhà trường.

Mục đích tự đánh giá: Đánh giá thực trạng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Học viện. Trên cơ sở những kết quả đánh giá, Học viện tiếp tục đổi mới theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, từng bước hội nhập khu vực và quốc tế. Đồng thời đăng ký đánh giá ngoài.

Phạm vi tự đánh giá: Tự đánh giá trong phạm vi toàn Học viện theo 10 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành theo Quyết định số 65/2007/QĐ –BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo.

Hội đồng tự đánh giá: Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số: 188B/QĐ-ĐT, ngày 18/7/2008 của Giám đốc Học viện (Có quyết định kèm theo).

Để triển khai hoạt động tự đánh giá, Ban thư ký hội đồng và các nhóm chuyên trách đã tiến hành thu thập thông tin minh chứng từ các nguồn tư liệu trong Học viện, ngoài Học viện, làm cơ sở phân tích, đối chiếu với các tiêu chí của bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

Tháng 4/ 2008: Trường đã tổ chức cuộc hội thảo về kiểm định chất lượng, quán triệt tinh thần văn hoá minh chứng đối với toàn thể cán bộ chủ chốt, với mong muốn lần tự đánh giá này phản ánh tổng quan thực trạng Học viện Ngoại giao.

Những đợt hội thảo tiếp theo trong năm 2009, 2010, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách đã làm việc theo lịch trình, khẩn trương thu thập minh chứng và viết báo cáo. Vì có nhiều lý do riêng biệt của ngành, Học viện Ngoại giao trong năm 2010 mới hoàn thành xong báo cáo tự đánh giá này.

Bộ tài liệu tự đánh giá gồm có:

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.
2. Quyết định thành lập Ban thư ký và các nhóm chuyên trách.
3. Kế hoạch tự đánh giá.
4. Báo cáo tự đánh giá.
5. Tổng hợp kết quả tự đánh giá.
6. Danh mục minh chứng.

II. Tổng quan

Học viện Ngoại giao được thành lập theo Quyết định Số 82/2008/QĐ – TTg ngày 23 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, trên cơ sở nâng cấp Học viện Quan hệ Quốc tế (tiền thân là Trường Ngoại

giao - thành lập năm 1959). Là một trường đại học có bề dày đào tạo, không ngừng phát triển, với nhiều thành tựu đạt được trong những năm qua, Học viện Ngoại giao đã trở thành một trong những trường Đại học lớn nhất nước. Nhà trường luôn coi người học là đối tượng trung tâm, được cung cấp kiến thức sâu về ngoại giao, sử dụng đầy đủ các phương tiện và thiết bị hiện đại, hỗ trợ cho chương trình đào tạo. Các phương pháp giảng dạy – học tập tiên tiến đã giúp cho người học tích lũy và nâng cao tri thức, phát triển khả năng tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo và học tập theo nhóm.

Học viện đã cung cấp một nguồn lực có chất lượng cao, phù hợp với sự phát triển của kinh tế – xã hội, phục vụ Tổ Quốc trên mặt trận Ngoại giao.

Đảm bảo chất lượng luôn luôn là mục tiêu phấn đấu lâu dài của Học viện. Do đó, Học viện tự đánh giá để nhìn thấy những ưu, nhược điểm, xây dựng kế hoạch hành động nhằm duy trì các chuẩn mực và nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục. Điều này cũng thể hiện được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Học viện đối với xã hội trong hoạt động Đào tạo, nghiên cứu khoa học, phù hợp với mục tiêu sứ mạng đã cam kết.

TIÊU CHUẨN 1

SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1. Những điểm mạnh:

Thực hiện giải pháp về đổi mới quản lý và xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục Đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGD&ĐT) giai đoạn 2001 - 2010, ngay từ trước năm 2001, Học viện đã tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển trung hạn 2001- 2005, trong đó xác định rõ sứ mạng và mục tiêu phát triển Học viện. Năm học 2004 - 2005, căn cứ các định hướng phát triển giáo dục của BGD&ĐT, căn cứ vào định hướng phát triển ngành của Bộ Ngoại giao, Học viện tổ chức rà soát, điều chỉnh và xây dựng kế hoạch chiến lược trung hạn giai đoạn 2006 - 2010.

Có thể khẳng định rằng, qua 02 lần xây dựng và điều chỉnh, sứ mạng và mục tiêu của Học viện qua các giai đoạn là hoàn toàn *phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và với các nguồn lực* của Học viện, luôn *gắn kết với chiến lược phát triển của ngành và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hà Nội và của cả nước* trong lĩnh vực đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ ngoại giao và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hàng năm, trên cơ sở các mục tiêu kế hoạch chiến lược phát triển trung hạn, Học viện đã *cụ thể hoá* thành các nhiệm vụ thực hiện, đề ra các giải pháp triển khai, đưa ra các chỉ số thực hiện, chỉ tiêu phấn đấu để *các đơn vị trong trường triển khai thực hiện* theo các chức năng và nhiệm vụ được phân công. Tính đến nay, hầu hết các chỉ số thực hiện theo kế hoạch, trong đó đặc biệt là các chỉ số về phát triển đào tạo, phát triển qui mô, phát triển cơ cấu tổ chức, đầu tư trang thiết bị đào tạo và cơ sở vật chất, phục vụ cộng đồng, Học viện đều đạt và vượt các chỉ tiêu đã đề ra.

2. Những tồn tại và kế hoạch:

Chưa đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền về sứ mạng và mục tiêu giáo dục của Học viện; công tác quản lý kế hoạch chiến lược chưa cụ thể, còn dàn trải.

Trong năm 2009, 2010, 2011 Học viện sẽ nhanh chóng cải tiến công tác lập và quản lý kế hoạch chiến lược; cải tiến công tác tổng kết và đánh giá thực hiện kế hoạch chiến lược; Tập trung cho xây dựng các chiến lược phát triển đội ngũ, nghiên cứu khoa học và quan hệ quốc tế; Tìm kiếm các biện pháp bổ sung các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực tài chính.

TIÊU CHUẨN 2: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

1. Những điểm mạnh:

Học viện Ngoại giao hoạt động theo Quyết định số 82/2008/QĐ -TTg ngày 23/06/2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao đã được cụ thể hoá trong Đề án nâng cấp Học viện Ngoại giao. Đề án này đã qui định rõ trách nhiệm, quyền hạn của tập thể lãnh đạo, cá nhân cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong toàn Học viện. Các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban và các đơn vị trong Học viện được ban hành thống nhất và được Giám đốc Học viện phê duyệt, phổ biến đến từng cán bộ viên chức và thông báo công khai trên website của Học viện; Học viện đã thực hiện tốt chế độ phân cấp quản lý theo qui định của Nhà nước. Học viện đã xây dựng được các kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn phù hợp với việc phát triển kinh tế - xã hội của Bộ Ngoại giao và của của thành phố Hà Nội.

Các qui trình quản lý, phân công nhiệm vụ của từng cá nhân trong Học viện cũng được qui định rõ ràng bằng văn bản, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lí, điều hành.

Học viện có quy chế phối hợp hoạt động rõ ràng giữa Đảng ủy, chính quyền và các đoàn thể. Các hoạt động đều đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai. Đảng bộ Học viện 5 năm liên tục được công nhận Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Công đoàn Học viện được Liên đoàn lao động Thành phố Hà Nội công nhận là tổ chức Công đoàn xuất sắc của Thành phố. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Học viện được Thành đoàn Hà Nội và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng nhiều bằng khen về thành tích công tác trong từng năm và 5 năm qua.

2. Những tồn tại và kế hoạch:

Đội ngũ cán bộ quản lý được học tập, bồi dưỡng về kiến thức quản lý giáo dục còn ít, chưa đồng đều. Công tác tổng kết, đánh giá thi đua chưa theo kịp sự phát triển chung của Học viện.

Học viện sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo quy định trong Điều lệ trường Đại học; Kết hợp tốt công tác qui hoạch và công tác bồi dưỡng cán bộ; Đẩy mạnh phân cấp, phân nhiệm; Đổi mới công tác quản lý cấp khoa và công tác quản lý lao động giảng dạy; Cải tiến công tác quản lý lao động sao cho phù hợp với từng loại hình lao động; Cải tiến công tác thi đua khen thưởng.

TIÊU CHUẨN 3: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Những điểm mạnh:

Năm 2001, Bộ Giáo dục và Đào tạo giao cho Học viện chủ trì xây dựng chương trình khung cho ngành Quan hệ quốc tế, Học viện đã tổ chức nghiên cứu, xin ý kiến của nhiều chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu về quan hệ quốc tế; Năm 2003, trên cơ sở chương trình khung do BGD&ĐT ban hành, Học viện đã đặc biệt quan tâm tới việc xây dựng cũng như cập nhật và hiệu chỉnh các chương trình đào tạo, để đảm bảo tính khoa học và thực tiễn, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập cho từng chuyên ngành. Sau nhiều năm biên soạn, cho đến nay, các chương trình đào tạo của Học viện đã được xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ, trên cơ sở bám sát chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Các chương trình đào tạo đều có *mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể rõ ràng, có cấu trúc hợp lý, đáp ứng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của thị trường lao động*.

Học viện có qui trình xây dựng và thông qua chương trình đào tạo mới, quy trình rà soát, hiệu chỉnh các chương trình, kế hoạch đào tạo rõ ràng. Hàng năm, các chương trình, kế hoạch đào tạo các ngành được các Hội đồng khoa học (do Giám đốc Học viện quyết định thành lập) *rà soát, cập nhật và điều chỉnh* cho phù hợp với yêu cầu của ngành, của xã hội.

Thông tin về các chương trình giáo dục đào tạo được phổ biến rộng rãi, chi tiết trên Website của Học viện, để người học và xã hội có thể theo dõi, tìm

hiệu. Việc thực hiện các kế hoạch giảng dạy và học tập được giám sát một cách nghiêm túc, thường xuyên.

2. Những tồn tại và kế hoạch:

Công tác đánh giá, lấy ý kiến từ các nhà tuyển dụng lao động, các doanh nghiệp đối với các chương trình giáo dục, đào tạo của Học viện chưa được làm một cách thường xuyên.

Trong năm học 2009-2010, Học viện đã lên kế hoạch lấy ý kiến góp ý từ các nhà tuyển dụng lao động, các doanh nghiệp đối với các chương trình giáo dục đào tạo của Học viện, coi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng năm học của nhà trường.

TIÊU CHUẨN 4: CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

1. Những điểm mạnh:

Trong nhiều năm qua, các hoạt động đào tạo của Học viện đã được mở rộng về quy mô, đa dạng hoá và mềm dẻo về phương thức đào tạo, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người học và nhu cầu về nhân lực cho thị trường lao động. Học viện đã chủ động tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, xây dựng các phòng học chuyên ngành, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, cải tiến quy trình kiểm tra đánh giá người học.

Hiện tại, Học viện có hai phương thức đào tạo: tập trung và không tập trung. Các khoá đào tạo của hai phương thức sử dụng chung chương trình đào tạo.

Đổi mới phương pháp giảng dạy trở thành một tiêu chí đánh giá trong xây dựng các chương trình đào tạo của Học viện, như mở lớp bồi dưỡng sư phạm cho các giáo viên, ban hành qui chế khuyến khích biên soạn giáo trình và tài liệu học tập cho sinh viên; khuyến khích nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá; tổ chức hội thảo; tăng cường trang thiết bị công nghệ hiện đại phục vụ giảng dạy. Hiện nay, 100% các bộ môn được trang bị máy tính có nối internet, bộ phận phục vụ được bố trí gần lớp học, để việc sử dụng các thiết bị thuận tiện và có hiệu quả hơn.

Đội ngũ giáo viên đã thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học. Tiêu chí giáo viên phải tham gia nghiên cứu khoa học, đổi mới phương pháp giảng dạy,

biên soạn tài liệu học tập cho sinh viên đã trở thành các tiêu chuẩn để đánh giá hiệu quả công tác.

Công tác kiểm tra, đánh giá đã đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, công bằng và phù hợp với tình hình hiện nay. Kết quả học tập của sinh viên được thông báo công khai, được lưu trữ tại các khoa và tại Phòng Đào tạo, được quản lý và lưu trữ bằng sổ sách, phần mềm máy tính, đảm bảo an toàn dữ liệu và thuận lợi trong quản lý, truy cập, tổng hợp, báo cáo. Việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ đã thực hiện đúng qui định không có tiêu cực và không để xảy ra khiếu kiện.

2. Những tồn tại và kế hoạch:

Học chế tín chỉ chưa được áp dụng rộng rãi. Do đó, từ năm 2008, Học viện đã thành lập Hội đồng xây dựng tiến trình chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế, kết hợp với học phần sang tín chỉ. Học viện đã cử cán bộ đi tập huấn, học tập kinh nghiệm của các trường đại học, tổ chức hội thảo trong toàn trường, liên minh giữa các trường về đào tạo theo tín chỉ. Phân quyền về các khoa quản ngành; đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở phạm vi toàn khóa học và đối với từng môn học; rà soát và ban hành các văn bản qui định về tổ chức giảng dạy, đổi mới và đa dạng hóa phương pháp giảng dạy.

TIÊU CHUẨN 5: ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN

1. Những điểm mạnh:

Học viện đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên giai đoạn dài hạn đến năm 2010 và những năm kế tiếp; kế hoạch, qui trình và tiêu chí tuyển dụng giáo viên đã được công bố rõ ràng minh bạch; Học viện đã ban hành tiêu chuẩn cụ thể cho từng chức danh của cán bộ quản lý, từ Ban Lãnh đạo Học viện đến trưởng, phó các đơn vị.

Học viện đã thực hiện tốt qui chế dân chủ cơ sở. Hàng năm, Học viện tổ chức các hội nghị Công nhân viên chức, hội nghị tổng kết công tác Khối, để CBVC đóng góp ý kiến về mục tiêu, kế hoạch của đơn vị và của Học viện. Ban Lãnh đạo Học viện có lịch tiếp cán bộ, viên chức và sinh viên hàng tháng. Đội

ngũ cán bộ quản lý thực hiện tốt các chủ trương, chính sách về giáo dục và làm việc có hiệu quả.

Học viện có qui định cụ thể về các mức hỗ trợ về thời gian và khối lượng công tác như giảm từ 50% đến 100% khối lượng công tác khi CBVC tham gia các khóa học nâng cao trình độ, hỗ trợ kinh phí cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước. 100% đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên kỹ thuật của Học viện đều có trình độ chuyên môn phù hợp với công việc.

2. Những tồn tại và kế hoạch

Mặc dù trong những năm qua, đội ngũ CBVC phát triển mạnh, song vẫn chưa đáp ứng kịp với sự phát triển về qui mô đào tạo. Số cán bộ có học hàm GS, PGS, TSKH, TS còn ít. Các khoa chưa thực sự chủ động tìm kiếm nguồn nhân lực bổ sung và bồi dưỡng đội ngũ hiện tại. Công tác đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên chưa thực sự hiệu quả, còn mang tính hình thức, chưa thực sự tác động một cách tích cực đến chất lượng giảng dạy.

Học viện tổ chức định biên để có kế hoạch bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên; chú trọng đào tạo phát triển thu hút cán bộ công chức có chức danh, trình độ phù hợp với yêu cầu phát triển Học viện; đổi mới công tác đánh giá hoạt động giảng dạy, theo hướng triển khai công tác đảm bảo chất lượng các chương trình đào tạo và các chương trình môn học, ở cả bốn cấp Học viện – Khoa - Bộ môn – cán bộ giảng dạy.

TIÊU CHUẨN 6: NGƯỜI HỌC

1. Những điểm mạnh:

Đây là mảng công tác được Học viện đặc biệt quan tâm. Học viện đã tiến hành nhiều biện pháp, hoạt động cụ thể trong công tác đối với người học như thông qua Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên, để tổ chức sinh hoạt đầu khoá cho các khoá mới tuyển sinh; Tổ chức tuần lễ công dân cho các khoá cũ; Khám sức khỏe, mua bảo hiểm y tế;

- Hàng năm, tổ chức giao lưu giữa học sinh, sinh viên với Lãnh đạo Học viện và các phòng, ban, khoa trong Học viện;
- Hỗ trợ sinh viên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, hội diễn văn nghệ, hội thi kiến thức;
- Tổ chức các dịch vụ hỗ trợ sinh viên, như tiếp sức mùa thi, tư vấn tìm chỗ trọ, tìm kiếm việc làm;
- Tổ chức lễ phát bằng tốt nghiệp và ngày hội việc làm;
- Tìm nguồn học bổng cho sinh viên;
- Tổ chức hoạt động mùa hè xanh hàng năm;
- Tổ chức các buổi tham quan, về nguồn, hội thi tìm hiểu về Đảng, về ngành Ngoại giao Việt Nam, về chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm tạo môi trường cho sinh viên tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức.
- Tổ chức xét nợ học phần, xét tốt nghiệp, cho điểm rèn luyện, xét cấp học bổng đúng qui định. Việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ không để xảy ra sai sót, khiếu kiện.

Tất cả những hoạt động trên được thông báo công khai trên hệ thống bảng tin của Phòng Đào tạo, của Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên, của các Khoa, đơn vị chức năng, cũng như thông qua website chính thức của Học viện.

Đảng ủy Học viện đã có chương trình, kế hoạch phát triển Đảng trong đội ngũ sinh viên. Trong 5 năm qua, Đảng ủy đã kết nạp được 21 đoàn viên ưu tú vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Những tồn tại và kế hoạch:

- Hoạt động tư vấn cho sinh viên tìm việc làm sau tốt nghiệp còn ít,
- Chưa tổ chức được nhiều hoạt động liên kết đào tạo sinh viên tại các địa phương và nước ngoài.

Do đó, trong những năm học tiếp theo, Học viện sẽ tăng cường các hoạt động của các tổ chức cựu sinh viên, để các tổ chức này trở thành cầu nối giữa Học viện với các tổ chức, doanh nghiệp, giúp sinh viên tìm việc làm, tìm nguồn học bổng cho học tập, nghiên cứu của sinh viên.

TIÊU CHUẨN 7: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

1. Những điểm mạnh:

Công tác nghiên cứu khoa học gắn liền với từng bước xây dựng và trưởng thành của Học viện. Trong những giai đoạn đầu của Học viện, trọng tâm nghiên cứu khoa học là xây dựng mục tiêu, yêu cầu đào tạo, nội dung chương trình đào tạo, nội dung, chương trình các môn học. Những vấn đề này đã thường xuyên phải điều chỉnh, cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng từng giai đoạn, phù hợp với đối tượng đào tạo. Trong giai đoạn hiện nay, được sự chỉ đạo của Bộ Ngoại giao, BGD&ĐT, Học viện đã cơ bản hoàn thành việc điều chỉnh mục tiêu, yêu cầu đào tạo cho giai đoạn mới, xây dựng chương trình tổng thể cũng như các chương trình môn học theo tinh thần đổi mới.

Việc biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy và học tập là một nội dung quan trọng của công tác nghiên cứu khoa học. Học viện đã biên soạn hàng chục bộ giáo trình các môn Lịch sử quan hệ quốc tế, Chính sách đối ngoại Việt Nam, Luật quốc tế, Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế, Nghiệp vụ ngoại giao, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên, đến nay, nhiều giáo trình đã quá cũ, cần phải biên soạn lại. Được sự chỉ đạo của Bộ, Học viện đang tích cực viết mới giáo trình và đã xuất bản giáo trình Luật kinh tế quốc tế và tiếp đó là giáo trình Lịch sử QHQT, Nghiệp vụ ngoại giao v.v....

Trong thời gian vài năm gần đây, Học viện đã triển khai (trực tiếp thực hiện và tham gia) 2 đề tài cấp Nhà nước, 1 đề tài độc lập cấp Bộ và 38 đề tài cấp Bộ, hàng chục đề tài cấp Vụ, Viện. Ngoài ra, việc tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế và trong nước cũng là một trong những hoạt động chính của công tác nghiên cứu khoa học của Học viện.

Về công tác quản lý khoa học: Với tư cách là cơ quan quản lý khoa học của cả ngành, Học viện đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình từ xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học, đến xin kinh phí, tổ chức nghiệm thu đề tài... góp

phần quan trọng đưa công tác nghiên cứu khoa học của Bộ Ngoại giao vào nền nếp.

2. Những tồn tại và kế hoạch:

Tỷ lệ sinh viên nghiên cứu khoa học còn thấp; phong trào chưa đồng đều giữa các khối, các năm, Học viện đã ban hành chính sách động viên, khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học, dành kinh phí cho nghiên cứu khoa học cho sinh viên nhiều hơn nữa.

TIÊU CHUẨN 8: HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Những điểm mạnh:

Trước đây, quan hệ đối ngoại của Học viện chủ yếu là với Liên Xô. Lúc đó, Trường mời chuyên gia Liên Xô giảng bài, một số lần với chuyên gia Trung Quốc; hợp tác quốc tế chưa có gì đáng kể. Ngày nay, cùng với việc triển khai chính sách đổi mới và mở cửa của Đảng và Nhà nước ta, quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế của Học viện được triển khai mạnh mẽ. Mỗi năm, Học viện đón và làm việc với hàng chục đoàn học giả nước ngoài, cử nhiều đoàn đi tham dự các hội thảo quốc tế, cử người đi học tại các nước v.v...

Học viện đã từng bước xây dựng mở rộng quan hệ với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu ở các nước và vùng lãnh thổ như ASEAN, Trung Quốc, Nhật, Mỹ, Nam Triều Tiên, U'c, Canada, Nga, Tây Bắc Âu, Đài Loan...

Hợp tác quốc tế được triển khai dưới các hình thức: cùng phối hợp tổ chức hội thảo quốc tế, trao đổi học giả, tài trợ mở lớp, trao đổi tài liệu, sách báo, cung cấp học bổng và viết chung công trình khoa học, tài trợ nâng cao cơ sở vật chất của Học viện.v.v...

Học viện đã đứng ra tổ chức hoặc phối hợp với các viện nghiên cứu nước ngoài, trước hết là các viện nghiên cứu chiến lược ASEAN tổ chức hàng chục cuộc hội thảo quốc tế, thực hiện nhiệm vụ ngoại giao kênh II, góp phần tuyên truyền đường lối đổi mới của Việt Nam, đóng góp vào việc mở rộng quan hệ Việt Nam với các nước, nâng cao vị trí quốc tế của nước ta trên trường quốc tế. Đồng thời, tranh thủ được tài trợ của UNDP, quỹ Ford (Mỹ), Quỹ châu A', một số cơ sở

đào tạo ở Mỹ, Singapore, Pháp, Canada, Đài Loan... để nâng cấp cơ sở vật chất, tìm học bổng cho cán bộ và giảng viên, khai thác tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu, đào tạo... của Học viện. Học viện cũng có quan hệ hợp tác với các Đại sứ quán nước ngoài tại Hà Nội. Các cuộc trao đổi, nghiên cứu, trao đổi thông tin giữa các đại sứ, cán bộ sứ quán các nước với lãnh đạo, cán bộ nghiên cứu, giảng dạy của Học viện thường xuyên được tổ chức. Nhiều đại sứ, cán bộ sứ quán đã đến trình bày chuyên đề về các vấn đề quốc tế, về đất nước họ cho cán bộ, giáo viên, sinh viên...

Những năm qua, công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế của Học viện phát triển mạnh mẽ, góp phần thực hiện chính sách đối ngoại đa dạng hoá, đa phương hoá của Đảng và Nhà nước, nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo trong Học viện.

2. Những tồn tại và kế hoạch:

Công tác quan hệ quốc tế của Học viện còn dàn trải, chưa có chiến lược hợp tác cụ thể; các hoạt động hợp tác chủ yếu là tham quan học hỏi kinh nghiệm; công tác triển khai các kinh nghiệm qua tham quan học tập còn chưa được coi trọng; Năng lực hợp tác quốc tế của các khoa và bộ môn còn yếu.

Học viện cần lập kế hoạch hợp tác quốc tế có trọng tâm, trọng điểm; tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các trường và tổ chức quốc tế mà Học viện đã thiết lập được quan hệ; đề ra qui định về chế độ báo cáo và đề xuất áp dụng sau tham quan học tập; tích cực tìm kiếm đối tác mới.

TIÊU CHÍ 9: THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ HỌC TẬP

1. Những điểm mạnh:

Học viện luôn đảm bảo các điều kiện về thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác, để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra.

Học viện đã xây dựng một thư viện chuyên ngành ngoại giao, gần như đứng đầu trong cả nước, với vốn tài liệu phong phú, đa dạng về loại hình. Trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy, nghiên cứu khoa học như máy tính, phòng luyện âm,

phòng multi-media tương đối hiện đại, đa dạng và được khai thác tối đa. Học viện có đủ diện tích lớp học và ký túc xá, theo đúng tiêu chuẩn quy định, có sân bãi cho các hoạt động thể thao, văn hoá. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được luôn đảm bảo.

2. Những tồn tại và kế hoạch:

Hiện nay, do kinh phí hạn hẹp nên giá sách của thư viện vẫn phải sử dụng loại giá cũ từ những năm 60. Các trang bị hiện đại như hệ thống cửa từ, máy scanner màu và máy in đúng tiêu chuẩn vẫn chưa được trang bị. Máy móc, trang thiết bị cho dạy và học đã có, nhưng chưa đồng bộ. Việc đầu tư trang thiết bị chủ yếu tập trung cho giảng dạy, để phục vụ cho nghiên cứu khoa học còn hạn chế.

Từ cuối năm 2007, Học viện đã cấp kinh phí cho thư viện mua giá sách mới và sẽ thay thế toàn bộ giá cũ trong những năm tiếp theo.

TIÊU CHUẨN 10: TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

1. Những điểm mạnh:

Các nguồn tài chính được Học viện tổ chức và quản lý một cách hiệu quả, đặc biệt từ khi có cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định 10/2002/NĐ-CP. Học viện đã xây dựng Quy chế Chi tiêu nội bộ và ban hành thực hiện từ đầu năm 2009.

Công tác xây dựng kế hoạch tài chính, triển khai thực hiện kế hoạch tài chính luôn bám sát yêu cầu thực tế của Học viện và công khai đến các đơn vị. Nguyên tắc công khai, minh bạch tất cả khoản thu - chi luôn được Học viện coi trọng, thực hiện thường xuyên dưới nhiều hình thức, tạo điều kiện cho cán bộ viên chức có thể giám sát công tác tài chính và các hoạt động của Học viện.

Trong vòng 5 năm qua, tính đến thời điểm đánh giá, Học viện *không vi phạm các qui định về quản lý tài chính* và đã được Bộ Ngoại giao khen thưởng....

2. Những tồn tại và kế hoạch:

Các nguồn thu hiện tại của Học viện chủ yếu là từ ngân sách và từ hoạt động đào tạo. Nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ còn chưa đáng kể.

Do đó, cần tìm các giải pháp nhằm đa dạng hoá nguồn thu, phục vụ cho nhu cầu phát triển trong những năm tiếp theo; tiếp tục nghiên cứu và ban hành các qui định về quản lí và sử dụng tài chính, cho phù hợp hơn nữa với qui mô phát triển của Học viện.

PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

TIÊU CHUẨN 1

SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA HỌC VIỆN ĐẠI HỌC

Mở đầu

Sứ mạng của nhà trường đã được xác định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực. Các kế hoạch, chiến lược phát triển của nhà trường đều nhằm phát huy tiềm năng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, đẩy mạnh sự nghiệp đào tạo, nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của khu vực và cả nước. Để thực hiện tốt điều này, Học viện luôn xem xét, điều chỉnh, hoàn thiện thêm sứ mạng của mình để phù hợp với đặc điểm tình hình xã hội và thế giới.

Tiêu chí 1.1:

Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả:

Học viện Ngoại giao là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Ngoại giao, được chính thức thành lập năm 1960, tiền thân là Trường Ngoại giao. Tuy nhiên, từ năm 1956, trường bắt đầu làm nhiệm vụ đào tạo đại học. Trong quá trình xây dựng và phát triển, Học viện đã xác định sứ mạng thích ứng với 4 giai đoạn phát triển cơ bản, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của đất nước và của Thủ đô Hà Nội, với nguồn lực và định hướng phát triển của Học viện, cụ thể là:

Giai đoạn trường mang tên Trường Đại học Ngoại giao (1959 – 1987): Nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Trường trong giai đoạn này là đào tạo cán bộ để bổ sung cho ngành ngoại giao và bổ túc chính trị, nghiệp vụ và ngoại ngữ cho đội ngũ cán Bộ Ngoại giao hiện có của ngành. Sứ mạng của Trường trong giai đoạn này được xác định là một cơ sở đào tạo đại học độc lập, có chức năng đào tạo

chuyên sâu các cán bộ làm công tác đối ngoại cả về chính trị (khoa Ngoại giao) và về kinh tế (khoa Ngoại thương) [01.01.01].

Giai đoạn trường mang tên Viện Quan hệ Quốc tế (1977 – 1987): sứ mạng của Viện được xác định là cơ quan nghiên cứu khoa học của Bộ Ngoại giao gắn liền và phục vụ cho nhiệm vụ chính trị của Bộ Ngoại giao, góp phần vào công tác xây dựng ngành, hỗ trợ cho Trường Ngoại giao trong công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại. [01.01.02]

Giai đoạn trường mang tên Học viện Quan hệ Quốc tế (1992- 2008): Học viện đã xác định sứ mạng của mình là vừa là cơ sở nghiên cứu khoa học về ngoại giao, vừa là trung tâm bồi dưỡng, đào tạo cán bộ đối ngoại cả đại học và sau đại học. [01.01.04 - 01.01.05]

Giai đoạn trường mang tên Học viện Ngoại giao (2008 - nay): Học viện Ngoại giao chính thức công bố sứ mạng của mình bằng văn bản là trường hàng đầu, đào tạo cán bộ cho ngành Ngoại giao, cung cấp nguồn cán bộ có trình độ cao, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, nắm vững kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam; có kỹ năng phân tích và cách tiếp cận vấn đề một cách khoa học; sử dụng thành thạo ít nhất 01 ngoại ngữ. Sinh viên tốt nghiệp, tùy theo lĩnh vực, có thể đảm đương các công việc đối ngoại và hợp tác quốc tế phù hợp tại các Bộ, Ban, Ngành ở Trung ương hoặc địa phương. Các sinh viên này cũng có thể làm công tác nghiên cứu và giảng dạy về quan hệ quốc tế tại các cơ quan nghiên cứu hoặc đào tạo, các hãng truyền thông, các tổ chức xã hội và các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến kinh tế đối ngoại.

2. Đánh giá điểm mạnh:

Sứ mạng của Học viện được xác định một cách rõ ràng. Mục tiêu được xác định cụ thể trong từng giai đoạn và thường xuyên rà soát, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với thực tế nguồn lực của Học viện, cũng như đòi hỏi của xã hội. Đồng thời, mục tiêu này đã được quán triệt đến tất cả các đơn vị, cán bộ, viên chức toàn Học viện để thống nhất thực hiện [01.01.08 - 01.01.09].

Sứ mạng của Học viện luôn phù hợp và gắn kết với xu hướng, chiến lược phát triển của đất nước, của Thủ đô Hà Nội, của ngành đào tạo và nhu cầu xã hội, được định hướng, nhiệm vụ qua từng thời kỳ[01.01.10].

3. Những tồn tại:

Sứ mạng của Học viện chưa được quán triệt sâu sắc đến từng cán bộ, giáo viên và sinh viên, (đặc biệt là với sinh viên không tập trung).

4. Kế hoạch khắc phục: Giao cho phòng Hành chính – tổng hợp, Công tác chính trị và quản lý sinh viên, công đoàn, tiếp tục tuyên truyền và thường xuyên bổ sung và hoàn thiện sứ mạng của Học viện, nhằm nâng cao phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển của đất nước và của Thủ đô Hà Nội.

Tổ chức cho các đơn vị, cá nhân trong trường hiểu rõ, quán triệt sứ mạng của Học viện thông qua các hội nghị, hội thảo sinh hoạt học thuật,...

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 1.2:

Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học, được quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả

Mục tiêu chiến lược đến năm 2015 của Học viện Ngoại giao là: Xây dựng Học viện trở thành trường đại học hiện đại, với cơ sở vật chất và trang thiết bị tiên tiến; là một cơ sở đào tạo theo hướng đa ngành, có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực làm công tác đối ngoại. phục vụ hội nhập quốc tế; là một trung tâm nghiên cứu khoa học có vị thế hàng đầu của cả nước và khu vực trong lĩnh vực quan hệ quốc tế [01.02.01], [01.02.05], [01.02.07].

Theo từng thời kỳ phát triển, mục tiêu của Học viện được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với sứ mạng, chiến lược phát triển của trường và phù hợp với nhu cầu của xã hội về đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực quan hệ quốc tế. Cụ thể mục tiêu của Học viện qua các giai đoạn như sau:

Giai đoạn trường mang tên Trường Đại học Ngoại giao (1959 – 1987): mục tiêu của Trường trong giai đoạn này là giữ vững và phát huy nội lực để luôn hoàn thành nhiệm vụ đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ đại học một cách chính quy và cơ bản, để bổ sung cho ngành Ngoại giao và bổ túc chính trị, nghiệp vụ và ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ Bộ Ngoại giao hiện có của ngành [01.02.17].

Giai đoạn trường mang tên Viện Quan hệ Quốc tế (1977 - 1987): Mục tiêu chiến lược trọng tâm của Viện trong giai đoạn này là phát triển công tác nghiên cứu khoa học của Bộ Ngoại giao, gắn liền và phục vụ cho nhiệm vụ chính trị của Bộ Ngoại giao, đồng thời góp phần vào công tác xây dựng ngành, hỗ trợ cho Trường Ngoại giao trong công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại [01.02.18].

Giai đoạn trường mang tên Học viện Quan hệ Quốc tế (1992-2008): Mục tiêu trọng điểm là đổi mới toàn diện và vững chắc công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, tạo bước chuyển cơ bản về chất lượng đào tạo và bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, giữ vững sự ổn định và phát triển vững chắc của Học viện, phấn đấu đưa Học viện thành một trung tâm đào tạo hàng đầu tại Việt Nam trong đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại có trình độ đại học và sau đại học [01.02.16].

Giai đoạn trường mang tên Học viện Ngoại giao (2008- nay): Mục tiêu trọng điểm của Học viện trong những năm tới là "xây dựng Học viện tiến tới chính quy và chuyên nghiệp". Trọng tâm công tác năm 2009 là "*Hoàn thiện cơ chế điều hành công việc Học viện, xây dựng kế hoạch tổng thể và lâu dài, thi đua chào mừng 50 năm ngày thành lập Học viện*" [01.02.08].

Mục tiêu chiến lược của Học viện đã được cụ thể hoá, trở thành mục tiêu của từng phòng, ban, khoa và các bộ môn, thông qua kế hoạch công tác của Học viện, kế hoạch công tác của các khoa, phòng ban và các đơn vị trong trường, kế hoạch giảng đào tạo hàng năm [01.02.09], [01.02.10], [01.02.11].

Nhờ việc xác định được mục tiêu, triển khai và cụ thể hoá các mục tiêu chiến lược thành các chỉ tiêu kế hoạch của các phòng ban, khoa, bộ môn và các

đơn vị trong Học viện, dựa trên nguồn lực thích hợp, nên Học viện đã từng bước đạt được những thành tích rất đáng khích lệ: Quy mô đào tạo ngày càng được mở rộng: Từ quy mô đào tạo hàng năm chỉ có 57 sinh viên (giai đoạn 1956- 1958), lên 1600 sinh viên [01.02.12]; đa dạng hoá loại hình đào tạo, mở rộng thêm nhiều ngành và chuyên ngành đào tạo: từ 1 chuyên ngành trước đây, lên có 5 chuyên ngành đào tạo; đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu ngày càng trưởng thành [01.02.13].

2. Đánh giá điểm mạnh:

Mục tiêu giáo dục của Học viện được cụ thể hoá thành các nhiệm vụ năm học, được phổ biến, triển khai tới từng đơn vị khoa, phòng, bộ môn và sinh viên.

3. Những tồn tại:

Việc tuyên truyền, phổ biến mục tiêu chung của Học viện còn hạn chế, chưa đồng đều trong CBVC. Việc áp dụng các hình thức phổ biến và thông tin ngắn gọn và rộng rãi (tờ rơi, thông tin quảng bá, . . .) cho HSSV còn hạn chế.

4. Kế hoạch khắc phục:

Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến mục tiêu chung của Học viện trong CBVC. Áp dụng các hình thức phổ biến và thông tin ngắn gọn và rộng rãi (tờ rơi, bản treo, . . .) cho HSSV và các đơn vị trong Học viện.

5. Tự đánh giá : Đạt

Kết luận tiêu chuẩn

Như vậy, trải qua 50 năm xây dựng và phát triển, Học viện Ngoại giao luôn xác định rõ ràng mục tiêu, sứ mạng và nhiệm vụ, phù hợp với từng giai đoạn phát triển cụ thể. Mục tiêu giáo dục của Trường được cụ thể hoá thành các nhiệm vụ cụ thể và được quán triệt, thực hiện một cách nghiêm túc.

Tuy nhiên, việc phổ biến những mục tiêu này đến từng đơn vị trong Học viện còn đôi lúc hạn chế. Bên cạnh đó, Học viện chưa thực sự thúc đẩy công tác tuyên truyền phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau đến học sinh, sinh viên của nhà trường.

Số tiêu chí đạt yêu cầu : 2/2

TIÊU CHUẨN 2

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Mở đầu

Trường đại học được tổ chức và quản lý phù hợp với qui định của Nhà nước, với các nguồn lực và điều kiện cơ sở vật chất của trường; có kế hoạch và các biện pháp để thực hiện có hiệu quả mục tiêu giáo dục. Cơ cấu tổ chức của Học viện được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được cụ thể hoá trong cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện. Trách nhiệm và quyền hạn của tập thể lãnh đạo và cá nhân cán bộ quản lý, giảng viên, cán bộ công nhân viên nhà trường được phân định rõ ràng và luôn được bổ xung, điều chỉnh kịp thời, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Học viện.

Tiêu chí: 2.1

Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ Trường Đại học và được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả:

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Học viện có 9 khoa, 2 trung tâm trực thuộc, 5 phòng ban chức năng, được thể hiện bằng sơ đồ 1 (trang 7). Cơ cấu tổ chức của Học viện được thực hiện theo đúng qui định theo điều lệ trường đại học tại QĐ số 153/2003/QĐ -TTg, ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ và dựa trên đòi hỏi của thực tế hoạt động của Học viện và của Bộ Ngoại giao.

Cơ cấu tổ chức của Học viện thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với *đòi hỏi mới của thực tế* phát triển. Trước đây, Học viện chỉ có 2 khoa chuyên ngành chính là khoa Chính trị quốc tế và Ngoại giao, khoa Ngoại ngữ và Kinh tế quốc tế [02.01.02]. Từ năm 2001, Học viện đã thực hiện đổi mới đào tạo, mở rộng quy mô đào tạo cũng như để đáp ứng các nhu cầu nhân sự của ngành Ngoại giao và của xã hội, cơ cấu tổ chức của Học viện đã từng bước được hoàn thiện cho phù hợp với điều kiện cụ thể. Năm 2001, các khoa chuyên ngành được điều chỉnh như: thành lập Khoa Luật Quốc tế, đổi tên Khoa Bồi dưỡng thành Khoa Bồi dưỡng và Đào tạo Sau Đại học [02.01.03].

Mỗi khi có thay đổi, Giám đốc Học viện ký quyết định, kèm theo danh sách nhân sự, ghi rõ chức năng, nhiệm vụ theo qui định của Bộ Ngoại giao, để cán bộ viên chức và đơn vị thực hiện [02.01.03]. Việc thay đổi này cũng được cập nhật lên website của Học viện tại địa chỉ <http://www.hocvienngoai giao.org.vn> [02.01.04].

Từ năm 2008, để thực hiện việc cải cách thủ tục hành chính, nhằm qui định rõ hơn những mối quan hệ giữa các đơn vị thuộc Học viện và lề lối làm việc của các đơn vị, Học viện đã xây dựng *Quy chế về tổ chức, hoạt động* của Học viện Ngoại giao có điều chỉnh, dựa trên Quy chế làm việc của Bộ Ngoại giao [02.01.06] và đưa vào thực hiện từ năm 2009. Quy chế này qui định rõ nguyên tắc làm việc chung, lề lối làm việc và quan hệ phối hợp công tác giữa các lãnh đạo Học viện với các đơn vị và quan hệ phối hợp giữa các lãnh đạo Học viện với Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên. Quy chế này cũng đã được thảo luận kỹ từ các cán bộ, giáo viên, các cấp quản lý trong Học viện và được Giám đốc phê duyệt thể theo quyền hạn của Giám đốc Học viện trong quyết định của Thủ tướng Chính phủ [02.01.07], [02.01.01].

2. Đánh giá điểm mạnh :

Cơ cấu tổ chức của Học viện được xây dựng hợp lý, rõ ràng, theo đúng quy định của Nhà nước và của Bộ Ngoại giao, với đầy đủ các qui chế, qui định về tổ chức và hoạt động từ cấp đơn vị đến cấp Học viện. Các qui chế, qui định về tổ chức và hoạt động của Học viện đều được Bộ chủ quản và Giám đốc phê duyệt.

Cơ cấu tổ chức của Học viện được công bố chính thức bằng văn bản, phổ biến cho các cán bộ công chức của Học viện thông qua các đầu mối đơn vị, công khai trên các phương tiện thông tin (website) và phổ biến cho sinh viên trong trường.

3. Những tồn tại:

Học viện Ngoại giao mới được nâng cấp lên Tổng Cục Cấp I, theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nên cơ cấu, tổ chức và bộ máy còn chưa kịp phát triển hoàn chỉnh do thiếu nhân sự.

4. Kế hoạch khắc phục:

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức cho phù hợp với những thay đổi mới của trường và chiến lược phát triển giáo dục, của ngành Ngoại giao do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đến năm 2015.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí: 2.2

Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động của nhà trường một cách có hiệu quả.

1. Mô tả:

Học viện Ngoại giao có hệ thống các văn bản về tổ chức và quản lý cho mọi hoạt động trong đơn vị một cách đầy đủ và toàn diện. Học viện có hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo cho từng bậc học trong trường. [02.02.01] Hệ thống văn bản này đã quy định rõ mục đích, yêu cầu, đối tượng phạm vi áp dụng văn bản, khung thời gian, các bước thực hiện và giải pháp tiến hành cụ thể, cũng như những quy định xử lý khi những điều quy định không được thực hiện một cách có hiệu lực [02.02.01- 08].

Bằng nhiều hình thức khác nhau, các hệ thống văn bản quản lý này đã được thông báo, triển khai, hướng dẫn thực hiện tại các đơn vị, các phòng, khoa, ban, đến từng cán bộ, giáo viên và sinh viên trong Học viện một cách chính xác, kịp thời và hiệu quả trong đó quy định rõ trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện, thời gian tiến hành, thời hạn báo cáo, ý kiến đóng góp rút kinh nghiệm khi cần. Căn cứ những quy định của Học viện, các khoa, bộ môn tiến hành phổ biến, quán triệt đến từng cán bộ, giáo viên [02.02.10]. Điều đó thực sự làm cho các quy định của Học viện được thông tin đầy đủ đến tổ chức và được thực hiện một cách có hiệu quả.

Năm 2009, Giám đốc Học viện đã qui định rõ công việc của từng phòng, ban, thể hiện bao quát toàn bộ các mảng hoạt động của Học viện [02.02.12]. Dựa trên các quy định này, lãnh đạo các đơn vị lập đã sơ đồ kèm theo chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh cụ thể trong đơn vị. Nhìn vào đó, CBVC biết rõ

trách nhiệm và quyền hạn cụ thể của mình và dựa vào đó để lãnh đạo đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ vào cuối mỗi tháng, cuối học kỳ, cuối năm [02.02.01- 08].

Ngoài ra, các hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý được Học viện triển khai thực hiện có hiệu quả, thông qua các hội nghị như: hội nghị đại biểu cán bộ công chức trường hội nghị về tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, hội nghị về tổ chức và quản lý hoạt động NCKH, hội nghị về tổ chức và quản lý công tác HSSV, hội nghị về tổ chức và quản lý hoạt động tài chính [02.01.14]. Ngoài ra, Học viện còn có hệ thống giám sát công tác dạy và học [01.01.16].

Qua các đợt thanh tra, quá trình giám sát hàng năm đã cho thấy, việc tổ chức các hoạt động đào tạo và quản lý của Học viện ngày càng được duy trì một cách nề nếp và bài bản. Công nghệ quản lý giáo dục trong Học viện ngày càng được hoàn thiện và phát huy được hiệu lực, hiệu quả: các bước thực hiện trong quy trình quản lý được tuân thủ nghiêm túc; việc quản lý, hồ sơ lưu trữ liên quan đến hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các khâu khác đảm bảo theo đúng quy định và có nề nếp tại hầu hết các đơn vị trong Học viện.

Từ năm 2008, thông qua hệ thống thư ký các Khối, Văn phòng Học viện làm đầu mối sơ kết, tổng kết các hoạt động trong các đơn vị. Tất cả các hoạt động trong Học viện đều được tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá từ các đơn vị cơ sở [02.02.17]. Sau mỗi tuần, các bộ môn, khoa, đơn vị trong Học viện đều tiến hành sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch, thực hiện quy chế và quy định của Học viện. Hàng năm, Hội đồng thi đua, khen thưởng kỷ luật Nhà trường tổ chức họp đánh giá tình hình hoạt động của các đơn vị trong Học viện, xếp loại thi đua và công nhận các danh hiệu cho các tập thể và cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ của họ một cách nề nếp và có căn cứ khoa học. Kết quả đánh giá, thành tích được thông báo rộng rãi đến từng cán bộ công chức và sinh viên theo các kênh, các đầu mối các đơn vị khoa, phòng, ban [02.02.18].

Các hoạt động của Học viện, của các đơn vị trong Học viện cũng đã được công bố kịp thời trên Website [02.02.15].

2. Đánh giá điểm mạnh:

- Các văn bản qui định về tổ chức và quản lý các hoạt động của Học viện được ban hành theo một hệ thống thống nhất và được phổ biến đến từng từng CBVC.

- Hệ thống văn bản này là tiêu chí, là quy trình, là hướng dẫn để từng cán bộ trong Học viện hoàn thành nhiệm vụ, chức năng của mình góp phần thực hiện tốt mục tiêu của từng năm học trong thời gian qua.

3. Những tồn tại:

Do điều kiện khách quan cũng như chủ quan, một số công việc đã triển khai, nhưng thực hiện chưa đúng tiến độ.

4. Kế hoạch khắc phục:

Qui định rõ thời gian thực hiện công việc trong các hướng dẫn kế hoạch đào tạo, nội vụ theo đúng tiến độ, bằng cách giao cho các phòng, ban soạn thảo văn bản đôn đốc cán bộ, giáo viên thực hiện công việc.

5. Tự đánh giá : Đạt**Tiêu chí: 2.3**

Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.

1. Mô tả:

Trách nhiệm, quyền hạn của tập thể lãnh đạo Học viện, cá nhân Giám đốc và các Phó Giám đốc cũng như trưởng, phó các đơn vị, các cá nhân cán bộ, giáo viên được phân định rõ ràng trong các văn bản về quy định tổ chức, quản lý, định mức công tác của Học viện, được công bố công khai trên website của Học viện [02.03.01], [02.03.02].

Trong “Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng ủy Học viện” (Đảng ủy) các nhiệm kỳ công tác đã phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của tập thể Đảng ủy Học viện, thể hiện sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trên các lĩnh vực công tác của Học viện. Quy chế trên đã nhấn mạnh việc xây dựng định hướng phát triển của Học viện, chủ trương lớn về quản lý hoạt động đào tạo, nghiên

cứu khoa học, nhân sự, các hoạt động đoàn thể, các phong trào, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng...; trách nhiệm của thường vụ Đảng ủy, trách nhiệm, quyền hạn của các Đảng ủy viên [02.03.05].

Quyền hạn, trách nhiệm, định mức công tác của các bậc giảng viên, chuyên viên, viên chức cũng được quy định rất rõ ràng trong các văn bản dựa trên các nhiệm vụ chính của giảng viên là giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập bồi dưỡng, các nhiệm vụ cụ thể của từng vị trí công tác được quy chuẩn theo quy định hiện hành của Nhà nước [02.03.06].

Việc phân định trách nhiệm và quyền hạn nêu trên còn là cơ sở để đánh giá, bình xét thi đua, công nhận thành tích của tập thể cũng như của các cá nhân; minh bạch trong phân chia quyền lợi, thu nhập [02.02.18]. Điều đó tạo ra môi trường lao động thoải mái, tinh thần đoàn kết, nhất trí cao, tạo dựng và duy trì niềm tin của cán bộ, công chức đối với tập thể, cá nhân lãnh đạo, quản lý. Từ đó thúc đẩy, động viên tinh thần làm việc, nâng cao năng suất và hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ, giảng viên hoàn thành mục tiêu đề ra của Học viện.

Kết quả của hoạt động điều hành quản lý đào tạo, quản lý công tác nghiên cứu khoa học được tổng kết, đánh giá trong giai đoạn 5 năm (2001-2005) [02.03.07] đã thể hiện đầy đủ tính hiệu lực, hiệu quả của cả bộ máy quản lý trong Học viện nhờ sự phân công rõ ràng trách nhiệm: Quy mô đào tạo tăng bình quân 10% năm, chất lượng đào tạo ngày càng đáp ứng đòi hỏi của người sử dụng lao động và của xã hội; 83% sinh viên tốt nghiệp có việc làm và phát huy được kiến thức, kỹ năng được trang bị trong trường vào công việc của mình [02.03.08]; hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác đào tạo vừa được mở rộng, vừa đi vào chiều sâu, được xã hội thừa nhận. Hàng năm, có trung bình từ 15 – 17 đề tài cấp Bộ được hoàn thành và nghiệm thu đạt kết quả khá tốt. [02.03.10].

Thông qua các hội nghị về tổ chức và quản lý hoạt động, các đơn vị, chủ động trong việc triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, góp phần với giới thiệu, quảng bá hình ảnh, uy tín của đơn vị và của Học viện [02.03.10], [02.03.11].

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên còn được Học viện đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của Học viện [02.03.12].

2. Đánh giá điểm mạnh :

Chức năng nhiệm vụ của từng cá nhân và tập thể trong Học viện được qui định rõ ràng bằng văn bản, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành, đặc biệt là cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học trong Học viện.

3. Những tồn tại :

Chưa cụ thể hoá cơ chế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách ở các đơn vị trong quy chế tổ chức và quản lý của Học viện.

4. Kế hoạch khắc phục:

Trong năm học 2009 - 2010, Học viện tiếp tục bổ sung và qui định cụ thể trách nhiệm, quyền hạn của từng cá nhân trong mỗi đơn vị; làm cơ sở cho việc giao kế hoạch và đánh giá kết quả công việc được chính xác.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí: 2.4

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

1. Mô tả:

Học viện Ngoại giao là một tập thể đoàn kết nhất trí, không có hiện tượng mất đoàn kết nội bộ. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, chính quyền phối hợp nhịp nhàng, thu hút được cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học tham gia và duy trì sinh hoạt thường xuyên theo qui định [02.04.01] - [02.04.05].

Các tổ chức Đảng, đoàn thể có qui chế hoạt động rõ ràng, triển khai thực hiện đúng qui chế, duy trì các hoạt động thường xuyên và thu hút được hầu hết các thành viên tham gia [02.04.06]. Các tổ chức Đảng và đoàn thể đã động viên,

tạo điều kiện cho cán bộ công chức hoàn thành tốt công tác chuyên môn của nhà trường, đặc biệt là các hoạt động phong trào, thi đua phong phú, thu hút tất cả các thành viên trong Học viện tham gia, tạo sự đoàn kết nhất trí trong tập thể nhà trường [02.04.04].

Học viện đã xây dựng qui chế dân chủ ở cơ sở [02.04.06]. Trong hoạt động lãnh đạo, các chủ trương hoạt động chính, công tác cán bộ và các mặt hoạt động đều được bàn bạc thống nhất trong Thường vụ Đảng ủy Học viện trước khi thông qua trước toàn Đảng bộ [02.04.01]. Các tổ chức chính quyền, Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn TNCSHCM có lịch tiếp, lịch họp thường kỳ với cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên [02.06.07]. Học viện có chương trình tổ chức hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm và hội nghị gặp gỡ sinh viên, tạo điều kiện cho CBVC và sinh viên góp ý xây dựng vào mọi mặt hoạt động và chính sách của Học viện [02.04.11]. Các thông tin về hoạt động lãnh đạo, tài chính, giải quyết khiếu nại tố cáo, thực hiện quyền lợi của CBVC và sinh viên đều được công khai hóa bằng hình thức thông báo trên các bản tin, website hoặc báo cáo tại các hội nghị của Học viện [02.04.12]. Học viện nhận các ý kiến đóng góp phê bình qua hộp thư [02.04.13].

Công tác Đảng, đoàn thể của nhà trường đã được đánh giá tốt, thể hiện qua kết quả Đảng bộ Học viện được Thành ủy thành phố Hà Nội tặng Bằng khen Đảng bộ 5 năm liền trong sạch, vững mạnh tiêu biểu, Công đoàn và Đoàn thanh niên được tặng Huân chương Lao động hạng II và III, nhiều cá nhân và tập thể hàng năm được khen thưởng [02.04.06].

2. Đánh giá điểm mạnh:

Các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Học viện là một khối đoàn kết thống nhất, có qui chế hoạt động rõ ràng, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, thu hút được nhiều cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học tham gia và duy trì sinh hoạt thường xuyên theo qui định.

3. Những tồn tại:

Chưa có cán bộ Đoàn chuyên trách, do vậy, hiệu quả hoạt động của tổ chức Đoàn còn thấp, công tác Đoàn vụ còn yếu.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Phát huy cụ thể hơn vai trò của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong việc tổ chức các hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, NCKH và các hoạt động khác.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí: 2.5

Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả:

Tháng 01 năm 2009, Học viện Ngoại giao đã thành lập Trung tâm đảm bảo chất lượng giáo dục đại học. Trung tâm này được hoạt động với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Giám đốc Học viện [02.05.01]. Mục tiêu hoạt động chủ yếu của Trung tâm là đảm bảo chất lượng giáo dục đại học trong Học viện thông qua các hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch năm học đã đề ra, các quy trình quản lý tại các đơn vị [02.02.01] - [02.02.08]. Ngay từ khi mới thành lập, Trung tâm này đã có kế hoạch đánh giá các hoạt động cụ thể của các đơn vị trong Học viện trong năm học 2009 – 2010 [02.05.02] và đã được công bố công khai thông qua văn bản và trên website của Học viện [02.05.03], [02.05.04]. Bên cạnh đó, Trung tâm có đội ngũ cán bộ trẻ, có năng lực và nhiệt huyết sẵn sàng đảm bảo hiệu quả hoạt động của Trung tâm.[MC]

2. Đánh giá điểm mạnh:

Đã thành lập Trung tâm đảm bảo chất lượng giáo dục đại học và đã có kế hoạch thực hiện việc đảm bảo chất lượng giáo dục đại học trong năm học tới.

3. Những tồn tại:

- Do mới thành lập, Trung tâm chưa có nhiều kinh nghiệm tổ chức. Hơn nữa, mặc dù đội ngũ nhân sự trẻ, năng động, nhiệt huyết và có năng lực, tuy nhiên do hạn chế về số lượng nên tầm hoạt động của trung tâm còn chưa lớn.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Tiếp tục bồi dưỡng, lựa chọn bổ sung cán bộ để nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Trung tâm.

5. Tự đánh giá : Đạt

Tiêu chí: 2.6

1. Mô tả:

Hàng năm, Học viện xây dựng kế hoạch năm học và các kế hoạch phát triển ngắn hạn và trung hạn phù hợp với sự phát triển KT-XH, phù hợp với nhiệm vụ toàn ngành giáo dục trong năm học do Bộ trưởng ban hành [02.06.01]. Ví dụ : trong kế hoạch năm học 2003-2004 và 2004-2005, Học viện đã đề ra nhiệm vụ cho công tác đào tạo là triển khai chương trình đào tạo theo hướng công nghệ, mở thêm một số ngành đào tạo mới ở bậc đại học, nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng dự án mở lớp thí điểm “Đào tạo chất lượng cao”, phù hợp với định hướng phát triển của thành phố Hà Nội đến năm 2010 là "nâng cao chất lượng nguồn nhân lực" [02.06.01]. Từ năm 2000 đến nay, Học viện đã cử nhiều cán bộ đi học sau đại học, góp phần thực hiện kế hoạch đào tạo 20.000 tiến sỹ của Bộ Giáo dục và Đào tạo [02.06.03], [02.06.04]. Học viện có dự thảo chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn giai đoạn 2005-2010, có kế hoạch chiến lược phát triển dài hạn giai đoạn 2008-2015.[02.04.09s]. [02.06.01], [02.06.05].

Tất cả các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của nhà trường được xây dựng trên cơ sở các dự thảo kế hoạch của từng mảng chuyên môn do các đơn vị quản lý, được in thành cuốn và gửi đến các đơn vị trong Học viện, lưu tại Văn phòng Học viện và được đưa lên trang web nội bộ của Học viện [02.06.07].

2. Đánh giá điểm mạnh :

Học viện đã xây dựng được kế hoạch phát triển trung hạn và ngắn hạn bám sát phù hợp với định hướng phát triển chung của đất nước, của ngành và định hướng chiến lược phát triển của Thủ đô Hà Nội.

3. Những tồn tại:

Chưa thể hiện chiến lược phát triển dài hạn của Học viện bằng một văn bản chính thống mặc dù trong các văn kiện khác đã có ý đề cập.

4. Kế hoạch khắc phục:

Trong năm học 2008 -2009, hoàn thành và công bố bằng văn bản chiến lược phát triển của Học viện trong giai đoạn 2008 – 2015. Tổ chức bám sát mức độ đạt được của các mục tiêu chiến lược để cần thiết có sự điều chỉnh bổ sung hợp lý kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí: 2.7

Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường.

1. Mô tả:

Học viện Ngoại giao luôn thực hiện nghiêm túc chế độ định kỳ báo cáo theo quy định của Bộ Ngoại giao và Bộ Giáo dục và Đào tạo [02.07.01 – 03]. Ngoài ra, Học viện thường tổ chức các buổi làm việc, trao đổi trực tiếp giữa toàn thể cán bộ công nhân viên Học viện và Lãnh đạo, các Vụ chức năng của Bộ Ngoại giao [02.07.04].

Theo quy định của Bộ Ngoại giao, hàng tháng Học viện phải có báo cáo về các hoạt động của đơn vị. Thực hiện chủ trương trên, Học viện đã quy định các đơn vị trong Học viện hàng tuần phải có báo cáo sơ kết và đưa ra phương hướng hoạt động trong tuần kế tiếp. Căn cứ vào đó, Học viện làm báo tổng kết tháng, quý, năm báo cáo Bộ Ngoại giao [02.07.05].

Công tác lưu trữ của Học viện được tiến hành nghiêm túc. Hồ sơ được lưu trữ được thực hiện theo quy định. Riêng hồ sơ mật, được lưu trữ theo quy định về bảo mật của Bộ Ngoại giao [02.07.06].

2. Đánh giá điểm mạnh:

Công tác báo cáo của Học viện được thực hiện một cách nghiêm túc, phản ánh đúng các hoạt động trong Học viện.

3. Những tồn tại:

Chưa công bố các số liệu báo cáo rộng rãi trên website

4. Kế hoạch khắc phục:

Trong Đề án xây dựng website năm 2011 của Học viện, đã có kế hoạch cụ thể về việc thực hiện chế độ công khai các báo cáo về hoạt động của Học viện trên website. Giao cho phòng Tổ chức – hành chính có nhiệm vụ thống kê và lưu trữ toàn bộ các quyết định quan trọng của Học viện; hệ thống hoá các hồ sơ lưu trữ tại các đơn vị kể từ năm học 1990.

5. Tự đánh giá: Đạt**Kết luận tiêu chuẩn :**

Như vậy có thể thấy, qua 50 năm xây dựng và trưởng thành, Học viện Ngoại giao đã xây dựng được cơ cấu tổ chức hợp lý phù hợp với quy định và đòi hỏi của thực tiễn. Về cơ bản, cơ cấu tổ chức của Học viện luôn thực hiện theo qui định của Bộ, ngành và được cụ thể hoá trong qui chế về tổ chức và hoạt động của Học viện. Cơ cấu này về cơ bản là hợp lý vì nó được hình thành trên nguyên tắc tinh giảm đầu mối nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu của chức năng, nhiệm vụ của Học viện. Để đảm bảo cho việc quản lý, điều hành, phối hợp hoạt động trong toàn Học viện, trong thời gian qua Học viện đã chú trọng xây dựng một hệ thống văn bản quản lý đồng bộ và chuẩn xác.

Số tiêu chí đạt yêu cầu : 7/7

TIÊU CHUẨN 3**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO****Mở đầu**

Chương trình đào tạo đại học được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu giáo dục

và chức năng, nhiệm vụ của nhà trường; đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học, nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

Tiêu chí 3.1:

Chương trình giáo dục của trường đại học được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Chương trình giáo dục được xây dựng với sự tham gia của các giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức, hội nghề nghiệp và các nhà tuyển dụng lao động theo quy định.

1. Mô tả :

Chương trình đào tạo của Học viện được xây dựng trên cơ sở chương trình Khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo [03.01.01]. Các chương trình đào tạo của Học viện được xây dựng bởi các nhóm biên soạn chương trình gồm Trưởng/phó các Khoa/Bộ môn, Phòng Đào tạo do Giám đốc Học viện ra quyết định thành lập và ký hợp đồng thực hiện [03.01.02]. Các chương trình đào tạo của Học viện đều có miêu tả chi tiết các mục tiêu mà Học viện đặt ra (kết quả học tập, năng lực của người tốt nghiệp) cho mỗi ngành học, triết lý và phương pháp giảng dạy mà chương trình học hướng đến, các thông tin chi tiết cho sinh viên về các khoá học, mục tiêu môn học, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá kết quả học tập [03.01.07].

Các chương trình đào tạo được thông qua bởi Hội đồng Khoa học và Giáo dục của Học viện, sau đó đề nghị Ban Giám đốc Học viện ký duyệt, làm hồ sơ mở ngành đào tạo trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê chuẩn trước khi được đưa vào áp dụng giảng dạy cho sinh viên [03.01.03], [03.01.04], [03.01.05], [03.01.06].

Việc mở ngành đào tạo của Học viện được thực hiện theo một quy trình rõ ràng, đúng theo quy định [03.01.03]. Tất cả các ngành, bậc, hệ đào tạo của Học viện đều được Bộ Giáo dục và Đào tạo ký quyết định cho phép mở ngành đào tạo [03.01.04].

Đầu năm học, nhà trường tổ chức giao kế hoạch giảng dạy và học tập của tất cả các bậc và phương thức đào tạo cho các khoa và bộ môn [03.01.08]. Kế hoạch giảng dạy được xây dựng theo từng ngành, từng học kỳ cho các khoá và hệ đào tạo [03.01.09]. Trên cơ sở đó, Phòng Đào tạo sẽ cụ thể và chi tiết hoá

thành thời khoá biểu giảng dạy cho từng khoá, lớp, ngành đào tạo và in thành tờ rơi, sách quảng bá, các chương trình PR cấp phát cho sinh viên tất cả các hệ, ngành, bậc đào tạo [03.01.10], [03.01.11]. Cuối năm học, Học viện thực hiện kiểm tra chéo việc thực hiện chương trình đào tạo, trên cơ sở quy định đã ban hành về quy trình giám sát việc thực hiện các chương trình đào tạo ở các Khoa/Bộ môn [03.01.12], tổ chức hội nghị toàn trường, có sự tham gia của các đơn vị sử dụng lao động về việc xây dựng chương trình đào tạo và nâng cao chất lượng giảng dạy [03.01.13].

Toàn bộ các thông tin trên đây được công bố công khai tại phòng Đào tạo, các khoa, bộ môn và trên trang Web của trường

<http://www.hocvienngoigiao.org.vn> [03.01.14].

2. Đánh giá điểm mạnh :

Học viện có đầy đủ các chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy cho các ngành, hệ, bậc đào tạo với đầy đủ các chương trình chi tiết, các môn học đều có mô tả môn học với các điều kiện tiên quyết, các môn cốt lõi của các chuyên ngành đều đã có giáo trình, tài liệu tham khảo.

Các chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở có sự tham khảo các chương trình đào tạo có liên quan của các trường đại học tiên tiến trong nước và trên thế giới, được sự đóng góp ý kiến của các cán bộ, giảng viên, cán bộ quản lý trong Học viện.

Các chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập của Học viện đã phản ánh đúng và đầy đủ những quy định do chương trình Khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo đề ra. Hơn nữa, các chương trình đào tạo của Học viện còn là cơ sở tin cậy cho các trường đại học khác có đào tạo về quan hệ quốc tế tham khảo.

Học viện là trường đại học trực thuộc Bộ Ngoại giao, được coi là địa chỉ tin cậy đào tạo nguồn cán bộ làm công tác đối ngoại, chủ yếu phục vụ Bộ Ngoại giao và các cơ quan làm công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Với việc đa dạng hoá các ngành nghề đào tạo, công tác đào tạo của Học viện không những chỉ đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Bộ Ngoại giao, và các cơ quan

làm công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước mà còn đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

3. Những tồn tại :

Danh mục tài liệu tham khảo được giới thiệu trong đề cương chi tiết các môn học chưa được rà soát thường xuyên để cập nhật, bổ sung và công bố các tài liệu tham khảo mới phù hợp với sự phát triển của kinh tế xã hội nói chung và lĩnh vực thương mại, dịch vụ nói riêng.

4. Kế hoạch khắc phục:

Định kỳ vào tháng 02 hàng năm, lấy ý kiến của các giảng viên, các cán bộ quản lý và sinh viên khi tiến hành xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ một chương trình đào tạo.

Định kỳ vào tháng 02 hàng năm, Học viện tổ chức giới thiệu cho toàn thể giáo viên, sinh viên trong Học viện về các chương trình đào tạo của Học viện. Coi đây là việc làm cần thiết nhằm quảng bá công tác đào tạo của Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.2:

Chương trình giáo dục có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả:

Các chương trình đào tạo của Học viện được thiết kế có cấu trúc chương trình hợp lý, được thiết kế trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong mỗi chương trình đào tạo đều có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, được nghiệm thu trước khi đưa vào áp dụng. [03.01.01 - 03.01.02] có quy định cụ thể các kiến thức và kỹ năng sinh viên tốt nghiệp cần phải đạt ứng với từng ngành đào tạo. Mục tiêu chung nhằm đào tạo các cử nhân, thạc sĩ có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khoẻ tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản tương ứng với trình độ đào tạo; có năng lực chuyên môn, có khả năng phân tích, hoạch định

và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, luật quốc tế, tiếng Anh và tiếng Pháp chuyên ngành. Mục tiêu cụ thể xác định rõ mục tiêu về các phẩm chất, năng lực cơ bản, và cơ hội nghề nghiệp [03.01.06]. Các chương trình đào tạo được thể chế hoá bằng các quyết định ban hành của Giám đốc Học viện, được tập hợp thành bộ chương trình sắp xếp theo ngành đào tạo [03.01.05].

Các chương trình đào tạo hiện nay của Học viện được xây dựng và điều chỉnh trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Trong đó, khoảng 43% khối lượng kiến thức được phân bổ cho khối kiến thức ngành và chuyên ngành nhằm đảm bảo cho người học nhận được một khối lượng kiến thức và được rèn luyện những kỹ năng cần thiết theo chuyên ngành của từng trình độ đào tạo [03.02.02].

Tất cả đề cương chi tiết học phần/môn học do các bộ môn biên soạn đều xác định mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của học phần/ môn học nhằm cung cấp những kiến thức và hiểu biết chung cũng như các kỹ năng chuyên biệt hoặc kiến thức chuyên sâu theo nội dung học phần/môn học [03.02.01].

Học viện đã tiến hành khảo sát thực tế từ các nhà tuyển dụng và lấy ý kiến đánh giá của người sử dụng lao động về sản phẩm đào tạo của Học viện như: kiến thức, kỹ năng thực hành; khảo sát về xây dựng chương trình đào tạo với đại diện các cựu sinh viên của Học viện [03.02.08], [03.02.09]. Từ đó, Học viện ghi nhận các ý kiến đề xuất tăng thêm các môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo từ cựu sinh viên của Học viện như: Ngoại ngữ, các học phần về chính trị quốc tế [03.02.07].

Học viện cũng đã tổ chức các buổi gặp mặt giữa sinh viên với lãnh đạo Học viện, Trưởng các khoa để ghi nhận các ý kiến của sinh viên về phương pháp giảng dạy của giảng viên; công tác phục vụ của cán bộ Học viện; trả lời mọi thắc mắc của sinh viên nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên. Việc làm trên đã giúp Học viện nhận được rất nhiều ý kiến của sinh viên liên quan đến mọi lĩnh vực hoạt động trong Học viện, đồng thời giúp cho sinh viên mạnh dạn phát biểu, đóng góp ý kiến một cách công khai dân chủ [03.02.10].

Ngoài ra, các chương trình đào tạo cử nhân thực hành, đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn của trường cũng nhằm đáp ứng các nhu cầu đa dạng và linh hoạt của cán bộ nhân viên đang làm việc trong ngành thương mại, dịch vụ và của các doanh nghiệp trên thị trường lao động [03.01.09], [03.02.13].

Thường xuyên hoàn thiện chương trình đào tạo là yếu tố trọng tâm để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, gắn đào tạo với thực tiễn. Do đó, Học viện và các khoa đã tổ chức các buổi gặp gỡ, trao đổi, hội thảo với các cựu sinh viên và các doanh nghiệp đang sử dụng sinh viên tốt nghiệp của Học viện nhân dịp ngày Truyền thống hoặc lễ kỷ niệm thành lập, đón nhận huân chương...

2. Đánh giá điểm mạnh:

- Các chương trình đào tạo có đầy đủ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể đáp ứng được các yêu cầu về phẩm chất, trình độ, kỹ năng của người học và người tuyển dụng.

- Chương trình có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống và bám sát chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Những tồn tại:

Chương trình đào tạo vẫn còn nặng, phần thực hành còn ít so với phần lý thuyết. Phân bổ các môn học trong từng học kỳ về tổng thể toàn khoá học còn một số bất cập, tạo áp lực đối với sinh viên.

4. Kế hoạch khắc phục:

Hàng năm lập kế hoạch định kỳ khảo sát thực tế các nhà tuyển dụng và các tổ chức đào tạo khác để lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo, thời gian thực hiện hai năm một lần.

Tăng phần thực hành trong chương trình đào tạo, rút bớt số môn học không thực sự cần thiết trong chương trình đào tạo để giảm áp lực đối với sinh viên.

5. Tự đánh giá đạt mức: Đạt

Tiêu chí 3.3:

Chương trình giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết

kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.

1. Mô tả :

Học viện thực hiện chủ trương đào tạo theo hướng đa ngành nghề, đa hình thức đào tạo [03.03.01]. Tính tới năm 2007, Học viện đã có 5 chương trình giáo dục chính quy và 01 chương trình giáo dục thường xuyên (chương trình đào tạo ĐH tại chức) [03.01.07]. Về mặt nội dung: các chương trình giáo dục được thiết kế có cùng thời lượng chương trình, kế hoạch đào tạo, mục tiêu và phương pháp đào tạo, chỉ khác về mặt thời gian, đào tạo không tập trung trong thời gian là 4,5 năm (hơn 01 học kỳ so với chương trình giáo dục chính quy). Về chuẩn đánh giá: Học viện đã thực hiện dùng một chuẩn đánh giá cho các chương trình đào tạo cả giáo dục chính quy và thường xuyên. Các chương trình giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên của Học viện đều được xây dựng bởi các nhóm biên soạn chương trình gồm Trưởng/phó các Khoa/Bộ môn, Phòng Đào tạo do Giám đốc Học viện ra quyết định thành lập và ký hợp đồng thực hiện [03.01.02]. Các chương trình giáo dục này được xây dựng trên cơ sở chương trình Khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo [03.01.01], được thông qua Hội đồng Khoa học và Giáo dục của Học viện. Sau đó, đề nghị Ban Giám đốc Học viện phê chuẩn và giao cho Phòng Đào tạo và Ban quản lý điều hành Đại học tại chức triển khai. Các bộ phận này có nhiệm vụ quản lý chất lượng đào tạo và theo Quy trình quản lý chất lượng chương trình giáo dục đã ban hành [03.01.05].

2. Những điểm mạnh:

- Từ việc xây dựng chương trình đào tạo đơn ngành, Học viện Ngoại giao đã chủ động xây dựng chương trình đào tạo theo hướng đa ngành, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của xã hội.

- Các chương trình đào tạo được thiết kế theo đúng qui định của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Quá trình xây dựng lại chương trình đào tạo đều gắn với việc thành lập Hội đồng và tổ chức cho thảo luận ở cấp Khoa, Học viện.

3. Những tồn tại:

- Học viện chưa có kế hoạch định kỳ tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp và các tổ chức khác để bổ sung điều chỉnh chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch khắc phục:

Từ năm học 2008-2009 và trở đi, Học viện lập kế hoạch định kỳ lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp và các tổ chức khác để bổ sung điều chỉnh chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.4

Chương trình giáo dục được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

1. Mô tả

Học viện thường xuyên tổ chức các hội nghị về điều chỉnh, bổ sung chương trình chi tiết của các đơn vị đào tạo với các thành phần là cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên [03.04.01]. Một số khoa đã chủ động tổ chức các buổi hội thảo góp ý về chương trình công nghệ với sự tham dự của các đại diện công ty và các đơn vị sử dụng lao động [03.04.02].

Các chương trình đào tạo của Học viện được rà soát định kỳ, bổ sung, điều chỉnh thường xuyên [03.04.03] dựa trên ý kiến của các cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên trong các hội nghị về điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo và thông qua ý kiến phản hồi từ các đơn vị sử dụng lao động [03.04.04]. Qua quá trình đào tạo, các chương trình đào tạo của Học viện được thay đổi một cách cơ bản qua các thời kỳ như sau:

- Đối với các CTĐT đại học:

Năm 2005, toàn bộ các chương trình đào tạo đại học của Học viện được rà soát và điều chỉnh lại theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Ban hành theo Quyết định số 23/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/7/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Tuy nhiên, đến thời điểm này Học viện vẫn chỉ có một chương trình đào tạo, được thiết kế theo mô hình ngành chính - phụ (Quan hệ quốc tế- Tiếng Anh/Tiếng Pháp/Tiếng Trung) với 1 lựa chọn 3 chuyên ngành khác nhau là Chính trị quốc tế/Kinh tế quốc tế/Luật quốc tế [03.01.07]

Tới năm 2006, thực hiện chủ trương của Bộ Ngoại giao, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, Học viện xây dựng đề án đào tạo đa ngành [03.04.05]. Tiếp đó, Học viện đã xây dựng thêm 02 chương trình đào tạo mới là chương trình đào tạo cử nhân Tiếng Anh, cử nhân Tiếng Pháp và được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tuyển sinh khoá đầu tiên vào năm 2006 [03.04.03].

Trong năm 2007, dựa trên cơ sở chương trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế với 3 chuyên ngành, Học viện đã xây dựng mới thêm 02 chương trình đào tạo ngành Kinh tế quốc tế và ngành Luật quốc tế và được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tuyển sinh khoá đầu tiên vào năm 2008 [03.04.03].

- Đối với các chương trình đào tạo sau đại học:

Từ năm 2002, Học viện xây dựng xong chương trình đào tạo thạc sỹ Quan hệ quốc tế và được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tuyển sinh khoá đầu tiên [03.04.04]. Năm 2008, Học viện đã hoàn thành việc xây dựng Đề án đào tạo tiến sỹ trình Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự kiến tuyển sinh khoá đầu tiên vào năm 2009.

Các chương trình đào tạo sau khi được rà soát hoặc xây dựng mới thông qua Hội đồng Khoa học – Giáo dục của Học viện và được ban hành bằng các quyết định của Giám đốc Học viện [03.01.05].

Các chương trình đào tạo của Học viện khi điều chỉnh hoặc xây dựng mới đều dựa trên việc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của các trường ĐH nước ngoài như Pháp, Mỹ, Úc, Nhật, Trung Quốc, Thái Lan. Ví dụ, chương trình đào tạo ngành Luật quốc tế, Kinh tế quốc tế là một ngành mới ở Việt Nam, chưa có cơ sở đào tạo nào trong nước giảng dạy vì vậy chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu các chương trình đào tạo tiên tiến

của các trường Đại học tiên tiến trên thế giới [03.01.02]. Các trường trình đào tạo này được Bộ Giáo dục và Đào tạo coi là tiền đề nghiên cứu để xây dựng chương trình khung 02 chương trình đào tạo nói trên.

Quỹ Ford đã thực hiện Dự án Ngoại giao đa phương, có trụ sở tại Học viện, chương trình hoạt động của Dự án này là nâng cao năng lực giảng dạy về quan hệ quốc tế trong các trường ĐH, CĐ của Việt Nam. Các công trình nghiên cứu của Dự án này đã giúp cho Học viện nâng cao chất lượng giảng dạy nguồn nhân lực làm công tác đối ngoại, phục vụ hội nhập quốc tế [03.04.06].

Để chương trình đào tạo của Học viện phù hợp với yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực trong thực tiễn, nhân dịp các ngày truyền thống hoặc lễ kỷ niệm thành lập, đón nhận huân chương, Học viện hoặc các khoa tổ chức các buổi gặp gỡ, trao đổi, hội thảo với các cựu sinh viên, với các doanh nghiệp có sinh viên tốt nghiệp của trường đang làm việc [03.04.02], [03.04.04].

2. Đánh giá điểm mạnh:

Các chương trình đào tạo của Học viện được điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới trên cơ sở tham khảo chương trình quốc tế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ý kiến phản hồi của các cựu sinh viên và các doanh nghiệp.

Học viện có sự chủ động và tích cực trong công tác đổi mới thường xuyên các chương trình đào tạo; coi việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo là việc làm thường xuyên và cần thiết trong công tác quản lý đào tạo mỗi năm học.

3. Những tồn tại:

- Khi bổ sung, điều chỉnh chương trình, nhà trường có tham khảo các chương trình tiên tiến của nước ngoài nhưng việc vận dụng những chương trình đó còn ở mức độ hạn chế.

- Việc lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, từ cựu sinh viên về chương trình đào tạo chưa định kỳ, liên tục mà mới chỉ tập trung vào các nhóm khi tiến hành từng đề tài.

- Chưa xây dựng phiếu phỏng vấn lấy ý kiến thường xuyên của giáo viên, các tổ chức giáo dục để điều chỉnh chương trình đào tạo

4. Kế hoạch khắc phục:

- Tiếp tục tham khảo chương trình đào tạo tiên tiến của các trường đại học trong và ngoài nước để hoàn thiện các chương trình đào tạo tương ứng của Học viện.

- Từ năm học 2008 – 2009, tạo diễn đàn (Forum) trên trang Web của Học viện để người học, giáo viên, nhà tuyển dụng... trao đổi, góp ý kiến về các chương trình đào tạo của Học viện.

- Định kỳ 2 năm (năm 2009, 2011...) tổ chức lấy ý kiến rộng rãi phản hồi về chương trình đào tạo của cựu sinh viên, của các nhà tuyển dụng, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác để bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo.

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể về hoàn thiện mục tiêu đào tạo;

- Thành lập bộ phận chuyên trách về điều tra nhu cầu người học theo từng chuyên ngành; các phản ứng của thị trường đối với các khối kiến thức và kỹ năng của sinh viên đã tốt nghiệp để nắm bắt được nhu cầu đích thực của thị trường lao động;

- Trước khi tiến hành bổ sung và điều chỉnh chương trình, nhà trường tổ chức thu thập thông tin về phản hồi từ các nhà sử dụng lao động, sinh viên đã tốt nghiệp từ Học viện Ngoại giao và kinh nghiệm của một số trường đại học trong khu vực và thế giới.

- Phân định rõ trách nhiệm và vai trò của mỗi cấp trong việc xây dựng và thực hiện chương trình, quản lý chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.5

Chương trình giáo dục được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình giáo dục khác.

1. Mô tả:

Các chương trình đào tạo đại học của Học viện áp dụng trong 5 năm gần đây đều được thiết kế theo hướng liên thông hợp lý. Hiện nay, trường đang hướng tới triển khai một số hình thức đào tạo liên thông chủ yếu như sau:

- Liên thông giữa các trình độ: Từ năm 1986, Học viện triển khai mô hình đào tạo có sự phân chia trình độ như trung học, đại học, sau đại học. Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học của Học viện được phép thi tuyển lên học tiếp cao học tại Học viện hoặc tại các trường đại học khác có cùng ngành đào tạo. Như vậy, có sự liên thông giữa chương trình đào tạo đại học của các trường đại học khác với chương trình đào tạo đại học của Học viện Ngoại giao [03.05.01].

Hiện nay, Học viện đã xây dựng xong đề án đào tạo liên thông tiến sỹ và đang tiến hành xây dựng chương trình đào tạo cao đẳng, đã tuyển sinh khoá đầu tiên vào năm 2009, từ đó, có thể đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học vào năm 2012 [03.05.07].

- Liên thông giữa các ngành đào tạo: Từ nhiều năm nay, Học viện liên tục tuyển sinh và tổ chức đào tạo bằng 2 chính quy. Bằng 2 chính quy là hình thức đào tạo những sinh viên đã tốt nghiệp đại học bằng 1 ở Học viện hoặc các trường ĐH khác có cùng nhóm ngành đào tạo, có nhu cầu được học tiếp để lấy thêm bằng đại học chính quy thứ 2 khác với ngành đào tạo bằng 1. Đến nay, Học viện đã tuyển sinh và tổ chức đào tạo bằng 2 chính quy ngành Quan hệ quốc tế [03.01.06], [04.04.05]. Bên cạnh đó, Học viện đang xây dựng chương trình đào tạo liên thông cấp bằng đại học thứ hai là bằng cử nhân Quan hệ quốc tế cho sinh viên đang theo học ngành Tiếng Anh và Tiếng Pháp của Học viện. Theo hình thức này, sinh viên tốt nghiệp ra trường sẽ có hai bằng tốt nghiệp. hình thức đào tạo này sẽ được đưa vào triển khai tại Học viện vào năm học 2010 – 2011 [03.05.08].

- Liên thông, liên kết đào tạo với một số trường đại học trong nước và nước ngoài: Trong khuôn khổ liên minh giữa 3 cơ sở đào tạo nguồn nhân lực làm công tác đối ngoại là Học viện Ngoại giao, Khoa Quốc tế học trường ĐHKH XH&NV (ĐH Quốc gia HN) và Khoa Quan hệ quốc tế (trường ĐH KH

XH&NV (ĐH Quốc gia Tp. HCM), Học viện đã tổ chức và tham gia nhóm họp, hội nghị, hội thảo thường xuyên về chương trình đào tạo, tiến hành trao đổi giảng viên và sinh viên [03.05.09]; Học viện đã ký kết hiệp định hợp tác với một số trường đại học của Pháp như Đại học Lyon, Texas Tex,... để tổ chức đào tạo thạc sĩ tại trường Đại học Lyon (hình thức du học); Học viện đang hoàn thành việc xây dựng đề án và làm thủ tục tổ chức đào tạo đại học theo mô hình 2 + 2 hoặc 3 + 1 với trường ĐH Texas Tex (Mỹ) [04.04.10].

2. Đánh giá điểm mạnh:

Các chương trình đào tạo của Học viện đã được thiết kế theo định hướng liên thông mạnh mẽ.

3. Những tồn tại:

Chưa có các qui định cụ thể về điều kiện liên thông các CTĐT

Chưa có sự liên kết đào tạo giữa các địa phương.

CTĐT của Học viện mới liên thông được với một số ít trường đại học của Cộng hòa Pháp mà chưa mở rộng với các nước trong khu vực, đặc biệt là Trung Quốc và các nước nói tiếng Anh.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Hoàn chỉnh và xây dựng các qui định cụ thể về điều kiện liên thông các chương trình đào tạo, phù hợp với nhu cầu cầu thị trường lao động và các qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp tục mở rộng hợp tác đào tạo quốc tế thông qua việc xây dựng và triển khai các đề án đào tạo liên thông ở trình độ đại học hoặc sau đại học với một số trường đại học của Mỹ, Trung Quốc và với một số trường đại học của các nước Úc, Anh, Mỹ, Nhật Bản... vào năm 2010 và những năm tiếp theo.

- Thiết lập mối quan hệ với các địa phương thực hiện đào tạo theo địa chỉ đối với nhiều ngành học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 3.6:

Chương trình giáo dục được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất

lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả:

Các chương trình giáo dục của Học viện được định kỳ đánh giá vào cuối học kỳ II của các năm học, dựa trên các nguyên tắc, qui định và qui trình đánh giá chương trình giáo dục do Học viện ban hành [03.06.01].

Các chương trình giáo dục được đánh giá thông qua Hội đồng khoa học do Giám đốc Học viện thành lập, bao gồm lãnh đạo phụ trách công tác đào tạo, trưởng các Khoa chuyên môn, đại diện các phòng ban, giáo viên và sinh viên [03.01.06].

Qua các thời kỳ, nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực đa dạng phục vụ hội nhập quốc tế, Học viện giao cho Phòng Đào tạo kết hợp với các Khoa đã nhiều lần xem xét, đánh giá và chỉnh sửa các chương trình đào tạo của các Khoá từ K25 đến K34 [03.01.01], [03.01.02]. Học viện có đủ chương trình đào tạo kèm theo kế hoạch giảng dạy và học tập, chương trình chi tiết và tài liệu tham khảo cho các ngành đào tạo của Học viện. Tất cả các chương trình đào tạo của Học viện đều có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của từng trình độ đào tạo và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các khoa định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo. Các chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng liên thông và Học viện triển khai đào tạo liên thông đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, việc lấy các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác còn thực hiện chưa thường xuyên.

2. Đánh giá điểm mạnh:

Các chương trình giáo dục của Học viện được định kỳ đánh giá vào cuối học kỳ II của năm học dựa trên ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên và sinh viên.

3. Những tồn tại:

Chưa thực hiện kiểm định chất lượng các chương trình giáo dục một cách toàn diện tổng thể.

4. Kế hoạch khắc phục:

Phấn đấu đến hết năm học 2009 -2010, Học viện sẽ kiểm định chất lượng một số chương trình giáo dục và công bố chuẩn đầu ra theo chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận tiêu chuẩn:

Chương trình đào tạo của Học viện được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD & ĐT ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của nhà trường, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học, nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động.

Trải qua 50 năm xây dựng và phát triển, Học viện Ngoại giao đã qua nhiều lần xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh chương trình đào tạo để phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội và của người học. Học viện Ngoại giao luôn chủ động và đi đầu trong việc đổi mới chương trình đào tạo, giáo trình, đưa môn học mới vào giảng dạy. Đặc biệt, trong khoảng 5 năm trở lại đây, Học viện đã tiến hành đổi mới chương trình đào tạo theo hướng đa ngành.

Học viện Ngoại giao được Bộ GD & ĐT giao làm chủ tịch Hội đồng Chương trình khung giáo dục đại học Ngành Quan hệ Quốc tế. Khi xây dựng chương trình đào tạo, Học viện Ngoại giao đã thể hiện rõ vai trò là trường trọng điểm quốc gia trong các trường giảng dạy về QHQT. Các chương trình đào tạo của nhà trường đã kết hợp hài hoà tính hiện đại và tính thực tiễn Việt nam.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6

TIÊU CHUẨN 4

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Mở đầu.

Với chủ trương luôn nâng cao và đổi mới chất lượng đào tạo, Học viện đã thực hiện đa dạng hoá các phương thức đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu học tập của người học, thực hiện chế độ công nhận kết quả học tập của người học theo học phần (tích lũy theo học phần). Học viện đang từng bước chuyển quy trình tổ chức đào tạo theo niên chế sang học tín chỉ trong thời gian sớm nhất.

Một trong những biện pháp hiệu quả là đa dạng hoá phương pháp và quy trình kiểm tra, đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm của người học, giúp người học có kiến thức chuyên môn, kỹ năng công việc và năng lực giải quyết vấn đề.

Tiêu chí 4.1:

Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định.

1. Mô tả:

Công tác đào tạo của Học viện được tổ chức thực hiện theo các phương thức đào tạo chính qui và không chính qui [04.01.01].

Xuất phát từ nhu cầu thực tế của người học, Học viện đã tổ chức nhiều hình thức đào tạo theo hai phương thức đào tạo chính qui tập trung và không chính qui, mở tại trường và đang khảo sát mở tại các địa phương, từng bước mở rộng liên kết đào tạo với các nước trong khu vực và trên thế giới [04.01.02].

Phương thức đào tạo chính qui tập trung được tổ chức học liên tục tại Học viện, bao gồm các hệ trung học, cao đẳng, đại học, sau đại học. Hàng năm, Học viện tuyển sinh từ 200- 400 sinh viên đại học, 100 sinh viên cao đẳng, 100 sinh viên đại học bằng hai và 50 học viên cao học hệ chính quy [04.01.04], [04.01.05]

Phương thức đào tạo không tập trung của Học viện được tổ chức với hình thức vừa học vừa làm (hệ Đại học tại chức). Hàng năm, Học viện tuyển

sinh 100 – 150 sinh viên đại học tại chức, đào tạo tại Học viện [04.01.04], [04.01.05].

Ngoài các lớp đào tạo cấp bằng nói trên, Học viện còn thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng chuyên đề cấp chứng chỉ, thời gian đào tạo từ 3 đến 6 tháng: Lớp bồi dưỡng kiến thức về Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, Lớp cập nhật kiến thức đối ngoại [04.04.08].

Do việc đa dạng hoá các phương thức đào tạo phù hợp với yêu cầu của người học và xu thế phát triển của nền kinh tế - xã hội, nhu cầu đào tạo của xã hội đối với Học viện Ngoại giao là rất lớn. Hàng năm., số thí sinh đăng ký thi đại học tập trung từ 3.000 đến 4.000 thí sinh. Nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ được mở, nhằm nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ ngoại giao đi luân chuyển công tác [04.01.12]. Đồng thời, Học viện cũng tổ chức nhiều lớp cho các cơ quan làm công tác đối ngoại bên ngoài Bộ [04.01.13].

Các loại hình thuộc các phương thức đào tạo trên đều có văn bản qui định cụ thể chi tiết về mục tiêu, chương trình, kế hoạch và tổ chức đào tạo [03.01.01], Học viện đã từng bước chuẩn hoá tổ chức đào tạo tại chức theo hệ đào tạo chính qui [04.01.14]. Từ năm 2005, chương trình đào tạo cho hệ chính qui đã được áp dụng cho hệ tại chức đối với các chuyên ngành đào tạo, lịch trình giảng dạy, công tác tổ chức thi, chấm thi cho hệ đào tạo tại chức cũng được xây dựng và tổ chức thực hiện theo hướng chính qui hoá [04.01.15].

Để đáp ứng nhu cầu học tập của người học, Học viện phối hợp với đơn vị liên kết tổ chức các đợt khảo sát thực tế tại địa phương và ký kết hợp đồng đào tạo tại các địa phương đó [04.01.16]. Học viện đã thực hiện lấy ý kiến sinh viên về việc đào tạo theo học chế tín chỉ, về hiệu quả của các phương pháp dạy học và tính sát thực của đề thi [04.01.17], thực hiện khảo sát người sử dụng sinh viên tốt nghiệp về kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên [04.01.18].

Hiện nay, Học viện đang áp dụng dần dần một chuẩn mực chung về chương trình đào tạo và kiểm tra đánh giá cho các phương thức đào tạo tập trung và không tập trung [04.01.19]. Chương trình đào tạo được xây dựng và áp dụng chung cho cả hai phương thức đào tạo trên [03.01.01]. Ngoài ra, Học

viện còn có các qui định chung về chương trình đào tạo như: qui định về khối lượng kiến thức chuyên ngành và kế hoạch đào tạo từng học kỳ, qui định chung về hình thức thi kết thúc học phần cho các hình thức đào tạo tập trung và không tập trung của Học viện như: thi viết, vấn đáp và thi nghe [04.01.11].

2. Đánh giá điểm mạnh:

- Phương thức, hình thức đào tạo được đa dạng hoá, mềm dẻo, phù hợp đáp ứng được yêu cầu của người học.

- Việc tổ chức quản lý các phương thức, loại hình đào tạo từng bước đã được chuẩn hóa theo hướng thống nhất, chính qui.

- Tổ chức thường xuyên về hoạt động thi kiểm tra, đánh giá của Học viện trong các kỳ thi cuối học kỳ.

- Hàng năm, Học viện đều có các báo cáo tổng kết cuối năm của các Phòng, Khoa và Ban; các bài viết của giảng viên về hoạt động giảng dạy và thi kiểm tra được đăng trên các tập san của Học viện.

3. Những tồn tại:

- Việc khảo sát cán bộ và giảng viên về phương thức đào tạo chưa được thực hiện thường xuyên.

- Phương thức đào tạo từ xa chưa được tổ chức thực hiện, hình thức đào tạo cấp chứng chỉ cần được mở mở rộng hơn nhằm khai thác tiềm năng của Nhà trường đồng thời đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Tổ chức đào tạo không tập trung chưa được chuẩn hoá, đồng bộ ở tất cả các khâu nên còn có khoảng cách về chất lượng so với chính qui tập trung.

4. Kế hoạch khắc phục:

Trong những năm tới sẽ tiến hành khảo sát lấy ý kiến sinh viên; khảo sát cán bộ và giảng viên về các phương thức đào tạo thời gian thực hiện 2 năm một lần.

Xây dựng 2 phòng học đa phương tiện thành các phòng học từ xa để mềm dẻo, đa dạng hơn về phương thức đào tạo, trước mắt phục vụ cho các chương trình liên kết đào tạo quốc tế. Từ năm học 2008 – 2009, sẽ triển khai đào tạo từ xa trong nước.

Tiếp tục chuẩn hoá, thống nhất áp dụng các qui trình, qui định ở tất cả các khâu trong tổ chức đào tạo tại chức theo hệ chính qui, định hướng chuyển đổi đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ năm học 2009-2010.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.2:

Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

1. Mô tả:

Ngay trong năm học 2006 – 2007, Học viện đã thực hiện đào tạo theo Quy chế 25/2006/QĐ- BGDDT thay thế cho Quy chế 04/1999/ QĐ- BGDDT [04.02.01], làm cơ sở cho việc chuyển từ đào tạo theo niên chế kết hợp với học phần sang đào tạo theo tín chỉ. Từ năm 2009, Học viện đã xây dựng lộ trình tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ cho sinh viên đại học hệ chính qui, thực hiện xử lý học vụ theo chế độ tích lũy kết quả học tập theo từng học phần, đến học kỳ I năm 2011. Học viện đã áp dụng học chế tín chỉ cho tất cả các sinh viên loại hình đào tạo chính qui. Vào đầu học kỳ, ngoài những môn học cứng theo kế hoạch đào tạo, các sinh viên được quyền đăng ký các môn học mới, các môn học muốn cải thiện [04.02.02 - 04.02.03] và các môn học còn nợ. Ngoài ra tận dụng tính mềm dẻo của học chế tín chỉ sinh viên được phép học vượt để rút ngắn thời gian học. Đây cũng ưu điểm trong việc đào tạo theo tín chỉ [04.02.05-08].

Cho đến nay, việc tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ đang gấp rút triển khai, kế hoạch giảng dạy từng học kỳ thực hiện đúng thời gian qui định, sinh viên tốt nghiệp theo đúng tiến độ đào tạo. Học viện đã tổ chức khảo sát ý kiến người học về việc đào tạo theo học chế tín chỉ, tính sát thực của đề thi và tính hiệu quả của phương pháp giảng dạy [04.02.07]

Hiện Học viện cũng đang thực hiện qui trình đào tạo theo niên chế với việc tích lũy kiến thức theo từng học phần [04.01.02]. Các học phần được thiết

kế theo hướng modun kiến thức, tạo điều kiện thuận lợi để người học tích lũy dần kiến thức, các học phần được chia thành các khối kiến thức: đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, thực tập và thi tốt nghiệp, tạo cơ hội để người học có khả năng chuyển đổi, liên thông giữa các ngành, chuyên ngành đào tạo [03.01.01].

Kế hoạch giảng dạy được xây dựng cụ thể cho từng kỳ học cho mỗi lớp học, chuyên ngành đào tạo, hình thức và địa bàn đào tạo [04.01.20]. Chương trình và kế hoạch đào tạo được phổ biến rộng rãi cho cán bộ, giáo viên và sinh viên cũng như trên Website của Học viện [04.01.21].

Lịch thi, tổ chức coi thi, chấm thi được thiết kế cho từng học phần, kết quả thi học phần được công nhận để tích lũy kiến thức cho sinh viên trong quá trình đào tạo, được bảo lưu, chuyển đổi theo qui định [04.02.12]. Việc sàng lọc sinh viên được tiến hành hàng năm, sinh viên có thể phải dừng tiến độ hoặc thôi học theo đúng qui chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo [04.04.20].

2. Đánh giá điểm mạnh :

Đã tổ chức đào tạo và thực hiện việc công nhận kết quả học tập cho người học theo học phần một cách bài bản, đúng qui chế, tạo điều kiện thuận lợi để người học tích lũy kiến thức.

3. Những tồn tại:

Công tác kiểm tra đánh giá các học phần, công tác xử lý học vụ thực hiện theo cách đánh giá mới chưa phản ánh được hết thực chất chất lượng giảng dạy và học tập, tỉ lệ sinh viên khá giỏi còn thấp.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Thực hiện định kỳ việc khảo sát lấy ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo tiến hành hai năm một lần.

- Từ năm học 2006 -2007, đưa phần mềm quản lý kết quả học tập của người học vào sử dụng để thuận tiện cho việc quản lý, công nhận kết quả và tạo điều kiện cho người học tích lũy kiến thức theo chương trình đào tạo.

- Đẩy nhanh tiến độ của ban nghiên cứu dự án đổi mới tổ chức đào tạo với các bước đi cụ thể, chi tiết. Đồng thời tiến hành vừa nghiên cứu vừa chuẩn

bị các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, văn bản quản lý, tổ chức tập huấn nghiệp vụ, phổ biến rộng rãi, chỉ đạo tập trung, kiên quyết của các cấp quản lý trong trường để đảm bảo triển khai tổ chức đào tạo học chế tín chỉ các khoá học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.3: (*thêm lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về đánh giá giảng viên*)

Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

1. Mô tả:

Song song với việc không ngừng đổi mới, bổ sung mục tiêu, chương trình đào tạo, việc đổi mới phương pháp dạy và học là yêu cầu thường xuyên, liên tục, nhằm phát huy tính tích cực chủ động của người học. Việc đổi mới, đa dạng hoá phương pháp giảng dạy được Học viện đưa vào mục tiêu kế hoạch công tác hàng năm [04.03.26]. Hiện nay, Học viện đã thực hiện đa dạng hoá các phương pháp giảng dạy: cho sinh viên thảo luận theo nhóm, làm tiểu luận [04.03.01] [04.03.03- 04], [04.03.25]. Ngoài ra, từ năm 1999, Học viện đã triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy như soạn bài giảng trên Power Point, với hình thức này sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian và công sức, kết hợp với phần mềm hỗ trợ, các hình minh họa làm bài giảng trở nên sinh động hơn [04.03.05-06]. Đa dạng hoá các phương pháp giảng dạy là một trong những mục tiêu lớn của Học viện, đã có nhiều hội thảo, đề tài nghiên cứu khoa học về đổi mới các phương pháp giảng dạy từ các cấp cơ sở, cấp Bộ [04.03.02].

Hàng năm, Học viện có tổ chức buổi gặp gỡ sinh viên với lãnh đạo Học viện, qua đó ghi nhận được ý kiến của sinh viên về phương pháp giảng dạy của giảng viên. Từ đó rút kinh nghiệm cho các giảng viên [04.03.16].

Bên cạnh đó, Học viện còn cử các giảng viên tham dự các khoá học ngắn hạn và dài hạn ở trong và ngoài nước nhằm học hỏi các phương pháp giảng dạy

tiên tiến về áp dụng giảng dạy cho sinh viên Học viện [04.03.08]; đón tiếp các học giả, các Đại sứ của các nước trên thế giới tại Việt Nam đến thăm và nói chuyện với sinh viên Học viện về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành học [04.03.09]; tổ chức các cuộc gặp gỡ, giao lưu giữa sinh viên Học viện và sinh viên các trường Đại học ở trong và ngoài nước nhằm nâng cao hiệu quả của công tác giảng dạy [04.03.10].

Hiện nay, đã có một số khoa tổ chức dự giờ chéo giữa các giảng viên trong Khoa, nhằm đánh giá hiệu quả các phương pháp giảng dạy. Cụ thể như Khoa Chính trị quốc tế và Ngoại giao, Khoa Luật, Khoa Kinh tế, các Khoa Ngoại ngữ - 80% thực hiện việc dự giờ chéo nhau [04.03.07]. Yêu cầu các giảng viên báo cáo công tác giảng dạy trong năm một cách định kỳ [04.03.11]. Thực hiện khảo sát người học về hiệu quả của các phương pháp giảng dạy [04.03.24]. Thường xuyên thực hiện chế độ báo cáo về kết quả sử dụng Projecter trong giảng dạy [04.03.12], khảo sát chất lượng đào tạo [04.03.13], [04.03.20] [04.03.24], thống kê số môn học trong từng ngành đào tạo có ứng dụng tin học vào giảng dạy [04.03.17], thống kê các công trình nghiên cứu được ứng dụng vào giảng dạy, [04.03.18] [04.03.23], thống kê số môn học trong từng ngành đào tạo có bài tập nghiên cứu (tiểu luận, khoá luận tốt nghiệp) [04.03.19], đánh giá về đổi mới đào tạo, thi và kiểm tra [04.03.21-22]. Qua đó không chỉ đánh giá kiến thức mà còn đánh giá cả kỹ năng, phương pháp làm việc và năng lực tự học của người học.

2. Đánh giá điểm mạnh :

Học viện quan tâm chỉ đạo và giám sát thực hiện tiến độ giảng dạy một cách có kế hoạch, có qui trình. Các phương pháp giảng dạy tiên tiến, phù hợp đã được các bộ môn thống nhất triển khai, phát huy tích tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Bên cạnh đó chú ý đổi mới các hình thức thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập một cách tổng hợp quá trình học của sinh viên.

3. Những tồn tại:

Việc áp dụng phương pháp giảng dạy tiên tiến - khai thác ứng dụng CNTT trong giảng dạy chưa được áp dụng đồng bộ, triệt để cho các đối tượng đào tạo, đặc biệt đối với phương thức đào tạo không chính qui.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Tăng cường các hoạt động đổi mới phương pháp dạy - học, hoạt động thực hành, thực nghiệm, tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của Đảng ủy Học viện về đổi mới phương pháp dạy học, đẩy mạnh biên soạn bài giảng điện tử. Chuyển giao, tiếp cận đào tạo theo chương trình và giáo trình tiên tiến.

- Tổ chức định kỳ việc khảo sát đồng nghiệp và người học về hiệu quả của các phương pháp giảng dạy, tiến hành thực hiện hai năm một lần.

- Xây dựng mẫu phiếu điều tra, khảo sát đào tạo thống nhất, áp dụng thường xuyên sau mỗi học phần, kết hợp tăng cường khai thác trang Web của Học viện để kịp thời nắm bắt thông tin từ người học, có biện pháp tổ chức quản lý đào tạo có hiệu quả hơn, đặc biệt đối với hệ đào tạo không chính quy.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.4:

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

1. Mô tả: (cần nêu nhà trường đã ban hành văn bản thực hiện quy chế đào tạo phù hợp quy chế Bộ Giáo dục, nêu các hình thức kiểm tra)

Đổi mới qui trình và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả đào tạo là yêu cầu thường xuyên, liên tục, nhằm đánh giá kết quả học tập của người học chính xác, công bằng và phù hợp phương thức đào tạo. Học viện Ngoại giao thường xuyên coi trọng công tác thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, thể hiện trong báo cáo tổng kết, trong phương hướng và chương trình công tác của Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện và tổ chức triển khai thực hiện một cách kiên quyết, thống nhất và đồng bộ [04.04.24].

Hàng năm, công tác thi tuyển sinh đầu vào cả hệ chính quy và không chính quy được Học viện thực hiện một cách bài bản, nghiêm túc, đảm bảo tính khách quan trong suốt quá trình tuyển sinh [04.04.03-11].

Tuỳ thuộc nội dung giảng dạy của từng học phần và phương thức đào tạo, Học viện đã áp dụng nhiều hình thức thi, kiểm tra:

- 71,5% các học phần áp dụng hình thức thi viết với việc tăng số lượng câu hỏi, tăng các câu hỏi tự luận [04.04.21];

- Thi trắc nghiệm với hệ thống các câu hỏi bao trùm nội dung đào tạo, tăng cường các câu hỏi liên hệ thực tiễn, các câu hỏi về kỹ năng, phương án giải quyết vấn đề, áp dụng cho 18,3% các học phần;

- Thi vấn đáp với hệ thống câu hỏi chính - phụ để có thể nắm được khả năng hiểu, vận dụng kiến thức đã học, áp dụng đối với 10,2% các học phần [04.04.21].

Học viện đã kết hợp việc đánh giá kết quả thi hết học phần với việc theo dõi đánh giá quá trình học tập học phần, thông qua xê-mi-na, thảo luận trên lớp, kiểm tra từng phần, các bài tập tình huống, bài tập tổng hợp, tiểu luận, chuyên đề (đánh giá quá trình). Thông qua việc đa dạng các phương pháp thi với kết cấu các câu hỏi và đáp án, thang điểm chi tiết phù hợp cho phép đánh giá chính xác về nội dung tổng hợp của từng học phần đồng thời với việc đánh giá sát thực kỹ năng và năng lực chuyên môn của người học [03.01.01],

Lịch thi được xây dựng chi tiết, thông báo công khai [04.02.12]; việc xem xét điều kiện dự thi, ra đề thi, tổ chức thi và chấm thi được tiến hành theo qui trình thống nhất, đảm bảo nghiêm túc, khách quan công bằng và chính xác [04.04.25]. Ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần kèm theo đáp án và thang điểm được Nhà trường thống nhất quản lý, hàng năm có bổ sung, điều chỉnh 30%, tổ chức rút đề ngẫu nhiên cho từng buổi thi [04.04.26]. Công tác chấm thi tuân theo qui trình nghiêm ngặt, các bài thi học phần được rọc phách và tổ chức chấm qua hai vòng độc lập, kết quả thi được thông báo kịp thời, công khai trên bảng tin các khoa và bằng văn bản xuống các lớp [04.01.02].

Nhằm đảm bảo tính khách quan, chính xác, công bằng trong việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên các hệ, bậc học, hàng năm Học viện thành lập các hội đồng xét sinh viên đủ điều kiện làm khoá luận tốt nghiệp, chấm khoá luận tốt nghiệp [04.04.14-16], hội đồng xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp, khen thưởng- kỷ luật, miễn giảm học phí đối với sinh viên [04.04.17-20].

Nhằm tăng cường công tác tổ chức quản lý thi và đánh giá kết quả đào tạo, Học viện đã thành lập Ban Thanh tra đào tạo nhằm tăng cường về nhân sự và trách nhiệm, thường xuyên thanh tra giảng dạy, học tập và đặc biệt công tác coi, chấm thi [04.04.01].

Công tác thi và đánh giá kết quả đào tạo được tổ chức tổng kết đánh giá và kịp thời rút kinh nghiệm, chấn chỉnh qua từng học kỳ. Học viện khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên và sinh viên phát huy dân chủ, tích cực phản ánh, kiến nghị và tham gia vào quá trình đánh giá kết quả đào tạo. Qua khảo sát cho thấy trên 95% số người được hỏi đánh giá các phương pháp thi, kiểm tra phù hợp phương thức đào tạo, trên 90% đánh giá đảm bảo tính chính xác, khách quan và công bằng [04.04.27].

Bên cạnh đó, trong mỗi năm học, Học viện đã tổ chức các hội nghị chuyên đề về quy trình và hình thức thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên [04.04.19].

Đánh giá được mức độ tích lũy sinh viên qua các đợt xét lên lớp, nợ học phần, xét tốt nghiệp hàng năm [04.04.18]. Thông qua các đề tài nghiên cứu khoa học, các cuộc thi do Thành Đoàn, Đoàn Thanh niên Bộ Ngoại giao đề đánh giá và phát hiện được năng lực của sinh viên [04.04.22].

Thực hiện khảo sát người sử dụng sinh viên tốt nghiệp, từ đó đánh giá được kiến thức từ Học viện cung cấp và khả năng vận dụng vào thực tế của sinh viên, từ đó có biện pháp điều chỉnh lại chương trình và phương giảng dạy cho sinh viên [04.04.27].

2. Đánh giá điểm mạnh:

Công tác thi đánh giá kết quả đào tạo được Học viện tổ chức nghiêm túc, đúng qui chế, tuân thủ qui trình thống nhất, đảm bảo tính sát thực, chính xác, khách quan và công bằng.

3. Những tồn tại:

Việc đa dạng hoá các phương pháp thi, kiểm tra chưa được áp dụng triệt để đối với phương thức đào tạo không tập trung. Việc trả điểm, thống kê, cập nhật và thông báo kết quả học tập đối với phương thức đào tạo không chính qui đôi khi còn chậm, hạn chế hiệu quả tổ chức đào tạo và gây khó khăn cho việc triển khai tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

4. Kế hoạch khắc phục:

Tổ chức các hội thảo về các phương pháp đo lường và đánh giá trong giáo dục đại học, đặc biệt chú ý đến đào tạo không chính quy.

Tiến hành khảo sát giảng viên về các loại hình thi đang sử dụng, khảo sát sinh viên về tính sát thực của đề thi. Thời gian thực hiện hai năm một lần.

Từng bước tăng cường hình thi trắc nghiệm và áp dụng thống nhất, đồng bộ công tác thi và đánh giá kết quả học tập đối với phương thức đào tạo không chính qui.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.5:

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

1. Mô tả:

Trên cơ sở qui chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện đã có những qui định cụ thể, chi tiết về việc công nhận các kết quả học tập của người học, cấp phát các loại văn bằng, chứng chỉ liên quan [04.05.01], [04.05.03]. Học viện thống nhất quản lý việc cấp phát văn bằng chứng chỉ theo đúng qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi thi tốt nghiệp 01 tháng, Học viện làm hồ sơ mua phôi bằng tốt nghiệp gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, tổ chức bế giảng và cấp bằng, chứng

chỉ tốt nghiệp cùng với bảng xác nhận kết quả học tập cụ thể cho từng sinh viên. Hàng năm, Học viện có bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ một cách đầy đủ, chi tiết, đúng qui định [04.05.18-20]

Kết quả thi của người học được công bố công khai sau mỗi kỳ thi và ghi vào sổ điểm của sinh viên, việc lưu trữ đầy đủ và chính xác được phân theo từng khoa, từng ngành và từng học kỳ, dễ dàng sao lục khi cần thiết [04.05.06-08]; Có qui định thời gian chấm thi và thông báo kết quả thi cho người học [04.01.02], thông báo dự kiến xét tốt nghiệp và kết quả tốt nghiệp đến người học [04.05.02].

Hệ thống sổ sách lưu giữ kết quả học tập của người học được bố trí một cách khoa học [04.05.04]. Hiện nay, Phòng Đào tạo quản lý toàn bộ điểm, khối lượng giảng dạy giáo viên, học phí của sinh viên bằng phần mềm *Fox for win* - phần mềm có độ tương thích cao với các phần mềm window khác, thuận lợi cho việc quản lý, truy cập và tổng hợp báo cáo [04.05.06]. Kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ học tập được cấp đúng qui định, chưa để xảy ra sai sót trong quá trình vào điểm và cấp phát văn bằng, chứng chỉ [04.05.10-12].

Ở tất cả các đơn vị quản lý đào tạo (Bộ môn, Khoa và các phòng chức năng của Học viện) đều đã khai thác máy vi tính trong việc quản lý dữ liệu nói chung và việc quản lý kết quả học tập nói riêng. Một số đơn vị đã xây dựng phần mềm vi tính quản lý có hiệu quả, tuy chưa đồng bộ, thống nhất.

2. Đánh giá điểm mạnh:

Công tác quản lý điểm của sinh viên được cập nhật song song tại các khoa và phòng Đào tạo. Sau mỗi kỳ thi học kỳ phòng Đào tạo tiến hành đồng bộ so sánh kết quả, vì vậy đảm bảo được tính chính xác trong khi xử lý kết quả học tập cho người học.

Công tác quản lý văn bằng chứng chỉ có nề nếp, không để xảy ra sai sót.

3. Những tồn tại:

- Tính tích hợp của phần mềm quản lý còn thấp đôi khi làm ảnh hưởng đến tốc độ xử lý.

- Cơ sở dữ liệu đào tạo tổ chức theo các *file* quan hệ nên khi truy xuất phải mở nhiều *file* dẫn đến tốc độ chậm.

4. Kế hoạch khắc phục:

Cải tiến phần mềm quản lý đào tạo để phù hợp với các yêu cầu quản lý mới.

5. Tự đánh giá: Đạt**Tiêu chí 4.6:**

Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả:

Học viện có hệ thống lưu giữ cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo [04.05.14]. Mỗi năm một lần, Học viện đã tiến hành khảo sát tình hình sinh viên tốt nghiệp. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hàng năm của nhà trường là 75% . Theo điều tra, có 60% sinh viên tìm được việc làm sau 3 tháng, 14% sinh viên tìm được việc làm sau 6 tháng và còn lại là một năm sau khi tốt nghiệp [04.06.02]

- Có khảo sát thu nhập của sinh viên tốt nghiệp [04.06.03]
- Có tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên tốt nghiệp với việc làm của mình [04.06.01]

2. Đánh giá điểm mạnh:

Nhà trường luôn coi trọng việc đánh giá tình hình sinh viên tốt nghiệp, để tạo cơ sở dữ liệu làm căn cứ cho việc xây dựng, bổ sung và chỉnh sửa hoàn thiện chương trình đào tạo

3. Những tồn tại:

Việc đánh giá tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên đã tốt nghiệp chưa được tiến hành thường xuyên, định kỳ.

4. Kế hoạch khắc phục:

Trong năm học 2008-2009 giao cho Phòng Công tác Chính trị và Quản lý sinh viên xây dựng kế hoạch và lộ trình thực hiện các điều tra theo định kỳ về việc làm, thu nhập của sinh viên tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.7:

Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo, cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả: (đánh giá về nhu ý kiến phản hồi của sinh viên về việc làm, công việc có đáp ứng được không?)

Nhà trường luôn xác định các mục tiêu đào tạo rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động [04.07.01]. Nhà trường cũng luôn coi trọng công tác đánh giá chất lượng đào tạo dựa trên việc lấy ý kiến của người học đã tốt nghiệp [04.07.02] và các nhà tuyển dụng về mục tiêu, chất lượng đào tạo của nhà trường [04.07.03]. Trên cơ sở đó, nhà trường có những điều chỉnh kịp thời phù hợp với yêu cầu của xã hội và thị trường nhân lực.

2. Đánh giá điểm mạnh:

Nhà trường chú trọng lấy ý kiến sinh viên tốt nghiệp về mục tiêu, chương trình đào tạo. Trên cơ sở đó, nhà trường đã liên tục điều chỉnh chương trình.

3. Những hạn chế:

Việc lấy ý kiến sinh viên tốt nghiệp, nhà tuyển dụng chưa được tiến hành thường xuyên.

Chưa có một bộ phận chuyên trách để thực hiện công tác này

4. Kế hoạch khắc phục:

Trong năm học 2008-1009, giao phòng Công tác Chính trị và Quản lý sinh viên lập chiến lược dài hạn về việc tổ chức lấy ý kiến sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về mục tiêu, chất lượng đào tạo.

Định kỳ đánh giá việc tổ chức lấy ý kiến, mỗi năm (hoặc hai năm)/ 1 lần.

5. Tự đánh giá: Đạt**Kết luận tiêu chuẩn:**

Trong những năm, qua hoạt động đào tạo của Học viện Ngoại giao đã được mở rộng về qui mô, đa dạng hóa và mềm dẻo trong phương thức đào tạo,

nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người học và nguồn nhân lực chất lượng cao của thị trường lao động. Song song với việc không ngừng đổi mới mục tiêu, chương trình đào tạo, việc đổi mới phương pháp dạy và học là yêu cầu thường xuyên, liên tục, nhằm phát huy tính tích cực chủ động của người học. Việc đổi mới, đa dạng hoá phương pháp giảng dạy được trường đưa vào chương trình, kế hoạch công tác hàng năm. Học viện đã thành lập Tiểu ban Đổi mới phương pháp giảng dạy, có nhiệm vụ tổng kết, nghiên cứu và triển khai, tư vấn đổi mới phương pháp giảng dạy của trường. Hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy được triển khai từ bộ môn, khoa chuyên ngành đến các hội thảo, hội nghị khoa học toàn trường. Học viện cũng thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp cơ sở về đổi mới phương pháp giảng dạy. Hiện nay, Học viện đang tích cực nghiên cứu, từng bước chuyển dần qui trình đào tạo sang học chế tín chỉ, trước hết đối với hệ chính qui tập trung và đào tạo thạc sĩ. Từ đầu năm học 2008- 2009, Học viện đã thành lập Ban nghiên cứu và triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ, đang khẩn trương nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện (Hoàn thiện chương trình, chuẩn bị đội ngũ, cơ sở vật chất, xây dựng các văn bản quản lý, tổ chức tập huấn, xây dựng phần mềm quản lý đào tạo và xây dựng kế hoạch đào tạo chi tiết ...) để có thể áp dụng học chế tín chỉ từ năm học 2009 – 2010 và hoàn thiện trong những năm tiếp theo.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 7/7

TIÊU CHUẨN 5**ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN****Mở đầu.**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của trường đáp ứng các yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được đảm bảo các quyền lợi theo qui định. Với xu thế hội nhập đổi mới nền kinh tế nói chung và nền giáo dục hiện nay, Học viện có những kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên, chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả của người học. Đồng thời tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên bồi dưỡng nâng cao năng lực và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tiêu chí 5.1:

Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

1. Mô tả:

Học viện Ngoại giao rất coi trọng công tác xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý có chất lượng cao, đội ngũ những người phục vụ nhiệt tình có trách nhiệm trên cả 3 mặt đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học và công tác. Học viện luôn tích cực quan tâm bồi dưỡng đội ngũ kế cận, phát triển đội ngũ đến năm 2015 và những năm tiếp theo. Kế hoạch này đã báo cáo Bộ chủ quản [05.01.12]. Bên cạnh đó, là một đơn vị trực thuộc Bộ Ngoại giao, hàng năm Học viện Ngoại giao báo cáo kế hoạch tuyển dụng nhân sự cho Bộ [05.01.04], [05.01.01]. Do đặc thù trực thuộc Bộ Ngoại giao, một số cán bộ, giảng viên của Học viện phải đi công tác nhiệm kỳ tại các đại sứ quán, nên hàng năm, Học viện cũng lập danh sách dự kiến một số vị trí cần bổ nhiệm lại [05.01.04]. Điều này sẽ tạo điều kiện cho

công tác giảng dạy và nghiên cứu của Học viện được tiến hành một cách hiệu quả.

Học viện tuân thủ chặt chẽ quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, công bố công khai. Hàng năm, Học viện đều thông báo công khai chỉ tiêu tuyển dụng, thời gian và địa điểm và nội dung thi tuyển [05.01.02], [05.01.03]. Để đảm bảo tính *minh bạch* trong công tác tuyển dụng, Học viện luôn thông báo đến các đơn vị trong trường để lên kế hoạch tuyển dụng [05.01.01], [05.01.12]. Các đơn vị lập kế hoạch tuyển dụng nhân sự cho đơn vị mình, trình Giám đốc phê duyệt, sau đó sẽ trình kế hoạch này lên Bộ Ngoại giao. Trên cơ sở đó, Hội đồng Tuyển dụng công chức Bộ Ngoại giao sẽ làm việc và công bố danh sách các ứng viên đủ điều kiện dự thi, phỏng vấn tuyển lao động [05.01.01], [05.01.09]. Danh sách các ứng viên được mời tham gia thi tuyển dụng, phỏng vấn và trúng tuyển đều được niêm yết công khai. Bộ Ngoại giao cũng ra quyết định tiếp nhận điều động cán bộ đến các đơn vị cụ thể [05.01.05- 06], [05.01.08], [05.01.11]. Khi ứng viên đã trúng tuyển thì phải trải qua thời gian tập sự, sau khi hoàn thành thời hạn tập sự và thoả mãn các yêu cầu của nhà trường đối với người tập sự thì người tập sự sẽ được nhà trường ký hợp đồng chính thức và áp dụng Quy định ký hợp đồng làm việc.

Bên cạnh đó, để đảm bảo tính hiệu quả, khách quan, khoa học, và minh bạch trong công tác tuyển dụng, Bộ Ngoại giao cũng như Học viện Ngoại giao đều rất chú trọng xây dựng các văn bản quy định quy trình và tiêu chí tuyển dụng [05.01.03], [05.01.05]. Các văn bản này không chỉ áp dụng đối với công tác tuyển (mới) nhân sự cho đơn vị mà còn áp dụng đối với việc bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, xét duyệt cán bộ luân chuyển ngoài nước [05.01.05]. Do đặc thù của việc luân chuyển liên tục cán bộ (ra nước ngoài công tác), các văn bản này đã đặt cơ sở cho việc thúc đẩy công tác nhân sự của đơn vị ngày càng hiệu quả.

Để thúc đẩy công tác bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực cho đơn vị, hàng năm Học viện Ngoại giao đều có báo cáo tổng kết đánh giá việc thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ nhân sự [05.01.13]. Trên cơ sở của việc đánh giá

những điểm mạnh và hạn chế này, Học viện đề ra phương hướng công tác cho việc tuyển dụng, bồi dưỡng nhân sự cho năm tiếp theo.

2. Đánh giá điểm mạnh:

- Học viện có chiến lược phát triển đội ngũ dài hạn đến năm 2015.
- Học viện có kế hoạch, qui trình và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng minh bạch, công tác phát triển đội ngũ của trường được triển khai hiệu quả.
- Học viện có tiêu chuẩn cụ thể cho từng chức danh của cán bộ quản lý, từ Ban Giám đốc đến trưởng, phó các đơn vị

3. Những tồn tại:

Mặc dù trong những năm qua, đội ngũ CBVC phát triển mạnh, song vẫn chưa đủ so với số lượng sinh viên của trường. Số cán bộ có học hàm, học vị GS, PGS, TSKH còn ít.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Tiếp tục duy trì thực hiện các kế hoạch, qui định, tiêu chí mà Học viện đã đề ra.
- Thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển đội ngũ từ nay đến năm 2015.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.2 (nên đưa văn bản lên trước làm cơ sở, rồi nếu hoạt động thực tiễn của Học viện thể hiện dân chủ đối với cán bộ và giảng viên nhân viên và cơ quan thực thi và cách thức đảm bảo dân chủ)

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học.

1. Mô tả:

Học viện Ngoại giao đã tạo được môi trường dân chủ để cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên tham gia góp ý kiến rộng rãi với các chủ trương, kế hoạch, chính sách của nhà trường.

Đảng uỷ, Lãnh đạo Học viện định kỳ có các cuộc tiếp cán bộ, giảng viên và nhân viên để tiếp nhận các ý kiến đóng góp cho nhà trường [05.02.06],

[05.02.03]. Những khiếu nại nào chưa giải quyết đều hẹn thời gian trả lời và yêu cầu các đơn vị chức năng có liên quan báo cáo.

Bên cạnh đó, Học viện cũng có hệ thống văn bản pháp qui, qui định cụ thể để cán bộ, giảng viên và nhân viên có thể đóng góp tích cực vào quá trình xây dựng môi trường dân chủ, đấu tranh chống một số tệ nạn tiêu cực như tham nhũng, tệ quan liêu hành chính [05.02.08].

Để hỗ trợ cho công tác thanh tra, kiểm tra, khiếu nại tố cáo, Học viện Ngoại giao đã thành lập bộ phận thanh tra. Từ năm 2006, bộ phận thanh tra Học viện đóng vai trò tích cực trong việc phối hợp với các đơn vị khác thực hiện chương trình hành động “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục.” [05.02.09].

Theo tinh thần của Nghị định số 241/HĐBT ngày 5/8/1991 của Hội đồng Bộ trưởng qui định về tổ chức và hoạt động của ban thanh tra nhân dân, Học viện Ngoại giao đã thành lập Ban thanh tra nhân dân, nhằm đáp ứng nhu cầu thanh tra, kiểm tra, giám sát của cán bộ, giảng viên và nhân viên nhà trường. Ban thanh tra có kế hoạch hoạt động và tiến hành kiểm điểm, ra báo cáo thường kỳ về công tác thanh tra trong Học viện [05.02.11].

Học viện còn có các hộp thư để cán bộ, giảng viên và nhân viên đóng góp ý kiến, hàng tháng Ban thanh tra nhà trường nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo và đóng góp ý kiến qua các hòm thư này và chuyển cho Đảng uỷ, Lãnh đạo Học viện xem xét giải quyết.

Ngoài các biện pháp trên, chính quyền và công đoàn Học viện cũng định kỳ tổ chức các hội nghị các cấp để cán bộ, giảng viên có điều kiện đóng góp ý kiến cho các chủ trương, kế hoạch và chính sách của nhà trường [05.02.01-02]. Chính vì vậy, các hoạt động của Học viện đều được tiến hành đúng qui định và phù hợp với pháp luật, mọi công việc đều được công khai, minh bạch. Trong những năm qua, Học viện không có vụ khiếu nại, tố cáo nào xảy ra.

2. Đánh giá điểm mạnh (có hệ thống văn bản đầy đủ, có các bộ phận thực hiện đảm bảo và việc tiến hành thường xuyên để đảm bảo dân chủ trong Học viện)

- Hàng năm đều tổ chức các hội nghị để cán bộ viên chức đóng góp cho các kế hoạch, chủ trương của Học viện
- Có lịch tiếp cán bộ viên chức và sinh viên hàng tháng của Ban Giám đốc để tiếp nhận ý kiến, giải quyết các khiếu nại tố cáo nếu có.
- Có ban Thanh tra đào tạo và ban Thanh tra nhân dân.

3. Những tồn tại:

- Còn một số đơn vị chưa có hộp thư góp ý
- Việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo chưa được lập thành qui trình giải quyết kịp thời.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Các đơn vị chưa có hộp thư góp ý. Cần tiến hành lấy ý kiến hoặc tiếp nhận các khiếu nại, tố cáo thông qua các hộp thư góp ý hoặc các hình thức khác. Thời gian thực hiện từ năm học 2008 -2009.
- Cụ thể hoá thành qui trình công việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.3: (Thực sự có nhiều hoạt động liên quan đến chuyên môn giảng dạy và quản lý hay không?). ngoài công tác sư quán thì còn hoạt động gì khác như hội thảo chuyên môn cho giảng viên, đào tạo quản lý về giáo dục...

Cần nêu số lượng cụ thể bao nhiêu được đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý hành chính, lý luận chính trị, đào tạo về phương pháp giảng dạy, các lớp tin học, lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ, kỹ năng. kể cả đi luân chuyển.. Và các buổi hội thảo về các lĩnh vực chuyên môn

Vì hiện tiêu chí này viết chung chung quá.

Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

1. Mô tả:

Với đặc thù là một cơ quan trực thuộc Bộ Ngoại giao, đồng thời có quan hệ hợp tác khá phong phú và hiệu quả đối với các cơ quan đối ngoại, các tổ chức quốc tế, các cơ sở đào tạo nước ngoài, Học viện Ngoại giao có nhiều điều kiện để phát triển chính sách đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giảng viên và nhân viên của nhà trường. Nhà trường có những chủ trương đúng đắn khuyến khích cán bộ, giảng viên, nhân viên tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ cả trong và ngoài nước [05.03.06], [05.03.03].

Học viện có hệ thống văn bản qui định việc tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của giảng viên/cán bộ ở trong và ngoài nước, qui chế qui định về thời gian cho phép đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước [05.03.01- 02]. Những hoạt động bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ở nước ngoài bao gồm: công tác tại cơ quan đại diện ở nước ngoài; học tập dài hạn; đào tạo ngắn hạn. Với lợi thế là một đơn vị trực thuộc Bộ Ngoại giao, cán bộ, giảng viên và nhân viên của nhà trường cũng được hưởng qui chế luân chuyển công tác như một cán bộ ngoại giao. Chính điều này đã hỗ trợ rất đắc lực cho việc trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật kiến thức, bổ sung kinh nghiệm thực tế cho quá trình nghiên cứu, giảng dạy và các công tác khác của cán bộ, giảng viên và nhân viên nhà trường.

Học viện có những qui định rõ ràng về việc hỗ trợ cho cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước [05.03.04]. Nhà trường có qui định về mức hỗ trợ tài chính đối với các trường hợp tham gia đào tạo chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước [05.03.05- 06].

Học viện cũng nỗ lực thúc đẩy quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, các cơ sở đào tạo ở nước ngoài để tận dụng tối đa các nguồn học bổng cho cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên có cơ hội tu nghiệp ở nước ngoài [05.03.04]. Chính vì vậy, hầu hết cán bộ, giảng viên đều được đào tạo ở các trường đại học, cơ sở đào tạo có uy tín ở Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản.

Học viện liên tục mở các lớp đào tạo ngắn hạn. Các lớp học này thường được tổ chức trên cơ sở liên kết với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Các lớp học này trên thực tế đã đáp ứng nhu cầu bức thiết về việc nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức cho cán bộ, giảng viên và nhân viên của nhà trường [05.03.03].

Học viện có chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học. Hàng năm, Học viện đều có quỹ dành riêng cho công tác nghiên cứu khoa học. Tỷ lệ giảng viên, cán bộ tham gia nghiên cứu khoa học rất cao [05.03.02].

2. Đánh giá điểm mạnh:

- Học viện có qui định cụ thể về các mức hỗ trợ về thời gian và kinh phí cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

- Học viện có nhiều điều kiện tổ chức cho cán bộ, giảng viên và nhân viên trau dồi chuyên môn nghiệp vụ ở nước ngoài

- Học viện tận dụng được lợi thế là một đơn vị trực thuộc Bộ Ngoại giao để thúc đẩy công tác đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giảng viên, và nhân viên ở nước ngoài.

- Học viện có hệ thống văn bản qui định rõ ràng chế độ, chính sách đối với công tác đào tạo cán bộ ở trong và ngoài nước.

3. Những tồn tại: (chưa có nhiều việc đào tạo về các hoạt động giáo dục tại nước ngoài cả chuyên môn và quản lý)

- Chưa có qui định cụ thể về việc hỗ trợ kinh phí cho cán bộ tham gia các buổi hội thảo chuyên ngành, tập huấn ngắn hạn ở nước ngoài.

- Chưa có qui định cụ thể về việc hỗ trợ kinh phí cho cán bộ tham gia các chương trình đào tạo dài hạn trong nước.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Ban hành qui định cụ thể về việc hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, giảng viên tham gia đào tạo các chương trình thạc sĩ, tiến sĩ trong nước; tham gia các buổi hội thảo chuyên ngành, tập huấn ngắn hạn ở nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.4:

Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả:

Học viện Ngoại giao có đội ngũ cán bộ quản lý với cơ cấu hợp lý, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định.

Nhà trường hiện có 58 cán bộ quản lý trong đó: 5 Phó giáo sư, 15 Tiến sĩ, 38 Thạc sĩ. Độ tuổi của đội ngũ cán bộ quản lý: 40 tuổi. Với độ tuổi này, có thể thấy đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường tương đối trẻ. Đây là điểm mạnh trong cơ cấu cán bộ của Học viện Ngoại giao [05.04.02]. Trường đã lập các bảng thống kê chung về đội ngũ cán bộ quản lý theo các tiêu chí như: vị trí công tác hiện hành, tuổi đời, thâm niên công tác, học vị, chức danh, trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học ... [05.04.02].

Bên cạnh đó, Nhà trường có văn bản quy định về tiêu chuẩn cán bộ cho từng vị trí quản lý. Quá trình bổ nhiệm cán bộ theo quy trình được công bố công khai, minh bạch, rõ ràng [05.04.01], [05.04.03]. Trong quy trình đề bạt cán bộ vào vị trí quản lý, một số khâu quan trọng được thực hiện một cách nghiêm túc, đầy đủ: lấy ý kiến công chức, viên chức và nhân viên; họp cơ chế ba mặt tham khảo ý kiến đề bạt cán bộ. Chính vì vậy, công tác đề bạt cán bộ quản lý của nhà trường được thực hiện một cách công khai, minh bạch, dân chủ và nghiêm túc.

Ngoài những điểm mạnh trên, đội ngũ cán bộ quản lý của Học viện đều giỏi về trình độ chuyên môn và hoàn thành tốt công tác quản lý, góp phần không nhỏ vào công tác đào tạo và nghiên cứu của Học viện. Định kỳ, các đơn vị đều có báo cáo tổng kết đánh giá năng lực và tinh thần trách nhiệm công tác của tập thể và cá nhân trong trường [05.04.06]. Kết quả cho thấy 100% cán bộ từ Học viện, khoa, phòng, ban và tương đương đều hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hầu hết cán bộ quản lý của Học viện có phẩm chất chính trị tốt, có năng lực chuyên môn. Vì vậy, tỉ lệ các đơn vị và cá nhân hàng quý, hàng năm được

tặng thưởng giấy khen, bằng khen khá cao [05.04.07-09]. Trong khi đó, không có các cán bộ vi phạm các qui định về quyền hạn và trách nhiệm [05.04.10-11].

Không những giỏi về chuyên môn và năng lực quản lý, đội ngũ cán bộ quản lý của Học viện còn tích cực tham gia vào việc xây dựng môi trường làm việc dân chủ. Qui chế dân chủ được triển khai rộng khắp các đơn vị trong nhà trường [05.04.04]. Đội ngũ cán bộ quản lý luôn đi đầu trong việc thực hiện nghiêm túc các qui định cụ thể của Qui chế dân chủ cơ sở [05.04.05].

2. Đánh giá điểm mạnh:

- Học viện có hệ thống văn bản quy định từng tiêu chuẩn chức danh của đội ngũ cán bộ quản lý.
- Đội ngũ cán bộ quản lý thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở và làm việc có hiệu quả.
- Đội ngũ cán bộ quản lý thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.
- Về cơ bản, đội ngũ cán bộ quản lý là lực lượng trẻ, tinh thần trách nhiệm rất cao.

3. Những tồn tại:

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường, cụ thể là còn một số vị trí Trưởng khoa chưa đáp ứng yêu cầu về học hàm, học vị.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Hàng năm, cần rà soát công tác quy hoạch cán bộ nguồn đi đào tạo, để đạt học vị theo quy định hoặc đào tạo bồi dưỡng kỹ năng quản lý cho các cán bộ có trình độ Tiến sĩ để tiến hành bổ nhiệm khi cần thiết.
- Thực hiện tổng kết đóng góp ý kiến của cán bộ, giảng viên và nhân viên về năng lực, hiệu quả, sự phù hợp, tinh thần trách nhiệm, sự thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của cá nhân lãnh đạo với vị trí công tác đang đảm trách.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.5:

Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình giáo dục và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/ giảng viên.

1. Mô tả (Còn chung chung chưa cụ thể: số lượng cụ thể về giáo viên độ tuổi, học hàm học vị số lượng bao nhiêu, số lượng tham gia nghiên cứu khoa học các cấp đề tài)

Đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, có cơ cấu hợp lý cả về giới tính, thâm niên, trình độ chuyên môn theo ngành, chuyên ngành là một yếu tố nguồn lực quan trọng để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trong những năm qua, nhà trường cố gắng đảm bảo cân đối giữa số lượng, chất lượng giảng viên và quy mô đào tạo [05.05.01-02], [05.05.06], [05.05.08]

Bình quân hàng năm trong 5 năm trở lại đây, trường đã đào tạo được 350 sinh viên hệ chính qui/1 năm; 150 sinh viên tại chức/ 1 năm, 100 học sinh trung học/1 năm, 50 - 60 sinh viên cao học/1 năm. Cũng theo thống kê, hiện nay trường có 158 giảng viên cơ hữu giảng dạy đúng chuyên ngành, được đào tạo có trình độ chuyên môn cao, giỏi ngoại ngữ, biết sử dụng tin học. Tỷ lệ sinh viên chính qui trên 1 giảng viên được tính toán là 15,78, đảm bảo đúng tỷ lệ người học/1 giảng viên theo qui định chung

2. Đánh giá điểm mạnh

Học viện có đội ngũ giáo viên giỏi về chuyên môn, được đào tạo hầu hết ở các cơ sở nước ngoài có danh tiếng.

Về cơ bản đạt tỷ lệ trung bình giữa sinh viên/giảng viên theo Quy định của Bộ Giáo dục – Đào tạo.

3. Những tồn tại:

Số lượng cán bộ giảng dạy cơ hữu và thỉnh giảng mặc dù có số lượng khá nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ quy mô của trường.

4. Kế hoạch khắc phục:

Theo kế hoạch chiến lược của trường, cần bổ sung thêm (thông qua hình thức tuyển dụng) số lượng giảng viên và dự kiến đạt trên 300 cán bộ giảng dạy đến năm 2015, để phù hợp với quy mô đào tạo của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.6:

Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định. Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về phục vụ đào tạo, yêu cầu nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả: (*thêm về độ tuổi các nhóm, giới tính, và tham gia nghiên cứu khoa học: đề tài các cấp, số bài báo...*)

Học viện Ngoại giao là trường đại học đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực đối ngoại và quốc tế. Mục tiêu chung là trở thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, có uy tín trong khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học và tư vấn phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập ngày càng sâu rộng vào đời sống quốc tế.

Để duy trì và đạt được mục tiêu trên, Học viện Ngoại giao không ngừng tăng cường đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng. Hầu hết các giảng viên, cán bộ của Học viện đều được đào tạo ở các cơ sở đào tạo nước ngoài như Anh, Pháp, Mỹ, Nga, Nhật.... Kết quả thống kê về chức danh, trình độ, trình độ ngoại ngữ, tin học và thâm niên của đội ngũ giảng dạy [05.06.01]:

- Đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ tiến sĩ trở lên đạt tỷ lệ 17,8%. Cụ thể 28 GV có trình độ tiến sĩ, 158 giảng viên.
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ thạc sĩ đạt tỷ lệ 41,7%. Cụ thể: GV có trình độ Thạc sĩ 66/158 giảng viên.
- Trong tổng số 158 GV của Học viện, có 04 là giảng viên chính [MC].
- Tỷ lệ giảng viên thành thạo ngoại ngữ so với tổng số giảng viên trong trường là 80%, tỷ lệ này được tính theo bằng cấp về ngoại ngữ của giảng viên. [MC]

Học viện cũng tiến hành khảo sát về khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học thực tế của đội ngũ giảng viên.

- Tỷ lệ giảng viên thành thạo tin học văn phòng so với tổng số giảng viên trong Học viện là 80%.[MC]

- Tỷ lệ giảng viên thành thạo phần mềm chuyên dụng dùng trong công việc dạy học so với tổng số giảng viên trong Học viện là 80%[MC].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ giáo viên về cơ bản đủ về số lượng và đặc biệt được đào tạo ở các cơ sở đào tạo có uy tín trên thế giới như Mỹ, Anh, Pháp, Nga, Nhật, Úc...
Đội ngũ này đảm nhiệm các nhiệm vụ giảng dạy theo đúng chuyên môn.

3. Những tồn tại:

- Hiện tại, Học viện chưa có giảng viên có chức danh giáo sư.
- Đội ngũ giảng viên có chức danh, trình độ cao còn ít.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ giảng dạy đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.7:

Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá theo quy định.

1. Mô tả: (việc đào tạo giảng viên trẻ, số liệu bằng cấp, sự quan tâm của lãnh đạo đối với đội ngũ này để tăng cường về chất lượng đối với giáo viên trẻ)

Đội ngũ giảng viên của Học viện ngày càng được trẻ hoá. Qua thống kê tuổi đời và thâm niên công tác của giảng viên [05.07.01, TC 05.07.02, TC 05.07.03] cho thấy:

- Bình quân thâm niên công tác của giảng viên là 17 năm;
- Tỷ lệ đội ngũ cán bộ giảng dạy có độ tuổi dưới 35 trên tổng số CBVC là 60%
- Tỷ lệ đội ngũ cán bộ giảng dạy có độ tuổi dưới 35 trên tổng số giảng viên là 40%. Điều này cho thấy Học viện chú trọng phát triển đội ngũ kế cận, nhằm đảm bảo cho sự phát triển lâu dài của Học viện

2. Đánh giá điểm mạnh: (giáo viên trẻ được đào tạo bài bản từ nhiều nước trên thế giới đáp ứng về chuyên môn, Học viện chú trọng xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ để chuẩn bị cho tương lai)

Tỷ lệ cán bộ giảng dạy trẻ có năng lực và học vị của Học viện cao

3. Những tồn tại:

- Giảng viên trẻ cần nhiều thời gian để nghiên cứu, tích lũy kiến thức nâng cao chuyên môn do vậy ảnh hưởng tới hoạt động giảng dạy. Một số giảng viên trẻ, có trình độ chuyên môn tốt nhưng gắn kết với nhà trường chưa cao, nhiều giảng viên sau khi được đi đào tạo xin chuyển công tác.

- Sự biến động đội ngũ giảng viên do đặc thù là cơ quan trực thuộc Bộ Ngoại giao nên đi công tác nhiệm kỳ ở nước ngoài.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Tiếp tục phát triển, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ giảng dạy, đặc biệt là đội ngũ cán bộ trẻ.

- Tiến hành kiểm tra, đánh giá lại thực trạng cán bộ giảng dạy về tất cả các mặt: số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề. Trên cơ sở đó, có biện pháp khắc phục kịp thời những vướng mắc trong đội ngũ cán bộ giảng dạy. Phát hiện những điểm mạnh, điểm yếu của từng cán bộ giảng dạy để phát huy năng lực của họ.

- Xây dựng kế hoạch đội ngũ kế cận, đội ngũ dự bị trong trường hợp các cán bộ, giảng viên đi công tác nhiệm kỳ và/hoặc đào tạo ở nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.8:

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả:

Học viện Ngoại giao có đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có đủ trình độ hỗ trợ cho các cán bộ quản lý, giảng viên và người học sử dụng các trang thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học, đáp ứng được yêu cầu hiện nay của nhà trường. Cụ thể:

- Học viện có 02 kỹ thuật viên có nhiệm vụ sửa chữa, bảo trì các thiết bị âm, thanh, ánh sáng, điện, máy lạnh, ... cho các phòng học, các phòng thí nghiệm và xưởng thực tập [05.08.01].

- Học viện còn có 1 kỹ sư quản trị mạng máy tính và hệ thống điện thoại nội bộ. 100% các phòng làm việc của giảng viên, cán bộ nghiên cứu được trang bị máy tính, kết nối Internet đường truyền tốc độ cao [05.08.01], [05.08.03]

- Học viện có 01 phòng máy kết nối Internet phục vụ người học truy cập thông tin và học tập, có 1 người hướng dẫn. Tại phòng máy có 1 chuyên viên chịu trách nhiệm bảo trì phòng máy và hướng dẫn người học sử dụng Internet

Hàng năm, Học viện còn cử nhân viên tham gia các khoá tập huấn phục vụ tuyển sinh, phục vụ in sao đề thi, cách sử dụng các thiết bị khác phục vụ cho công việc chuyên môn [05.08.02].

2. Đánh giá điểm mạnh:

100% đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên kỹ thuật của Học viện đều có trình độ chuyên môn phù hợp với công việc.

3. Những tồn tại:

Số lượng kỹ thuật viên, nhân viên kỹ thuật còn thiếu.

4. Kế hoạch khắc phục:

Tăng cường đội ngũ cán bộ kỹ thuật kiêm nhiệm dạy thực hành.

Có kế hoạch đầu tư cho đội ngũ kỹ thuật viên tham gia các lớp nghiệp vụ để đáp ứng sự đổi mới và phát triển của Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận tiêu chuẩn:

Học viện có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên, qui hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường; có qui trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch. Học viện tạo môi trường dân

chủ đề các cán bộ viên chức tham gia góp ý kiến rộng rãi đối với các chủ trương, kế hoạch của trường. Các đơn vị và thanh tra nhân dân làm việc có hiệu quả, giải quyết kịp thời các thắc mắc và ý kiến của CBVC và sinh viên tạo thế ổn định cho nhà trường phát triển. Học viện có chính sách và biện pháp khuyến khích, hỗ trợ về tài chính, tạo điều kiện cho cán bộ viên chức tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm công tác chuyên môn và được trẻ hoá.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 8/8

TIÊU CHUẨN 6: NGƯỜI HỌC

Mở đầu.

Học viện có nhiều biện pháp cụ thể để làm tốt công tác đối với người học, nhằm đảm bảo quyền lợi, thúc đẩy, tạo điều kiện cho người học tu dưỡng, rèn luyện và đạt kết quả cao nhất trong học tập.

Tiêu chí 6.1:

Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả:

Việc người học nắm vững chương trình, mục tiêu đào tạo và các yêu cầu đánh giá là một phần quan trọng trong quá trình đảm bảo chất lượng đào tạo mỗi năm. Chính vì vậy, mỗi người học đều được cung cấp thông tin về chương trình đào tạo của Học viện, bao gồm có các văn bản về kế hoạch đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện thi và kiểm tra và các văn bản liên quan khác như: các loại mẫu đơn, các quy chế rèn luyện... Để người học *hiểu rõ về mục tiêu* đào tạo, *chương trình* đào tạo và các yêu cầu *kiểm tra đánh giá* tiến tới *thực hiện tốt quy chế* đào tạo, Học viện tổ chức tuần sinh hoạt đầu khoá để phổ biến cho tất cả người học. Cụ thể, các văn bản công bố trong tuần sinh hoạt đầu khoá học bao gồm: Kế hoạch phát triển quy mô đào tạo; thống kê cơ sở vật chất kỹ thuật; thống kê số giáo viên [06.01.01]; Văn bản về chương trình đào tạo gồm: chương trình đào tạo tiếng Pháp Quan hệ Quốc tế; chương trình đào tạo Tiếng Anh QHQT; chương trình đào tạo Cao đẳng QHQT; chương trình đào tạo cử nhân QHQT hệ chính quy; bảng tổng hợp các chương trình cử nhân QHQT, Luật QT, Kinh tế QT, Ngoại ngữ QHQT; quy định đối với sinh viên đại học hệ chính quy [06.01.02]. Ngoài ra, nhà trường cũng phổ biến cho người học các văn bản hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm: Quyết định ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy; quy chế học sinh sinh viên các trường đại học cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy (QĐ 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007); Quyết định của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT

về việc ban hành quy chế kiểm tra, thi, xét lên lớp và công nhận tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hệ chính quy [06.01.03]. Các yêu cầu chung về kiểm tra, đánh giá [06.01.11]; quy định riêng của từng môn học về kiểm tra, đánh giá [06.01.12].

Học viện đã xây dựng website với các nội dung như: Mục tiêu đào tạo, kế hoạch đào tạo của Học viện; các loại mẫu đơn, các quy chế về tổ chức đào tạo để người học có thể vào tìm hiểu thêm.

Bên cạnh đó, các khoa chuyên môn cũng tiến hành giới thiệu chương trình, đội ngũ giảng viên, phương pháp học tập tổng thể và các thông tin cần thiết, cơ bản liên quan đến hoạt động học tập và nghiên cứu của sinh viên chuyên khoa. Cụ thể, các hoạt động này trở thành hoạt động định kỳ vào đầu năm học của các Khoa Chính trị Quốc tế & Ngoại giao, Kinh tế Quốc tế và Luật Quốc tế. Một số khoa, bộ môn còn tiến hành giải đáp thắc mắc của sinh viên vào cuối khoá học, đối với những vấn đề liên quan đến chương trình môn học cụ thể và các vấn đề về thi cử, kiểm tra. [06.01.14]

Ngoài việc giới thiệu chương trình tổng thể, sinh viên còn được phổ biến đề cương chi tiết của môn học vào trước và trong buổi học đầu tiên của môn học đó. Thông thường, chương trình môn học cụ thể và đề cương môn học được gửi trước cho sinh viên ít nhất 2 tuần trước khi môn học bắt đầu. Tận dụng lợi thế của khoa học công nghệ và internet, các giảng viên đều thành lập những nhóm email để liên lạc với sinh viên. Việc này đã tạo điều kiện cho quá trình thông tin giữa giảng viên và sinh viên được thông suốt, nhanh chóng, kịp thời. Ngoài ra trước mỗi kỳ thi tuyển sinh, trường còn in cuốn thông tin tuyển sinh để phổ biến cho thí sinh thi tuyển vào Học viện. Nội dung của cuốn sách rất phong phú, gồm những thông tin cơ bản về số lượng tuyển sinh, mục tiêu đào tạo các ngành.[06.01.10; 06.01.04]

2. Đánh giá điểm mạnh: (*chưa phản ánh đúng*)

Học viện có nhiều hình thức phổ biến về mục tiêu đào tạo, các qui định và qui chế giảng dạy, học tập, thi, kiểm tra đánh giá, xét tốt nghiệp như qua thông báo của Phòng đào tạo, tổ chức các hội thảo trao đổi kinh nghiệm học tập, giải đáp thắc mắc của sinh viên. Bên cạnh đó, từ đội ngũ lãnh đạo đến giảng viên của

từng khoa, bộ môn đều nhận thức được tầm quan trọng của việc phổ biến cho người học về chương trình, mục tiêu đào tạo cũng như tất cả các thông tin cơ bản, cần thiết khác liên quan đến việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

3. Những tồn tại: (*chưa phù hợp với nội dung tiêu chí*)

- Việc phổ biến mục tiêu, điều kiện thi kiểm tra đánh giá môn học chưa đồng đều ở các giáo viên đặc biệt là ở khối giáo viên thỉnh giảng.

4. Kế hoạch khắc phục:

Thường xuyên tiến hành khảo sát sinh viên về mức độ hiểu rõ mục tiêu đào tạo, các yêu cầu thi và kiểm tra của từng môn, từ đó thực hiện các biện pháp kịp thời để luôn đảm bảo sinh viên được hướng dẫn đầy đủ về các vấn đề đó.

Ban hành qui định cụ thể về việc sử dụng các Đề cương chi tiết đến giáo viên và sinh viên.

Giao cho Phòng Công tác Chính trị - Quản lý học sinh sinh viên, hàng tháng phải thông báo những vấn đề liên quan đến học tập và đánh giá kết quả học tập mới phát sinh, thời gian áp dụng trên bản tin nội bộ và website của Học viện.

6. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.2:

Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường.

1. Mô tả:

Ngay từ khi người học trúng tuyển, nhập học, Học viện đã thu nhận hồ sơ, phân loại các đối tượng được ưu tiên trong đào tạo, phổ biến các chế độ chính sách mà từng đối tượng được hưởng. Hàng năm, Học viện ra quyết định công bố công khai danh sách người học hưởng chế độ CSXH [06.02.03]. Chế độ *chính sách xã hội* đối với người học được Học viện cập nhật thường xuyên [06.02.02].

Bên cạnh đó, Học viện cũng ban hành văn bản về chủ trương, quy định và nhân sự chịu trách nhiệm triển khai thực hiện chế độ chính sách xã hội [06.02.04]. Đặc biệt, năm 2007, việc thành lập phòng CTCT & QLSV đã tạo điều kiện cho việc nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách xã hội cho người học. Như vậy,

hiện nay, phòng Đào tạo và phòng CTCT & QLSV là hai đơn vị cơ bản chịu trách nhiệm thực hiện các CSXH liên quan đến người học.

Để minh bạch hoá và công khai những đối tượng hưởng CSXH, hàng năm Học viện đều xét duyệt, phân loại và ra quyết định danh sách người học được hưởng chế độ chính sách [06.02.03]. Danh sách này được công bố công khai đến từng khoá, từng lớp, từng cá nhân. Định kỳ, Học viện cũng tiến hành sơ kết/tổng kết về hoạt động thực hiện chính sách xã hội đồng thời đề xuất những biện pháp cải tiến hoạt động [06.02.13].

Chăm sóc sức khoẻ cho người học là một công tác rất được nhà trường chú trọng. Phòng Y tế của Học viện chịu trách nhiệm chăm sóc sức khoẻ cho người học [06.02.05]. Vào đầu mỗi khoá học mới, phòng y tế tiến hành khám sức khoẻ tổng thể cho toàn bộ học sinh, sinh viên. Trong trường hợp có dịch bệnh, phòng y tế kết hợp với Trung tâm y tế dự phòng quận, thành phố tiến hành một số biện pháp nhằm ngăn chặn và đẩy lùi dịch bệnh như tổng vệ sinh khu ký túc xá, học đường, tiêm vắc xin, tuyên truyền về dịch bệnh đến người học..... Hàng năm, người học đều tham gia đóng bảo hiểm y tế

Công tác đảm bảo an ninh cho người học được quán triệt một cách triệt để. Học viện bố trí 2 lực lượng bảo vệ: một lực lượng bảo vệ khu ký túc xá của người học; một lực lượng bảo vệ khu giảng đường và văn phòng làm việc của Học viện [06.02.10].

Hàng năm, đội bảo vệ Học viện đều có báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh cho cơ sở vật chất, cán bộ và người học [06.02.11]. Bên cạnh đó, Học viện cũng thành lập Ban chỉ huy PCCC và Đội PCCC. Đội phòng cháy chữa cháy có sự tham gia của các cán bộ, giảng viên Học viện và học sinh, sinh viên.

Để đảm bảo hiệu quả cao nhất đối với công tác bảo vệ an ninh ký túc xá, Học viện đã tận dụng lực lượng người học trong công tác bảo vệ tại chỗ. Chính vì vậy, đội thanh niên tự quản ký túc xá đã được thành lập và hoạt động khá hiệu quả trong việc hỗ trợ lực lượng bảo vệ đảm bảo an ninh trật tự [06.02.16]. Ngoài ra, việc tuyên truyền cho người học về các tệ nạn xã hội, về an toàn giao thông

cũng được quán triệt mạnh mẽ. Công tác này được thực hiện một cách đồng bộ trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa Phòng CTCT & QLSV, lực lượng bảo vệ, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, lực lượng tự quản KTX.

Học viện thường xuyên tổ chức các hoạt động *văn nghệ, thể dục thể thao* cho người học [06.02.06]. Các hoạt động này chủ yếu do Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên chủ trì và được tiến hành thường xuyên, định kỳ vào các dịp như kỷ niệm của Đoàn Hội. Bên cạnh đó, hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao cũng được tổ chức trong các buổi giao lưu với học sinh, sinh viên các đơn vị đào tạo khác [06.02.08- 09]. Bên cạnh các hoạt động văn, thể, mỹ trong khuôn khổ nhà trường, việc tham gia các hoạt động phong trào của Đoàn Bộ Ngoại giao (cơ quan chủ quản), Bộ Giáo dục & Đào tạo, Thành đoàn Thành phố Hà Nội,... nhà trường đã đạt nhiều giải thưởng lớn [06.02.17].

Nhìn chung, các *biện pháp* hỗ trợ người học được Học viện thực hiện một cách *hiệu quả*, việc này thể hiện qua số lượng người học được hưởng các chế độ chính sách xã hội tăng theo năm, số lượng người học tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao tăng theo năm, nhân sự của Đội bảo vệ được tăng cường.

Học viện cũng định kỳ tổ chức thu nhập ý kiến đánh giá của người học về các hoạt động thực hiện chính sách xã hội, hoạt động văn nghệ, thể thao cũng như các hoạt động đảm bảo an ninh trật tự cho người học. Các ý kiến này góp phần rất quan trọng trong việc điều chỉnh chính sách, hoạt động của Học viện ngày càng phù hợp với nguyện vọng của người học.

2. Đánh giá điểm mạnh:

Học viện luôn thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách xã hội liên quan đến người học. Bên cạnh đó, các đơn vị chuyên trách thực hiện các chính sách xã hội và các hoạt động liên quan đến người học luôn quán triệt tầm quan trọng và ý nghĩa của việc thực hiện các hoạt động này. Chính vì vậy, các chính sách xã hội được thực hiện rất hiệu quả trong nhà trường. Học viện Ngoại giao là một trong những cơ sở đi đầu trong các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao. Các hoạt động này luôn thu hút được đông đảo người học tham gia.

3. Những hạn chế:

Do diện tích sử dụng trong nhà trường hạn chế nên các hoạt động thể thao, rèn luyện sức khoẻ chỉ có thể tổ chức ở qui mô nhỏ.

4. Kế hoạch khắc phục:

Tiếp tục thực hiện hiệu quả hoạt động phổ biến chính sách xã hội cho người học, các hoạt động thể dục thể thao, chăm sóc sức khoẻ cho người học.

Năm học 2008-2009 chủ động khai thác học bổng của các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước để khuyến khích, hỗ trợ cho sinh viên hoặc gửi sinh viên đi du học.

Năm học 2008-2009 có kế hoạch đi kiểm tra một số tỉnh có nhiều sinh viên hộ nghèo để thực hiện chế độ, chính sách đúng đối tượng, tránh hiện tượng người nghèo không được hưởng chính sách ưu tiên.

Năm học 2008-2009 tổ chức các cuộc thi thể thao, rèn luyện sức khoẻ với các trường đại học khác để tận dụng cơ sở vật chất của các trường này.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.3:

Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.

1. Mô tả:

Với đặc thù là đơn vị đào tạo về QHQT, về đường lối chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, Học viện rất chú trọng công tác rèn luyện chính trị tư tưởng đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên. Học viện có báo chí, tài liệu phục vụ công tác giáo dục, chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu và rèn luyện của người học [06.03.02-03], [06.03.06]. Các tài liệu này được cung cấp cho người học thông qua nhiều hình thức khác nhau như dán trên các bảng tin, cung cấp trong thư viện, phổ biến trên website của Học viện, phổ biến trực tiếp cho người học,... Hàng năm Học viện đều tiến hành đánh giá điểm rèn luyện sinh viên [06.03.11].

Với thế mạnh về đội ngũ giảng viên, Học viện rất chú trọng việc tổ chức định kỳ các buổi nói chuyện ngoại khoá về tình hình thời sự, kinh tế, chính trị, xã hội ở trong nước và trên thế giới cho người học [06.03.09]. Các hoạt động này

được xây dựng trong các chương trình, kế hoạch công tác của Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, Phòng CTCT & QLSV [06.03.08]. Bên cạnh đó, các khoa chuyên ngành cũng tổ chức định kỳ các buổi hoạt động ngoại khoá nói chuyện về tình hình thời sự trong và ngoài nước cho sinh viên, ví dụ như tổ chức buổi nói chuyện của Đại diện Đại sứ quán Mỹ về bầu cử tổng thống với sinh viên [06.03.09]. Điểm đặc biệt trong công tác này là Học viện có khả năng mời các học giả uy tín nước ngoài đến nói chuyện. Đây là một hoạt động hết sức bổ ích cả về chuyên môn lẫn công tác rèn luyện tư tưởng, lập trường chính trị cho người học.

Học viện đã đề ra nhiều biện pháp để khuyến khích người học tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống của người học như: tuyên truyền lối sống văn minh, học tập theo tấm gương Hồ Chí Minh, phòng chống ma túy, tội phạm, HIV [06.03.06]; Tổ chức các phong trào hoạt động từ thiện, công ích xã hội [06.03.10], [06.03.12].

Nhìn chung, Học viện đã thực hiện rất tốt công tác rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống cho người học. Nhà trường định kỳ đều tổ chức phổ biến quy chế rèn luyện cho người học [06.03.02]. Các hình thức phổ biến cũng phong phú khiến người học dễ dàng lĩnh hội được nội dung. Chính vì vậy, tỷ lệ người học tham gia vào các hoạt động này khá cao [06.03.11], [06.03.13]. Ví dụ, trên 80% sinh viên tham gia các buổi sinh hoạt chính trị đầu năm học (thống kê theo tỷ lệ sinh viên có mặt trong tuần lễ sinh viên đầu năm). Định kỳ Học viện có báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác học sinh, sinh viên. Trong các báo cáo này, nội dung thực hiện quy chế rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống lành mạnh được đảm bảo nghiêm túc.

2. Đánh giá điểm mạnh:

- Hàng năm Học viện đều tiến hành đánh giá quy chế rèn luyện sinh viên,
- Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khoá cho người học.

3. Những hạn chế:

Cơ cấu điểm đánh giá rèn luyện chưa thật hợp lý

Kết quả rèn luyện còn có sự chênh lệch giữa các đơn vị quản lý sinh viên.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Nâng số buổi nói chuyện ngoại khóa về tình hình thời sự, kinh tế, chính trị xã hội trong và ngoài nước lên 2 tháng/lần. Thực hiện từ năm học 2007-2008.
- Định kỳ chiếu phim phục vụ sinh viên: 2 tháng/lần; biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp phục vụ sinh viên: 1 Quý/lần. Thực hiện từ năm học 2007-2008.
- Tổ chức hội nghị toàn Học viện đánh giá nội dung, hình thức và biện pháp thực hiện việc đánh giá.
- Tiến hành phỏng vấn định kỳ cán bộ phong/ban công tác HSSV và người học về nội dung, hình thức và biện pháp thực hiện việc đánh giá.
- Năm học 2008-2009 ban hành qui chế thống nhất về đánh giá rèn luyện của sinh viên

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.4:

Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

1. Mô tả:

Công tác Đảng, Đoàn thể luôn được chú trọng ở Học viện Ngoại giao. Trong những năm vừa qua, vai trò của tổ chức Đảng và Đoàn thể ngày càng khẳng định vị trí quan trọng trong hệ thống quản lý của nhà trường. Học viện có tổ chức chuyên trách Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM cấp trường [06.04.01] với bộ máy gồm 47 Chi đoàn và 1450 Đoàn viên. Bên cạnh đó, Học viện có tổ chức Hội sinh viên được thành lập từ năm 1996 đến nay. Liên tục nhiều năm liền Đoàn TNCS HCM và Hội sinh viên của Học viện nhận được Bằng khen của Trung ương Đoàn vì đã có thành tích xuất sắc trong các hoạt động của Đoàn, đặc biệt là trong các chiến dịch Thanh niên, học sinh, sinh viên tình nguyện hè. Trên thực tế, Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên thường xuyên tổ chức nhiều phong trào thi đua gắn với học tập, nghiên cứu khoa học, các cuộc thi văn nghệ, thể dục thể thao, sinh hoạt các câu lạc bộ sở thích [06.04.03] . Các hoạt động này thu hút đông đảo lực lượng học sinh, sinh viên nhà trường tham gia, tránh các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng không tốt đến bản thân sinh viên. Để nắm bắt được tư tưởng và nhu cầu của Đoàn viên, sinh viên, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên trường có tổ chức thăm

dò dư luận sinh viên, đồng thời tổ chức các diễn đàn hoặc tham luận tại các Hội nghị, Đại hội về nội dung, hình thức, và biện pháp tổ chức hoạt động Đoàn, Hội. Những ý kiến này góp phần tích cực trong việc điều chỉnh hoạt động của Đoàn, Hội nhằm đáp ứng một cách hiệu quả nhất nhu cầu và nguyện vọng của sinh viên [06.04.16], [06.04.09].

Học viện chú dành một khoản kinh phí khá lớn cho hoạt động hàng năm của Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên [06.04.05].

Đảng bộ Học viện có những hỗ trợ và chỉ đạo cho hoạt động đoàn thể của trường nhằm phát triển, định hướng phong trào đoàn và chú trọng việc người học phấn đấu vào Đảng [06.04.06]. Học viện còn tổ chức sinh hoạt chính trị, tổ chức lớp nhận thức về Đảng cho sinh viên [06.04.07-08]. Hàng năm đều có sinh viên Học viện được kết nạp vào Đảng [06.04.07]

Công tác Đảng, đoàn thể trong trường có tác dụng tốt đối với việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống của người học thể hiện qua các số liệu trong bảng thống kê [06.04.010-13], [06.04.16].

2. Đánh giá điểm mạnh:

- Công tác Đảng, Đoàn thể được lãnh đạo nhà trường quan tâm sát sao.
- Công tác Đảng, Đoàn thể của trường được thực hiện một cách nghiêm túc, thường xuyên hiệu quả và có tác dụng sâu rộng đối với người học.

3. Những tồn tại:

Tỷ lệ người học được tham gia lớp nhận thức về Đảng và được kết nạp Đảng chưa cao so với số lượng sinh viên, Đoàn viên của trường. Bên cạnh đó, số lượng sinh viên được kết nạp Đảng so với quy mô của trường hàng năm là thấp. Một số cơ sở Đoàn, cán bộ Đoàn chưa quan tâm thỏa đáng đến mảng công tác này, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quy trình xét giới thiệu Đoàn viên ưu tú vào Đảng.

Học viện không có cán bộ Đoàn chuyên trách. 100% cán bộ Đoàn vừa làm công tác chuyên môn vừa kiêm nhiệm công tác Đoàn.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Tổ chức thêm nhiều lớp nhận thức về Đảng hàng năm (Mỗi học kỳ 1 lớp).

- Đẩy mạnh công tác phát triển Đảng trong sinh viên.
- Tổ chức thêm nhiều các hoạt động phong phú và linh hoạt để tuyên truyền, giáo dục, nâng cao tỷ lệ người học tham gia rèn luyện đạo đức lối sống, thực hiện quy chế rèn luyện.
- Cải tiến công việc chuyên môn cho các cán bộ Đoàn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.5:

Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

1. Mô tả:

Học viện luôn quan tâm đến việc hỗ trợ học tập cho người học. Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ hoạt động học tập được đầu tư như: Ký túc xá, sân bóng... được sử dụng rất thường xuyên, liên tục và đạt hiệu quả cao. Đây là những địa chỉ gần gũi với người học. Trường cũng có các *cơ sở* hoạt động *văn hóa, văn nghệ* cụ thể là Hội trường A với hệ thống âm thanh ánh sáng để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, nghệ thuật trong khuôn viên Học viện cho người học hoàn toàn miễn phí, [06.05.01] , [06.05.10-11].

Nhà trường trang bị đầy đủ hệ thống điện nước, vệ sinh khép kín cho ký túc xá. Khi có sự cố, cán bộ kỹ thuật kịp thời xử lý. Các phòng ở với diện tích gần 30m² nhìn chung khá thoáng mát. Trong khu vực ký túc xá, có phòng sinh hoạt chung với diện tích gần 100 m² đảm bảo cho các hoạt động tập thể của sinh viên. Ngoài ra, học viện cũng bố trí một số phòng tự học để sinh viên có thể học tập vào buổi tối. Hệ thống loa, đài phát thanh được trang bị đầy đủ với chất lượng cao [06.05.01].

Nhà trường có sân vận động, khu vui chơi, nhà thi đấu thể thao trong khuôn viên trường giúp cho người học thuận lợi trong việc tham gia các hoạt động TDTT, rèn luyện sức khỏe [06.05.02]

Học viện cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về nhà ở, phương tiện sinh hoạt thể hiện qua việc có Ký túc xá cho sinh viên. Học viện có hoạt động hỗ trợ sinh viên

vay tín dụng của ngân hàng [06.05.04]; tổ chức các hoạt động ngoại khoá cho người học [06.05.06-07]; có nhà ăn, căn tin để phục vụ cho người học [06.05.05].
Căng tin của trường phục vụ đông đảo sinh viên với chất lượng đảm bảo về giá cả, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Thư viện của trường mở có khối lượng đầu sách khổng lồ, phong phú về chủng loại.

Nhà trường cũng định kỳ tổ chức khảo sát ý kiến người học về các hoạt động hỗ trợ nhằm liên tục nâng cao chất lượng các dịch vụ và cơ sở vật chất phục vụ cho người học [06.05.12-13].

2. Đánh giá điểm mạnh:

- Hoạt động hỗ trợ cho công tác học tập và nghiên cứu được lãnh đạo Học viện quan tâm và chỉ đạo sát sao.

- Các dịch vụ Học viện cung cấp cho người học có tác dụng tốt đối với người học.

- Định kỳ đều tổ chức đánh giá nhằm sửa chữa, nâng cấp kịp thời cơ sở vật chất và điều chỉnh chất lượng dịch vụ phục vụ người học.

3. Những tồn tại:

- Hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học như tìm phòng trọ, tìm việc làm thêm chưa đáp ứng đủ nhu cầu của người học.

- Hệ thống cơ sở vật chất dành cho các hoạt động thể thao còn chưa tương xứng với quy mô người học (chỉ có 1 sân bóng đá mini chủ yếu dành cho giáo dục thể chất).

- Diện tích phòng đọc tại thư viện dành cho bạn đọc còn hạn chế. Việc thư viện không mở cửa vào buổi tối gây ra một số khó khăn cho người học trong quá trình học tập và nghiên cứu.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Đầu tư hệ thống âm thanh, ánh sáng chuyên nghiệp hiện đại để tổ chức các hoạt văn hóa, văn nghệ, nghệ thuật trong khuôn viên Học viện cho người học

- Tăng cường đầu tư và đẩy mạnh các hoạt động tư vấn hỗ trợ sinh viên.

- Sắp xếp bố trí lại phòng đọc thư viện để nâng cao hiệu suất sử dụng phòng.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.6:

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.

1. Mô tả:

Học viện đã có những biện pháp nhằm giúp người học hiểu biết một cách đúng đắn về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Học viện đã tổ chức nhiều hoạt động có ảnh hưởng trực tiếp tới người học. Đầu năm học, trường tổ chức tuần sinh hoạt đầu khoá, có nội dung nói về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước [06.06.02]. Trong năm học, Học viện cũng tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, các buổi nói chuyện về Đảng và Nhà nước, Tổ chức các cuộc thi Tìm hiểu về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; tìm hiểu 60 năm nước Cộng hoà XHCN Việt Nam [06.06.03]. Trong năm 2007, Đoàn Thanh niên Học viện phối hợp với Đoàn Khối các cơ quan Trung ương tổ chức cuộc thi “Ngày hội Tuổi trẻ với an toàn giao thông” [06.06.03]. Học viện cũng tiến hành tổ chức các buổi nói chuyện về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; phổ biến các quy định về phòng chống ma túy, tội phạm, và các tệ nạn xã hội khác.

Trong các chương trình sinh hoạt chính trị đầu khoá, người học được nghe giảng và phải viết bài thu hoạch. Bài thu hoạch sau đó được chấm điểm; các bài đạt sẽ được cấp chứng chỉ, không đạt phải học lại [06.06.0]. Các giáo viên lên lớp và giảng bài theo các nội dung và kế hoạch cụ thể của nhà trường. Các tài liệu có liên quan được cung cấp trực tiếp đến các lớp thông qua các cán bộ lớp, tổ chức Đoàn, Hội. Các hình thức sinh hoạt Đoàn, Lớp phát thanh tuyên truyền tại khu vực ký túc xá được tiến hành thường xuyên. Học viện có kế hoạch định kỳ cho các Lớp, Chi đoàn tổ chức sinh hoạt tập thể bao gồm nhiều nội dung trong đó có tuyên truyền tới người học về chủ trương, chính sách pháp luật hiện hành.

Nhìn chung, trong thời gian học tập, sinh hoạt tại trường, người học đã được hiểu biết về luật pháp, nắm vững và có ý thức chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, tham gia các cuộc thi tìm hiểu về

các hoạt động tuyên truyền. Tỷ lệ sinh viên tham gia các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật, về Đảng và Nhà nước khá cao [06.06.02-03]. Tỷ lệ sinh viên vi phạm những quy định về pháp luật rất nhỏ [06.06.10-12]. Ngoài ra, nhà trường cũng kịp thời động viên, khen thưởng các đơn vị, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong các công tác tuyên truyền và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước [06.06.15-16]

2. Đánh giá điểm mạnh:

- Công tác tuyên truyền về đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước và tìm hiểu pháp luật được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của lãnh đạo nhà trường. Trường lại có thế mạnh về giảng dạy, nghiên cứu các vấn đề này. Chính vì vậy, đây là một hoạt động được thực hiện thường xuyên, liên tục và đạt hiệu quả rất cao.

- Các buổi nói chuyện, các cuộc thi tìm hiểu về Đảng và Nhà nước của trường có tác dụng đối với hầu hết sinh viên.

3. Những tồn tại:

- Số lượng các cuộc thi tìm hiểu pháp luật do nhà trường tổ chức còn ít.
- Vẫn còn tồn tại một bộ phận người học thiếu ý thức chấp hành những quy định về pháp luật, đặc biệt những quy định về tạm trú, tạm vắng.
- Việc phối hợp với công an khu vực để quản lý bộ phận người học cư trú hoặc tạm trú ở ngoài khu vực ký túc xá ngoài giờ học còn nhiều bất cập nên chưa thường xuyên cập nhật tình hình sinh viên vi phạm pháp luật.
- Học viện chưa thực hiện các khảo sát sinh viên để tuyên dương khen thưởng các sinh viên gương mẫu chấp hành pháp luật, chấp hành chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Tăng số lượng các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật.
- Có hình thức tuyên dương khen thưởng các sinh viên gương mẫu chấp hành pháp luật, chấp hành chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước.

- Thực hiện thống kê hàng năm về tỷ lệ người học vi phạm các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần làm xác định nguyên nhân và biện pháp ngăn ngừa.

- Có kế hoạch phối hợp chặt chẽ hơn nữa với công an khu vực trong việc quản lý khai báo tạm trú, tạm vắng.

- Cập nhật những việc làm có liên quan đến pháp luật trên trang web, bản tin nội bộ của trường.

- Nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, khuyến khích các hoạt động, sin hoạt tập thể có liên quan đến vấn đề giáo dục pháp luật.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.7:

Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

1. Mô tả:

Với phương châm đào tạo cán bộ đối ngoại đáp ứng nhu cầu sử dụng của xã hội, nhà trường đã có những biện pháp thiết thực hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho người học. Học viện có mối quan hệ với các doanh nghiệp và các nhà tuyển dụng để tổ chức các cuộc gặp gỡ, giao lưu giữa sinh viên với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng [06.07.03]. Nhà trường cũng tổ chức mở các lớp tập huấn kỹ năng tìm việc (miễn phí) cho sinh viên [06.07.01-02], liên hệ các cơ quan, tổ chức để sinh viên đi thực tập [06.07.05]. Học viện phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức ngày hội việc làm ngay tại trường [06.07.03].

Học viện cũng tích cực khai thác học bổng của các doanh nghiệp để hỗ trợ, động viên những sinh viên có thành tích học tập xuất sắc và sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Lãnh đạo nhà trường chủ trương khuyến khích các Khoa, Bộ môn chủ động liên hệ tìm học bổng và việc làm cho sinh viên. Bên cạnh đó, Học viện cũng cam kết giới thiệu cho doanh nghiệp những sinh viên giỏi, học đúng lĩnh vực mà doanh nghiệp, đơn vị cần tuyển dụng [06.07.04].

Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên là những tổ chức hỗ trợ rất đắc lực cho người học trong quá trình tìm kiếm việc làm, kể cả việc làm ngắn hạn và dài hạn.

Những hoạt động này mang lại lợi ích hỗ trợ sinh viên tự tin khi tham gia xin việc và có cơ hội tiếp cận với doanh nghiệp nên tỷ lệ sinh viên tìm kiếm được việc làm là rất lớn.

2. Đánh giá điểm mạnh:

- Có nhiều hoạt động đa dạng để hỗ trợ sinh viên tìm việc làm

3. Những tồn tại: (chưa có được những khảo sát rõ về hiệu quả của công việc hỗ trợ này, số lượng sinh viên có được việc làm từ việc hỗ trợ của Học viện)

- Số lượng SV tìm được việc làm trực tiếp từ hoạt động hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm của Học viện còn hạn chế.

- Các buổi gặp gỡ, giao lưu giữa sinh viên và doanh nghiệp/nhà tuyển dụng còn ít và không đều.

4. Kế hoạch khắc phục: (đến giờ chưa có trung tâm hỗ trợ thúc đẩy hoạt động tư vấn hướng nghiệp, nên dùng từ là bộ phận chuyên trách thì dễ lý giải hơn)

- Thành lập Trung tâm tư vấn & Hỗ trợ sinh viên và thúc đẩy hoạt động tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ sinh viên tìm việc làm một cách chuyên nghiệp và tập trung thông qua trung tâm này. Thời gian thực hiện bắt đầu từ năm học 2007-2008.

- Định kỳ tổ chức các buổi gặp gỡ, giao lưu giữa sinh viên và doanh nghiệp/nhà tuyển dụng. Thời gian thực hiện bắt đầu từ năm học 2007-2008.

5. Tự đánh giá: Chưa Đạt (cơ sở đạt hay chưa đạt vì trường khác cũng giống tình trạng của Học viện nhưng họ đánh giá là đạt) về cơ bản các hoạt động khá phong phú)

Tiêu chí 6.8:

Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.

1. Mô tả:

Đào tạo sinh viên ra trường có việc làm là mục tiêu hàng đầu của mỗi trường Đại học. Do đó, việc khảo sát thực trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp là một hoạt động rất được chú trọng. Việc làm này là nhằm nắm bắt được nhu cầu

của xã hội, đồng thời có những điều chỉnh chương trình giảng dạy phù hợp. [06.08.02] Tỷ lệ người học có việc làm cao đồng nghĩa với việc đào tạo của trường Đại học có đi đúng hướng và đạt được vị thế hay không.

Học viện đã thực hiện nhiều biện pháp để đánh giá tỉ lệ người học có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp [06.08.01]. Trên cơ sở điều tra định kỳ đã có khoảng 60-70% người tốt nghiệp có việc làm trong năm đầu tốt nghiệp [06.08.02] và theo kết quả khảo sát, có khoảng 70 – 80 % sinh viên tốt nghiệp có việc làm liên quan đến lĩnh vực được đào tạo [06.08.04].

2. Đánh giá điểm mạnh: (chưa cụ thể vì chưa điều tra rõ số liệu)

Chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy của Học viện ngày càng chú trọng áp dụng thực tiễn các kiến thức của ngành học, nâng cao trình độ ngoại ngữ nên tỷ lệ sinh viên có việc làm, tự tạo việc làm sau tốt nghiệp khá cao.

3. Những tồn tại:

Dữ liệu địa chỉ liên lạc của cựu sinh viên vẫn còn nằm rải rác ở các khoa, chưa được tập trung, nên không tiến hành khảo sát cựu sinh viên trên diện rộng được và các đợt điều tra khảo sát cựu sinh viên tiến hành không thường xuyên.

4. Kế hoạch khắc phục: (Cần giao cụ thể cho bộ phận nào làm nhiệm vụ điều tra khảo sát việc làm)

- Tiến hành xây dựng cơ sở dữ liệu về cựu sinh viên trên trang web của trường. Thời gian thực hiện bắt đầu từ năm học 2007-2008. Thành lập Ban liên lạc Cựu sinh viên.

- Định kỳ hàng năm tổ chức điều tra, khảo sát để nắm được thông tin về sinh viên sau tốt nghiệp. Thời gian thực hiện bắt đầu từ năm học 2007-2008.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.9:

Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

1. Mô tả: (Còn chung chung quá chưa cụ thể và hiệu quả của việc đánh giá như thế nào, tác dụng ra sao?)

Nhà trường đã luôn xác định việc sinh viên tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy và chất lượng đào tạo góp phần rất quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy. Công tác này được tiến hành định kì thường xuyên. Kết thúc mỗi khoá học, các khoa, bộ môn đều phát các phiếu thăm dò ý kiến và đánh giá của sinh viên về chất lượng môn học, phương pháp giảng dạy của giáo viên, giáo trình, giáo án, đề cương bài giảng và tài liệu tham khảo [06.09.01-2].

2. Đánh giá điểm mạnh:

Học viện Ngoại giao rất chú trọng việc đánh giá chương trình và chất lượng đào tạo dựa trên những ý kiến đóng góp của sinh viên. Hoạt động này được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc.

Bên cạnh đó, với lợi thế là đầu mối của nhiều kênh thông tin đối ngoại, có quan hệ quốc tế rộng lớn, Học viện Ngoại giao thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khoá liên quan đến chương trình đào tạo cho sinh viên

3. Những hạn chế: (chưa rõ)

Các hoạt động ngoại khoá chủ yếu tập trung cho sinh viên chuyên khoa

4. Kế hoạch khắc phục: (*kế hoạch khắc phục này không đúng với mục đích của tiêu chí, cần hoàn thiện thêm kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của sinh viên và sử dụng hiệu quả kế hoạch này như thế nào mới đúng?*)

Năm học 2008-2009, mời các chuyên viên của Bộ Ngoại giao và các bộ ngành, các tổ chức khác đến nói chuyện cho sinh viên năm thứ nhất, hai, ba.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận tiêu chuẩn:

Sinh viên là đối tượng trung tâm của hoạt động của nhà trường. Các hoạt động đào tạo của Học viện đều nhằm hướng tới việc nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên. Nhà trường đã tạo mọi điều kiện theo khả năng có sẵn ở từng giai đoạn phát triển để sinh viên có thể học tập và rèn luyện trong môi trường tốt nhất. Ngoài nhiệm vụ chủ yếu là học tập, Học viện còn tạo điều kiện cho

sinh viên tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, ngoại khoá nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của cuộc sống sinh viên.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 8/9.

TIÊU CHUẨN 7

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Mở đầu.

Trải qua hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, Học viện Ngoại giao luôn giữ vững vị trí là trung tâm nghiên cứu khoa học hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực quan hệ quốc tế, hoạch định chính sách và đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước, các ngành, địa phương. Học viện được biết đến không chỉ là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực về cán bộ đối ngoại có phẩm chất tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, chuyên môn giỏi cho Bộ Ngoại giao, các ban ngành, địa phương, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ,... mà còn là trung tâm nghiên cứu khoa học của Bộ Ngoại giao.

Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong nhà trường được tổ chức thực hiện trên cơ sở huy động được nguồn lực (tài chính và con người), được đánh giá bằng số lượng và chất lượng các công trình công bố hoặc ứng dụng có hiệu quả trong thực tiễn.

Tiêu chí 7.1:

Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

1. Mô tả (Nêu các hình thức hoạt động khoa học: nghiên cứu đề tài các cấp, hội thảo, viết giáo trình)

Việc xây dựng và triển khai *kế hoạch* hoạt động KH&CN của trường đã được thực hiện theo *hướng dẫn* của các cấp quản lý một cách đầy đủ. Hàng năm, trường đều *chủ động* gửi thông báo về việc xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động NCKH đến các phòng, khoa. Đây là cơ sở để trường tiến hành xây dựng bản kế hoạch chi tiết về hoạt động KH&CN cho năm tiếp theo [07.01.01-04] theo hướng dẫn, thông báo hàng năm và qui định của Bộ GD&ĐT về hoạt động KH&CN. Việc thực hiện các đề tài NCKH cũng được hướng dẫn cụ thể bằng hệ thống văn bản qui định về qui trình thực hiện

NCKH: bắt đầu từ việc đăng ký, triển khai và kết thúc bằng việc nghiệm thu đề tài [07.01.05 – 07].

Với tư cách là đơn vị quản lý toàn bộ hoạt động nghiên cứu khoa học của Bộ Ngoại giao, Học viện Ngoại giao luôn chủ động trong việc xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học trong nhà trường. Hàng năm, các khoa, phòng ban, viện nghiên cứu Học viện đã thực hiện hàng chục đề tài nghiên cứu từ cấp cơ sở đến cấp nhà nước. Các đề tài này được phân bổ trên cơ sở đăng ký của các đơn vị, sau đó Hội đồng khoa học sẽ xem xét và duyệt [07.01.05-07].

Chính vì vậy, hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà trường được thực hiện một cách rất hiệu quả. Việc nghiên cứu khoa học đã được qui định thành yêu cầu bắt buộc đối với các giáo viên, cán bộ nghiên cứu của nhà trường [07.01.05 – 07].

Về nội dung, các đề tài nghiên cứu thường phù hợp với sứ mạng nghiên cứu của Học viện, tập trung vào các vấn đề lớn, phục vụ trực tiếp yêu cầu hoạch định chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, yêu cầu nghiên cứu và giảng dạy về quan hệ quốc tế, chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, vvv.... [07.01.08 – 09]. Bên cạnh đó, công tác nghiên cứu khoa học gắn liền với từng bước xây dựng và trưởng thành của Học viện.

Từ khi thành lập Viện Nghiên cứu chiến lược Ngoại giao, đặc biệt từ lúc hoà nhập vào hệ thống nghiên cứu khoa học chung do Bộ Khoa học – Công nghệ và Môi trường quản lý, công tác nghiên cứu khoa học tại Học viện đã có bước chuyển về chất, có kinh phí cho nghiên cứu khoa học, công tác nghiên cứu được chính quy hoá. Đồng thời, các công trình nghiên cứu của Học viện ngày càng gắn bó hơn, thiết thực hơn đáp ứng yêu cầu nghiên cứu cơ bản của Bộ Ngoại giao [07.01.09] .

Công tác nghiên cứu khoa học trong cán bộ, giáo viên trẻ là một trọng tâm trong chiến lược phát triển công tác nghiên cứu của Học viện. Câu lạc bộ nghiên cứu Trẻ, với nòng cốt là các cán bộ, giảng viên dưới 35 tuổi hoạt động rất thường xuyên, liên tục.

Học viện Ngoại giao có tạp chí Nghiên cứu Quốc tế. Đây là tạp chí chuyên ngành dùng để đăng tải các bài viết, các công trình khoa học của giáo viên, cán bộ nghiên cứu, các nhà khoa học trong toàn trường và các cộng tác viên bên ngoài Học viện. Tạp chí được đánh giá là một trong những tạp chí chuyên ngành có uy tín.

Ngoài những điểm mạnh về nội dung, quy môn nghiên cứu khoa học, Học viện Ngoại giao cũng chủ động trong xây dựng văn bản qui định về qui trình thực hiện NCKH [07.01.08-09] trên cơ sở các văn bản liên quan của Bộ GD&ĐT và luật Khoa học và Công nghệ nhằm giúp các đề tài NCKH thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, và tạo điều kiện thuận lợi cho người nghiên cứu.

Học viện Ngoại giao cũng có quan hệ hợp tác nghiên cứu trao đổi rất chặt chẽ với các tổ chức quốc tế và các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước như JICA (Nhật Bản), Quỹ Châu Á (Mỹ), Ford (Mỹ)....

2. Đánh giá mặt mạnh:

- Luôn chủ động trong công tác xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động NCKH.
- Hoạt động nghiên cứu Khoa học được tiến hành hiệu quả ở tất cả các phòng ban trong Học viện.
- Có văn bản qui định, hướng dẫn qui trình thực hiện NCKH cụ thể, chi tiết.
- Có qui chế khen thưởng đối với cán bộ đạt thành tích trong NCKH.
- Có công cụ tuyên truyền, phổ biến tốt đề tài NCKH thông qua: trang web, thông qua hội thảo các khoa..., các bảng thông báo, thông qua Đoàn trường và Đoàn khoa....

3. Những tồn tại:

- Mặc dù đã có chủ trương, công tác nghiên cứu khoa học trong sinh viên vẫn chưa được đẩy mạnh.

4. Kế hoạch khắc phục

- Các khoa, hội đồng khoa học khoa, các viện, và hội đồng khoa học và đào tạo của trường cùng nhau xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động

KH&CN của trường một cách hoàn thiện, thống nhất và có tính thực tiễn hơn bắt đầu từ năm học 2006-2007.

- Ban lãnh đạo các khoa xây dựng kế hoạch tìm kiếm, đấu thầu đề tài ở cấp Thành phố (Sở), hoặc cấp Nhà nước hàng năm, bắt đầu từ năm học 2006-2007.

- Thúc đẩy công tác nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.2:

Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch.

1. Mô tả:

Liên tục trong gần 5 năm vừa qua, số lượng đề tài NCKH tăng dần từng năm. Đặc biệt là trong hai năm trở lại đây, số lượng đề tài các cấp tăng nhanh. Nhìn chung, các đề tài được triển khai nghiên cứu và nghiệm thu đúng hạn, cụ thể như sau:

Cấp đề tài	Năm thực hiện						
	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
Cấp Nhà nước	0	0	0	0	0	0	0
Cấp bộ	6	8	8	13	16	20	14
Cấp cơ sở	17	22	26	29	9	13	10
Tổng	23	30	34	42	25	33	24

Bên cạnh đó, với tư cách là một cơ sở đào tạo có uy tín về quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại, Học viện Ngoại giao liên tục tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm khoa học với nhiều đối tác trong và ngoài nước [07.02.08].

Học viện luôn phấn đấu thực hiện việc tổ chức nghiên cứu khoa học theo đúng tiến độ và hiện tại chưa có bất kỳ một đề tài nào phải thanh lý hợp đồng vì chưa hoàn thành. Có thể nói 100% đề tài khoa học được tiến hành nghiệm thu theo đúng qui định của Nhà nước. Điều này được thể hiện rất rõ trong biên bản

nghiên thu đề tài khoa học của nhà trường [07.02.03-04], [07.02.06], [07.02.08].

2. Đánh giá mặt mạnh:

- Có văn bản qui định, hướng dẫn quy trình thực hiện NCKH giúp CB nghiên cứu kiểm soát được thời gian và qui trình nghiên cứu để hoàn thành đúng hạn.

- Có qui chế khen thưởng đối với các cán bộ nghiên cứu khoa học đạt thành tích hàng năm.

- Học viện luôn tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các cán bộ giảng dạy nghiên cứu khoa học; ví dụ như: trường tạo điều kiện thuận lợi cho các cán bộ giảng dạy trong việc sử dụng máy móc, trang thiết bị, phòng thí nghiệm....

3. Những tồn tại:

Tỉ lệ đề tài cấp Nhà nước còn ít.

4. Kế hoạch khắc phục:

Các hội đồng khoa học khoa xây dựng định hướng nghiên cứu dài hạn (10 năm), trung hạn (5 năm), ngắn hạn (1-2 năm) phù hợp với thể mạnh của khoa, của trường và xem xét điều chỉnh hàng năm.

Trong các năm tới, các trưởng bộ môn phối hợp với lãnh đạo khoa, Hội đồng khoa học khoa để xây dựng thêm các dự án về đầu tư, nâng cấp trang thiết bị quan trọng phục vụ cho nghiên cứu khoa học.

Ban lãnh đạo các khoa cùng hội đồng khoa học khoa lên danh sách các thiết bị, công nghệ mà mình sở hữu và gửi cho phòng QLKH-QHQT-SĐH. Phòng QLKH-QHQT-SĐH có trách nhiệm liên hệ với các Sở KHCN của các tỉnh, thành để tìm thêm đề tài và dự án nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.3: (chung chung không có số liệu cụ thể tính theo số giảng viên, trong nước, quốc tế, cấp nhà nước, cấp bộ, cấp cơ sở)

Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

1. Mô tả:

Hiện tại, Học viện Ngoại giao có tạp chí Nghiên cứu Quốc tế với định kỳ 3tháng/số [07.03.02]. Đây là tạp chí chuyên ngành dùng để đăng tải các bài viết, công trình khoa học của các giáo viên và các nhà khoa học trong và ngoài Học viện. Cán bộ, giảng viên của Học viện luôn có các bài viết đăng trên tạp chí. Hơn nữa, việc đăng tải trên tạp chí chuyên ngành của Học viện được qui định thành một yêu cầu bắt buộc đối với các cán bộ nghiên cứu, giảng viên của nhà trường và đã được cụ thể hoá trong kế hoạch thực hiện nghiên cứu khoa học của Học viện qua các thời kỳ[07.03.01], [07.03.04].

Bên cạnh đó, cán bộ, giảng viên của Học viện còn có các bài viết, bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí chuyên ngành của các cơ sở đào tạo và nghiên cứu trong và ngoài nước khác như: Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, tạp chí Nghiên cứu Châu Mỹ, tạp chí International Security, vvv...[07.03.03]

Về cơ bản, các công trình khoa học phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của Học viện Ngoại giao. Tác giả các bài báo, công trình khoa học đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành đều là cán bộ, giảng viên của Học viện. Những công trình này phản ánh đúng chuyên môn và lĩnh vực nghiên cứu của họ.

2. Đánh giá mặt mạnh:

- Nhà trường có tạp chí chuyên ngành
- Cán bộ và giảng viên tích cực viết bài đăng tạp chí

3. Những tồn tại:

- Chưa có cơ chế khen thưởng các cán bộ giảng dạy có các công trình, bài báo được công bố trên các tạp chí chuyên ngành các cấp...

4. Kế hoạch khắc phục:

- Ban hành qui chế khen thưởng đối với các công trình, bài báo được công bố trên các tạp chí chuyên ngành các cấp....

5. Tự đánh giá: Đạt**Tiêu chí 7.4:**

Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại

học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả:

Nhìn chung, nhiều đề tài NCKH của trường sau khi nghiệm thu đã được triển khai ứng dụng thực tế có hiệu quả. Các đề tài này được Bộ Ngoại giao đánh giá rất cao vì trực tiếp phục vụ cho yêu cầu phân tích tình hình quốc tế, tạo cơ sở để hoạch định chính sách đối ngoại đúng đắn.

Các đề tài này nhìn chung bám sát vào yêu cầu của Đảng và Nhà nước trong việc hoạch định chính sách đối ngoại đúng đắn, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu đối ngoại qua từng thời kỳ. Về cơ bản, các đề tài khoa học được lựa chọn dựa trên yêu cầu thực tiễn của Bộ Ngoại giao [07.04.55; 07.04.56]. Ví dụ, trong năm 2001, Học viện Ngoại giao đã thực hiện đề cấp Bộ *“Nhìn lại chính sách đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ đổi mới: Những bài học và kinh nghiệm”* [07.04.54]. Rõ ràng, đề tài này đã đáp ứng yêu cầu cần thiết của Bộ Ngoại giao nói riêng và nhà nước ta nói chung về việc tổng kết, đánh giá lại những thành tựu đối ngoại, từ đó rút ra bài học và kinh nghiệm cho hoạt động đối ngoại trong thời kỳ tiếp theo. Năm 2005, nhân dịp kỷ niệm 10 năm bình thường hoá quan hệ Việt- Mỹ, Học viện Ngoại giao đã thực hiện đề tài nghiên cứu cấp Bộ *“Quan hệ Việt-Mỹ 10 năm bình thường hoá”* [07.04.54].

Bên cạnh những đề tài về những vấn đề đối ngoại cụ thể, các đề tài khoa học do Học viện Ngoại giao thực hiện hoặc quản lý còn đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển những vấn đề lý luận (về quan hệ quốc tế, về đối ngoại), phục vụ nhu cầu của Đảng và Nhà nước. Có thể kể một số đề tài như *“Vấn đề an ninh kinh tế và tác động đối với cục diện thế giới ngày nay”*, *“Những đặc điểm và xu thế của thế giới; tình hình và đường lối của các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới hiện nay”* [07.04.54].

Nhìn chung, nhiều đề tài NCKH của Học viện sau khi nghiệm thu đã được triển khai ứng dụng thực tế có hiệu quả. Các đề tài này được Bộ Ngoại giao

đánh giá rất cao vì trực tiếp phục vụ cho yêu cầu phân tích tình hình quốc tế, tạo cơ sở để hoạch định chính sách đối ngoại đúng đắn [07.04.55].

Các đề tài này nhìn chung bám sát vào yêu cầu của Đảng và Nhà nước trong việc hoạch định chính sách đối ngoại đúng đắn, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu đối ngoại qua từng thời kỳ [07.04.56].

2. Đánh giá mặt mạnh:

- Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học lớn, trực tiếp phục vụ yêu cầu cao về hoạch định chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

3. Những tồn tại:

Một số lượng không nhỏ các đề tài còn manh mún, chất lượng chưa cao. Chưa có qui định của trường về việc báo cáo ứng dụng của đề tài sau một khoảng thời gian nhất định sau khi nghiệm thu.

4. Kế hoạch khắc phục:

Xây dựng qui định giúp cho việc quản lý về mặt ứng dụng các đề tài đã được nghiệm thu của trường một cách chặt chẽ hơn. Hàng năm, phòng QLKH_QHQT-SĐH sẽ chuyển tất cả các đề tài đã được nghiệm thu để Trung tâm chuyển giao công nghệ xem xét và chuyển giao, bắt đầu từ năm sau. Dành khoản kinh phí nhất định để hoàn thiện sản phẩm và sản xuất thử đối với các kết quả nghiên cứu có khả năng ứng dụng cao để chuyển giao công nghệ góp phần vào nguồn lực của trường cũng như sự phát triển kinh tế xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.5:

Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của Học viện dành cho các hoạt động này. Tổng kinh phí cho các đề tài nghiên cứu khoa học tăng dần từ năm 2001 đến năm 2010. [07.05.01]

Nguồn thu từ các đề tài này lớn hơn kinh phí của Học viện dành cho các đề tài đó. [07.05.02]

1. Mô tả: (Xem lại nội dung này vì không ăn nhập với tiêu chí 7.5 này. Vì tiêu chí này nhấn mạnh về nguồn thu chứ không phải gắn kết với đào tạo và hợp tác quốc tế. đây là tiêu chí 7.6)

Học viện Ngoại giao luôn chú trọng gắn kết các hoạt động NCKH với đào tạo. Điều này thể hiện rất rõ trong qui định của nhà trường: NCHK là yêu cầu bắt buộc đối với các giảng viên [07.05.04]. Bên cạnh đó, công tác nghiên cứu khoa học gắn liền với từng bước xây dựng và trưởng thành của Học viện. Trong những giai đoạn đầu của Học viện, trọng tâm nghiên cứu khoa học là xây dựng mục tiêu yêu cầu đào tạo, nội dung chương trình đào tạo, nội dung, chương trình các môn học và thường xuyên phải điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng từng giai đoạn, phù hợp với đối tượng đào tạo. Trong giai đoạn hiện nay, được sự chỉ đạo của Bộ Ngoại giao, BGD&ĐT, Học viện đã cơ bản hoàn thành điều chỉnh mục tiêu yêu cầu đào tạo cho giai đoạn mới, xây dựng chương trình tổng thể cũng như các chương trình môn học theo tinh thần đổi mới.

Bên cạnh đó, với thể mạnh có quan hệ hợp tác khá chặt chẽ với nhiều trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước, Học viện có điều kiện thúc đẩy hoạt động đào tạo và nghiên cứu trên cơ sở gắn kết với các đối tác này [07.05.02]. Một số viện nghiên cứu nước ngoài có quan hệ đối thoại thường xuyên định kì với Học viện Ngoại giao là: Viện Quan hệ Quốc tế Nhật Bản, Viện Quan hệ Quốc tế Trung Quốc. Ngoài ra, Học viện cũng có mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với một số trường đại học trong nước đào tạo Quan hệ Quốc tế như Khoa Quốc tế học, Trường Đại học KHXH & NV Hà nội; Khoa Quan hệ Quốc tế trường Trường Đại học KHXH & NV Thành phố Hồ Chí Minh [07.05.05].

2. Đánh giá mặt mạnh:

Nhà trường có nhiều đề tài khoa học gắn liền với mục tiêu, chương trình đào tạo.

Nhà trường cũng có mối quan hệ hợp tác sâu rộng với các trường đại học, trung tâm nghiên cứu, viện nghiên cứu trong và ngoài nước. Các hoạt động hợp tác này đều nhằm phục vụ công tác nghiên cứu và đào tạo của nhà trường.

3. Những tồn tại:

Trường chưa thúc đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Học viện đã ban hành chính sách động viên, khích lệ sinh viên nghiên cứu khoa học, dành kinh phí cho việc phát triển nghiên cứu khoa học cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 7.6

Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với Đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.

1. Mô tả: (vấn chung chung chưa làm rõ gắn với đào tạo như thế nào?) số giảng viên tham gia, sinh viên tham gia, sản phẩm nghiên cứu phục vụ cho công tác đào tạo như thế nào? Cách thức để sinh viên tiếp cận được các sản phẩm nghiên cứu khoa học)

Tổ chức nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của trường được hình thành từ các nhóm nghiên cứu về các lĩnh vực khác nhau như: Quan hệ kinh tế Quốc tế, tình hình giữa các nước trong khu vực, Quan hệ đa phương và song phương giữa các tổ chức, các khu vực,..... theo đặc thù của Trường.

Với thế mạnh là một trung tâm nghiên cứu hàng đầu cả nước về QHQT và Chính sách đối ngoại, Học viện Ngoại giao có cả hai bộ phận: Đào tạo và Nghiên cứu. Chính vì vậy, việc gắn kết công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học là một đặc trưng cơ bản của nhà trường. Các đề tài khoa học do Học viện Ngoại giao chủ trì hoặc quản lý đều có tính thực tiễn và áp dụng trực tiếp vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu của nhà trường [07.05.01] [07.05.03].

2. Những điểm mạnh:

Các hoạt động NCKH của nhà trường luôn gắn liền với đào tạo đồng thời gắn kết với các viện nghiên cứu và trường đại học khác trong cả nước cũng như các viện nghiên cứu trên thế giới.

Trường đã xây dựng cơ chế khuyến khích các giảng viên, nghiên cứu viên trong trường tham gia chủ trì các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học. Xây dựng quy chế thống nhất trong toàn trường về việc dành thời gian cho giảng viên nghiên cứu khoa học.

3. Những tồn tại

Số lượng đề tài nghiên cứu và phối hợp nghiên cứu giữa trường với các cơ sở nghiên cứu khác chưa được đa dạng.

4. Kế hoạch khắc phục:

Học viện có các chính sách phát huy, tận dụng thế mạnh của mình trong quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ để phát triển đất nước.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 7.7

Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định. Có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

1. Mô tả: (cần nêu được cụ thể có các văn bản quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện)

Hội đồng khoa học Học viện giám sát rất chặt chẽ các công trình NCKH được thực hiện trong Học viện, đưa công tác NCKH vào nề nếp, tuân thủ các chuẩn mực chung về đạo đức và sở hữu trí tuệ là động lực khuyến khích các nhà khoa học tích cực tham gia vào công tác nghiên cứu tạo ra nhiều công trình mới góp phần phục vụ cho đời sống xã hội. [07.07.01].

Nhà trường rất khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia NCKH trong các buổi Hội nghị khoa học toàn trường, nhà trường đề cao tinh thần sáng tạo của các cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên, góp phần xây dựng sự nghiệp chung của

nhân loại. Bên cạnh đó nhà trường cũng triệt để lên án thái độ thiếu đạo đức trong sở hữu trí tuệ có thể làm giảm sút danh tiếng của Học viện, cho nên Học viện có các biện pháp rất mạnh để tạo nề nếp trong vấn đề nghiên cứu khoa học. Chính vì thế cho đến nay, sau hơn 50 năm, Học viện chưa có hiện tượng sai phạm nào trong việc thiếu đạo đức sở hữu trí tuệ, đây là niềm vinh hạnh của Học viện về đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên. [07.07.02]; [07.07.03].

2. Những điểm mạnh:

Học viện thực hiện tốt công tác tuyên truyền về đạo đức trong sở hữu trí tuệ nên đã phát huy tốt tinh thần sáng tạo trong NCKH thể hiện đẳng cấp của nhà trường, góp phần nâng cao sự tin tưởng của Bộ, ngành, các tổ chức trong khu vực và trên thế giới liên quan trong sứ mạng phát triển của nhà trường.

3. Những tồn tại

Các cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện vẫn chưa thường xuyên cập nhật các quy định mới của nhà nước trong sở hữu trí tuệ.

4. Kế hoạch khắc phục:

Tăng cường vận động, phổ biến những quy định về quyền lợi và trách nhiệm cũng như đạo đức trong nghiên cứu khoa học cho tất cả các cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận tiêu chuẩn:

Trải qua nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, Học viện Ngoại giao luôn giữ vững vị trí là trung tâm nghiên cứu QHQT và Chính sách đối ngoại hàng đầu tại Việt Nam phục vụ đào tạo, hoạch định chính sách đối ngoại và đường lối quốc tế của Đảng, Nhà nước, các ngành, địa phương. Học viện Ngoại giao được biết đến không chỉ là cơ sở đào tạo cung cấp cho đất nước đội ngũ chuyên gia về QHQT và CSDN có phẩm chất tốt, có năng lực và bản lĩnh chính trị vững vàng, nhạy bén và năng động mà còn là trung tâm NCKH hàng đầu của Bộ Ngoại giao và Việt

Nam trong lĩnh vực này. Trong những năm vừa qua, với vai trò là một trường trọng điểm, đầu ngành trong khối các trường giảng dạy về QHQT, Học viện Ngoại giao đã đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách đối ngoại.

Nghiên cứu khoa học của Học viện Ngoại giao tập trung vào các nội dung chủ yếu sau đây:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản phục vụ đào tạo như đổi mới, hoàn thiện mục tiêu, chương trình, biên soạn giáo trình, cải tiến phương pháp dạy và học;
- Nghiên cứu phục vụ tư vấn liên quan tới hoạch định chính sách tầm vĩ mô của Nhà nước về những vấn đề QHQT và Chính sách đối ngoại;
- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu

Các hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường có tính thực tiễn cao. Hơn nữa, nhà trường có những qui định rõ ràng, cụ thể về yêu cầu NCKH, đã khuyến khích và huy động được cả giáo viên và cán bộ tham gia hiệu quả công tác này.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 7/7.

TIÊU CHUẨN 8**HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ****Mở đầu.**

Trường đại học chủ động thiết lập các quan hệ quốc tế, triển khai các hoạt động hợp tác với các trường đại học, các tổ chức giáo dục, khoa học và công nghệ nước ngoài nhằm nâng cao năng lực đào tạo và NCKH của trường. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo đúng qui định của Nhà nước. Học viện có nhiều mối liên hệ hợp tác với nhiều trường, Học viện ngoài nước, các tổ chức Giáo dục và Ngoại giao trên thế giới. [08.01.02] Mọi chương trình, dự án hợp tác quốc tế đều được thực hiện đúng nghị định của Chính phủ số 18/2001/NĐ – CP, Số 165/2004/ NĐ – CP , thông tư 15/2004/ TT – BGD & ĐT về quản lý hợp tác quốc tế trong giáo dục. Định kỳ đều có báo cáo cho Bộ chủ quản, vụ hợp tác quốc tế Bộ Giáo dục và Đào tạo. [08.01.01]

Tiêu chí 8.1:

Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

1. Mô tả : (làm rõ gồm những hoạt động gì, tuân thủ như thế nào, kế hoạch hàng năm, báo cáo cho các Bộ chủ quản về hoạt động hợp tác quốc tế)

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện Ngoại giao trong hơn 15 năm qua luôn tuân thủ đúng các qui định của Nhà nước, đặc biệt của Bộ Ngoại giao trong hợp tác quốc tế. Học viện Ngoại giao luôn chú trọng và phát triển các hoạt động hợp tác quốc tế theo quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước, đồng thời giữ bản sắc, truyền thống dân tộc trong các quan hệ ứng xử, trong giao tiếp; vừa kết hợp hài hoà lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài.

Trong vòng 5 năm tính đến thời điểm đánh giá, tất cả các hoạt động quan hệ quốc tế của Học viện *không vi phạm các qui định hiện hành*, luôn tuân theo mọi qui định của Nhà nước và Bộ Ngoại giao về các hoạt động quan hệ quốc tế. Công tác bảo mật đối với các tài liệu, văn bản liên quan đến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước được tuân thủ chặt chẽ [08.01.04].

Trong vòng *năm năm trở lại đây từ 2005 đến 2010*, Trường đã có rất nhiều tiến bộ trong việc đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế [08.01.01]. *Các cán bộ liên tục đã được cử đi nước ngoài hàng năm* để tham quan, khảo sát và tìm đối tác [08.01.02, 08.01.03]. Trong 5 năm (2002- 2007), trung bình hàng năm Học viện cử 40 đoàn ra nước ngoài tham dự hội thảo, hội nghị, tọa đàm, trao đổi nghiên cứu, study tour [08.01.03].

Để quảng bá về Học viện ra tầm khu vực, đã tiến hành xây dựng Website tiếng Anh để tự giới thiệu [08.01.05] và nhờ vào vị thế của Học viện, nhiều đối tác nước ngoài đã đặt mối quan hệ hợp tác đào tạo, tài trợ trang thiết bị, tài trợ học bổng, tuyển dụng sinh viên [08.01.02].

2. Đánh giá điểm mạnh:

Nhờ vào những chính sách và những điều chỉnh kịp thời, trong 5 năm qua hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện luôn có chuyển biến tích cực, đa dạng về loại hình hợp tác, đẩy mạnh hơn rất nhiều.

Học viện luôn tuân thủ những quy định chặt chẽ của Đảng, Nhà nước về hợp tác quốc tế.

3. Những tồn tại:

- Nội dung trao đổi sinh viên với các cơ sở đào tạo nước ngoài còn chưa được chú ý, hoạt động hợp tác quốc tế chưa tương xứng với sự phát triển của Học viện.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Trong thời gian sắp tới, Học viện có kế hoạch đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các nước trên nhiều lĩnh vực như: trao đổi giảng viên, trao đổi sinh viên, hợp tác nghiên cứu khoa học, tham gia hội thảo quốc tế trên cơ sở các quy định của Nhà nước và Bộ GD&ĐT.

- Các khoa, viện, trung tâm và cá nhân chủ động trực tiếp tìm kiếm các đối tác nước ngoài, làm cho quan hệ hợp tác thêm và đa dạng và hiệu quả.

- Đẩy mạnh quảng bá hình ảnh của Học viện trong khu vực và quốc tế thông qua website, phương tiện thông tin đại chúng, các buổi hội thảo và triển lãm quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.2:

Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.

1. Mô tả:

Học viện có những *chương trình hợp tác đào tạo* với nước ngoài như: Đã tranh thủ được tài trợ của UNDP để mở 7 lớp đào tạo cán bộ quản lý dự án và khóa thư ký dự án phục vụ công tác hợp tác đầu tư với nước ngoài (cán bộ các ngành, địa phương đã tham dự); Tranh thủ được giúp đỡ tài chính của quỹ Ford (Mỹ) mở 11 lớp bồi dưỡng kiến thức về quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, toàn cầu hoá và chủ nghĩa khu vực v.v...[08.02.01]. Đặc biệt, với mục tiêu đào tạo chuyên viên, giảng viên để họ có khả năng đảm nhiệm các khoá đào tạo ngắn hạn về ngoại giao đa phương các ban ngành địa phương, Dự án này của UNDP đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Một đội ngũ giảng viên, cán bộ của Học viện đã được cử đi đào tạo ở Mỹ, Malaysia, Thụy Sĩ,...tạo điều kiện cho giảng viên, cán bộ Học viện đi đào tạo ngắn hạn ở nước ngoài. Hiệu quả của Dự án này còn thể hiện rất rõ ở các giáo trình, giáo án, đề cương bài giảng do những cán bộ được cử đi đào tạo biên soạn. Các tài liệu này phục vụ trực tiếp cho những khoá đào tạo ngắn hạn trong khuôn khổ Dự án [08.01.01].

Học viện cũng tranh thủ được Quỹ Ford, Quỹ châu Á, một số cơ sở đào tạo ở Mỹ, Singapore, Pháp, Canada, Đài Loan... cung cấp học bổng đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ và tham dự các lớp bồi dưỡng ngắn hạn. Ví dụ, quỹ Ford đã tài trợ học bổng tiến sĩ cho 04 cán bộ, giảng viên của Học viện và hơn 10 học bổng thạc sĩ. Quỹ Ford và Quỹ Châu Á còn tài trợ cho Học viện tổ chức các cuộc hội thảo về Đổi mới phương pháp giảng dạy (năm 2007) và các cuộc thi nâng kiến thức cho sinh viên (như cuộc thi “Tìm hiểu về Văn hoá, chính trị Mỹ” tháng 11 năm 2008) [08.01.01]. Bên cạnh đó, Học viện cũng có quan hệ hợp tác chặt chẽ với các tổ chức quốc tế, các cơ sở đào tạo nước ngoài nhằm thu hút nguồn học bổng cho

sinh viên của trường. Điều này đã tạo điều kiện cho các em sinh viên có cơ hội nâng cao kiến thức ngay trong những năm tháng học tập tại nhà trường [08.02.09].

Với sự giúp đỡ của Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội, Trường Biên phiên dịch cấp cao Paris, Trung tâm biên phiên dịch tiếng Pháp đã đào tạo được 4 khoá với kết quả cao [08.02.02].

Học viện có sự hợp tác chặt chẽ với một số tổ chức giáo viên tình nguyện lớn của Anh, Singapore, Canada, Úc, Mỹ như United Board, Christian Higher Education, Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội, Học viện Ngoại giao Ấn Độ nhằm bổ xung đội ngũ giảng viên Tiếng Anh và Tiếng Pháp, giúp sinh viên có thêm cơ hội trao đổi thực tế bằng ngoại ngữ. Các giáo viên tình nguyện đều có trình độ học vấn đại học hoặc trên đại học, lại là người bản địa nên việc giảng dạy cho sinh viên Học viện thực sự đã mang lại những hiệu quả tích cực. Hiện tại có 13 giáo viên tình nguyện đang giảng dạy tại Học viện [08.02.03].

Học viện cũng có quan hệ hợp tác với các Đại sứ quán nước ngoài tại Hà Nội. Các cuộc trao đổi, nghiên cứu, trao đổi thông tin giữa các đại sứ, cán bộ sứ quán các nước với lãnh đạo, cán bộ nghiên cứu, giảng dạy của Học viện thường xuyên được tổ chức. Nhiều đại sứ, cán bộ sứ quán đã đến trình bày chuyên đề về các vấn đề quốc tế, về đất nước họ cho cán bộ giáo viên, sinh viên... [08.02.04].

Các *chuyến tham quan khảo sát của giảng viên* tại nước ngoài ngày càng nhiều hơn và cũng đã có nhiều cán bộ của Học viện có cơ hội học tập ở nước ngoài. Trung bình, mỗi năm Học viện cử 10 đến 15 cán bộ, giảng viên đi đào tạo tại nước ngoài (cả ngắn hạn và dài hạn) [08.02.05].

Là một đơn vị đào tạo hàng đầu về Quan hệ quốc tế, Học viện có chương trình hợp tác chặt chẽ với Bộ Ngoại giao các nước trong lĩnh vực đào tạo sinh viên hệ chính quy. Hàng năm, Học viện tiếp nhận hàng chục sinh viên nước ngoài từ các nước như Lào, Campuchia, Mông Cổ, Ucraina, Nga... đến học tập, nghiên cứu [08.02.10].

Ngoài thế mạnh trong việc hợp tác với Bộ Ngoại giao các nước, các Tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế, Học viện cũng đẩy mạnh công tác liên kết đào tạo

với các cơ sở, trung tâm đào tạo nước ngoài. Thành công mới nhất là việc ký kết chương trình liên kết đào tạo thạc sỹ Quan hệ Quốc tế với trường Đại học Lyon III của Pháp vào tháng 11/2008. Hiện nay, hai bên đang triển khai các hoạt động cụ thể để thực hiện lộ trình của Dự án án [08.01.02].

Trong năm năm qua, Học viện *đã nhận được sự tài trợ về trang thiết bị rất lớn* của các nước như: được UNDP cung cấp 1 phòng luyện âm, 1 ô tô (1990). Quỹ Ford và Quỹ châu A' , đại học Colombia (Mỹ) cũng tài trợ cho Học viện để xây dựng hệ thống mạng máy tính nội bộ và nối mạng với Internet, nâng cấp Trung tâm thông tin- thư viện nhằm khai thác tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu, đào tạo... Điều này góp phần không nhỏ về việc nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện ...[08.02.08, 08.02.11].

2. Đánh giá điểm mạnh:

Việc mở rộng hợp tác với các Quỹ và các tổ chức nước ngoài đã và đang giúp cho Học viện đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đồng thời, giúp bổ xung nguồn sách báo, thông tin thường xuyên cho Thư viện của Học viện.

Với sự tài trợ của Quỹ Ford, Quỹ châu A', UNDP cơ sở vật chất, chương trình đào tạo lẫn chuyên gia của Học viện đã được nâng cao.

Một số cán bộ Học viện rất năng động trong việc tìm kiếm các mối quan hệ với đối tác nước ngoài để được sự tài trợ đáng kể về trang thiết bị góp phần nâng cao cơ sở vật chất cho HV.

3. Những tồn tại:

Nhìn chung, tất cả các hoạt động về hợp tác quốc tế trong 10 năm qua tại Học viện đã phát triển mạnh mẽ, góp phần thực hiện chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo trong Học viện. Vấn đề đặt ra hiện nay là cần đưa các mối quan hệ đó vào chiều sâu.

4. Kế hoạch khắc phục:

Tìm nguồn đầu tư từ các công ty, các cơ sở trong và ngoài nước để trang bị thêm thiết bị, phòng học hiện đại cho các ngành đào tạo.

Tìm nguồn từ các nước để liên kết đào tạo.

Nâng cao uy tín của Học viện thông qua các công trình nghiên cứu khoa học và bài báo công bố trên các tạp chí.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 8.3:

Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.

1. Mô tả:

Hoạt động hợp tác quốc tế phát triển không chỉ hỗ trợ một cách tích cực và nâng cao hiệu quả công tác đào tạo của Học viện Ngoại giao mà còn nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Trường. Với tư cách là cơ sở đào tạo hàng đầu về Quan hệ quốc tế, đặc biệt là một đơn vị trực thuộc Bộ Ngoại giao, Học viện Ngoại giao là đầu mối hợp tác nghiên cứu quốc tế với nhiều viện, trung tâm nghiên cứu trên thế giới.

Tính đến năm 2007, Học viện có quan hệ hợp tác với gần 80 Viện nghiên cứu nước ngoài và trường Đại học trên thế giới như: Học viện Quan hệ quốc tế Cu Ba, Học viện Ngoại giao Ấn Độ, Học viện Ngoại giao Nhật Bản, Trường Đại học Quan hệ quốc tế Mátcova, Trường Đại học Birmingham,...[08.03.01]. Trên cơ sở hợp tác với các Viện nghiên cứu, các trường đại học nước ngoài, hàng năm, Học viện Ngoại giao đều cử cán bộ đi tham dự các hội thảo quốc tế, trao đổi khoa học. Chính vì vậy, đội ngũ cán bộ, giảng viên Học viện có điều kiện cập nhật thông tin, trau dồi nghiệp vụ và nâng cao trình độ, phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo và nghiên cứu.

Trong vòng 3 năm trở lại đây, trung bình mỗi năm Học viện tổ chức từ 4 – 10 hội thảo quốc tế lớn, với sự có mặt của nhiều học giả và chuyên gia nước ngoài về quan hệ quốc tế. Học viện vẫn duy trì các cuộc hội thảo song phương với các Viện nghiên cứu của các nước như: Viện Nghiên cứu QHQT đương đại Trung Quốc (CICIR), Viện Nghiên cứu chiến lược quốc phòng Úc (AIDS), Viện Nghiên

cứu QHQT Nhật bản (JIIA), mạng lưới Hội đồng Hợp tác An ninh Châu Á - Thái Bình Dương (CSCAP),...theo nguyên tắc luân phiên. [08.03.02] Bên cạnh những lợi ích thiết thực phục vụ nghiên cứu và đề xuất các chủ trương, chính sách với Bộ Ngoại giao, các cuộc hội thảo này đã góp phần tăng cường quan hệ quốc tế của Học viện.

Bên cạnh đó, hàng tháng Học viện tổ chức cho sinh viên cuối khoá nghe các báo cáo chuyên đề, do các Đại sứ, các học giả, các chuyên gia nghiên cứu nước ngoài trình bày. Bên cạnh mục đích nâng cao khả năng nghe nói và trao đổi bằng tiếng Anh, Pháp, Trung cho sinh viên, các buổi trao đổi và báo cáo chuyên đề còn giúp cho sinh viên trau dồi thêm kiến thức chuyên ngành về quan hệ quốc tế. [08.03.04]

Học viện đã phối hợp cùng các tổ chức quốc tế thực hiện các dự án như Nâng cao năng lực ngoại giao đa phương (UNDP), các dự án nâng cao năng lực sư phạm và nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên nghiệp cho các giáo viên trong và ngoài Học viện như Trung tâm đào tạo Việt Nam- Singapore. Các hoạt động trên đã thực sự có tác dụng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục của Học viện [08.03.05].

Học viện cũng chủ trương đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế trong việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học với các đối tác nước ngoài [08.03.02, 08.03.03]. Các chương trình hợp tác này giúp Học viện khai thác được những thế mạnh của các đối tác, phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học trong nhà trường.

Hàng năm, Học viện thực hiện đào tạo cho các nước bạn như Lào, Mông cổ, Ucraina, Campuchia,...từ 5 đến 10 lưu học sinh.

Như vậy, có thể thấy thông qua các quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài, Học viện Ngoại giao không chỉ nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, tăng cường cơ sở vật chất mà còn hỗ trợ phát triển năng lực nghiên cứu khoa học của nhà trường, giúp cho Học viện củng cố và thể hiện được uy tín chuyên môn, uy tín khoa học với các trường đại học, các viện nghiên cứu trong khu vực và quốc tế.

2. Đánh giá mặt mạnh:

Việc tổ chức thường xuyên các cuộc hội thảo quốc tế đã góp phần không nhỏ vào việc nâng cao khả năng chuyên môn và khả năng tổ chức của cán bộ Học viện.

Có các nhóm cán bộ đầu ngành chuyên phụ trách nghiên cứu, thực hiện các dự án, đề án trong các lĩnh vực chuyên ngành đào tạo của Học viện.

3. Những tồn tại:

Chưa có nhiều đề tài liên kết với nước ngoài trong các nghiên cứu khoa học hay triển khai công nghệ.

4. Kế hoạch khắc phục:

Đầu tư vào trang thiết bị hiện đại, tài liệu, sách, báo và con người để làm tiền đề cho việc hợp tác NCKH quốc tế.

Tiếp tục tham gia tích cực vào các hoạt động chung của ASEAN- ISIS và CSCAP, tăng cường quan hệ với các cơ quan đại diện nước ngoài tại Hà Nội, các Viện nghiên cứu, các trường Đại học.

5. Tự đánh giá : Đạt

Kết luận tiêu chuẩn :

Hoạt động hợp tác quốc tế có vai trò rất quan trọng trong những thành tích mà Học viện Ngoại giao đã đạt được. Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, Học viện đã xây dựng và củng cố uy tín của mình, thể hiện là đầu mối hợp tác hàng đầu về đào tạo QHQT và Chính sách đối ngoại của Bộ Ngoại giao nói riêng và Việt Nam nói chung. Sự trưởng thành nhanh chóng và những tiến bộ vượt bậc gần đây của đội ngũ cán bộ, giảng viên Học viện Ngoại giao có sự đóng góp quan trọng của các chương trình liên kết đào tạo và mối quan hệ hợp tác quốc tế với các Trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu nước ngoài.

Nhận thức được vai trò quan trọng của hoạt động hợp tác quốc tế trong sự phát triển, Học viện Ngoại giao luôn chú trọng xây dựng và phát triển các mối quan hệ hợp tác quốc tế. Cho đến nay, Học viện đã có quan hệ hợp tác với rất nhiều trường đại học, trung tâm nghiên cứu ở Đông Nam Á, Mỹ, Úc, Canada, Nhật bản và châu Âu. Có thể kể một số đối tác lâu dài của Học viện như: Viện

QHQT của Nhật Bản, Viện QHQT Trung Quốc, Trường Đại học Columbia của Mỹ, Quỹ Ford, Asia (Mỹ),.... Hiện nay, hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện Ngoại giao bao gồm ba mảng chủ yếu :

- Hợp tác quốc tế trong đào tạo
- Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học
- Các hợp tác quốc tế khác

Với những thành tích đạt được trong quá trình xây dựng và phát triển, Học viện Ngoại giao luôn được đánh giá là cơ sở đào tạo có hoạt động hợp tác quốc tế nổi bật . Trong thời gian tới, Học viện sẽ thực hiện chủ trương chủ động tìm kiếm các nguồn liên kết đào tạo nước ngoài để thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa hoạt động này.

Số tiêu chí đạt yêu cầu : 5/5.

TIÊU CHUẨN 9**THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC**

Trường đại học đảm bảo các điều kiện về Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra.

Tiêu chí 9.1:

Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

1. Mô tả:

Học viện có hệ thống thư viện, phòng đọc, sách báo, tài liệu đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học [09.01.01];[09.01.05]. Tính đến ngày 20.09.2007 số liệu cũ, cần cập nhật vốn tài liệu của thư viện đã có: 20.000 đầu sách (34.693 bản sách) và 91 tên báo, tạp chí; đạt đến trên 3.000 số đầu sách cho một ngành đào tạo (Chuyên ngành Quan hệ quốc tế: 4.891; Chuyên ngành Kinh tế quốc tế: 3.559; Chuyên ngành Luật quốc tế: 1.174) [09.01.03]; [09.01.04]; [09.01.09]. Ngoài ra, Học viện còn có một thư viện nhỏ do Trung tâm Biên phiên dịch tiếng Pháp(CFIT) quản lý hơn 1000 đầu sách tiếng Pháp.

Phần mềm quản lý Thư viện ILIB3.6 đã được đưa vào ứng dụng và đạt hiệu quả cao trong công tác thư viện (Thư viện ứng dụng phần mềm quản lý thư viện ILIB do Công ty CMC cung cấp từ năm 2001, đến năm 2006 thư viện lại tiếp tục nâng cấp phần mềm này lên thành ILIB 3.6 với tổng chi phí cho cả 2 lần là trên 130 triệu đồng) [09.01.11].

Hiện nay Thư viện đã có các tài liệu điện tử và rất chú trọng đến nguồn tài liệu này (Hệ thống mục lục, hệ thống tra cứu trực tuyến OPAC – ILIB tương thích với cả Internet, Extranet và Intranet, hỗ trợ giao thức liên thư viện Z39.50). Để tiếp tục phát triển kho tài liệu điện tử, thư viện đã tổ chức sưu tầm các nguồn tài liệu trên mạng, thường xuyên cập nhật tài liệu bằng cách tải trên mạng các bản

tin như Tham khảo đặc biệt của Thông tấn xã Việt Nam, Tin A của Bộ Ngoại giao [09.01.07]; [09.04.02].

Thư viện đã xây dựng được mối quan hệ hợp tác với các thư viện trong và ngoài nước nhằm trao đổi tài liệu, kinh nghiệm quản lý và phục vụ tiến tới liên thông (Thư viện có mối quan hệ hợp tác với Thư viện Đại học Quốc gia, Thư viện Quốc gia và Thư viện của Viện Nghiên cứu Đông nam Á của Singapore như trao đổi các xuất bản phẩm và tham dự các lớp học đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ); Hiện nay, Phòng đọc Ngoại giao đa phương đã kết nối với website của UNDP tại Hà nội để trao đổi kinh nghiệm quản lý và nguồn lực thông tin [09.01.13]; [09.01.14].

Trong công tác xây dựng vốn tài liệu, nhằm đáp ứng nhu cầu bạn đọc, thư viện đã tổ chức tăng cường bổ sung sách tham khảo, giáo trình, tài liệu học tập, bài giảng phù hợp với chuyên ngành đào tạo [09.01.03]; [09.01.10].

Để khuyến khích người đọc khai thác hiệu quả các tài liệu, thư viện đã tăng cường phục vụ giáo trình, tài liệu học tập cho sinh viên với chính sách lưu thông tài liệu (Thư viện có 19 máy tính nối mạng internet cài đặt phần mềm tra cứu tư liệu ILIB 3.6, có quy định cho mượn giáo trình về nhà đối với sinh viên chuyên ngành Kinh tế quốc tế năm thứ 3 và thứ 4; kho sách luôn mở cửa để sinh viên đọc tại chỗ không hạn chế về số lượng. Thư viện làm việc tất cả các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6, có phòng đọc tự chọn giành cho sinh viên, sinh viên năm cuối được sử dụng toàn bộ tài liệu tham khảo như cán bộ Ngoại giao, các học giả nghiên cứu về quan hệ quốc tế) [09.01.06]; [09.01.08].

Việc tổ chức cung cấp thông tin tài liệu qua mạng Internet, mạng LAN đạt hiệu quả cao (Số đầu sách tham khảo, giáo trình đối với các ngành đào tạo đều cao hơn tiêu chuẩn quy định và thường xuyên được cập nhật. Vốn tư liệu điện tử gồm hơn 9.000 đầu sách và trên 1000 luận văn đại học, cao học đã nhập tiêu đề mô tả và tóm tắt nội dung phục vụ tra cứu trên mạng LAN) [09.01.07].

Hiện nay, số lượng bạn đọc tăng gần 2.000 người trong năm học 2006-2007 số liệu cũ bình quân thư viện phục vụ 200 lượt/ngày trong thời gian ôn thi, 100 lượt/ngày trong thời gian học bình thường và tỉ lệ độc giả đến thư viện trong

năm 2005-2006 đạt đến 80% trên tổng số sinh viên và 100% trên tổng số giảng viên của Học viện.

2. Đánh giá mặt mạnh:

Thư viện đã có cơ cấu tổ chức ổn định, cơ sở hạ tầng đạt chuẩn kiến trúc của một thư viện.

Đội ngũ nhân sự có chuyên môn, năng động ; cán bộ phục vụ có nhiều sáng kiến cải tiến trong nghiệp vụ, có trách nhiệm trong công việc.

Tuy nhiên, số cán bộ lớn tuổi sắp nghỉ hưu chiếm 2/3 vì vậy trong năm tới cần có kế hoạch bổ sung nhân sự và cử cán bộ trẻ học nâng cao ngoại ngữ và tin học.

Vốn tài liệu phong phú, đa dạng về loại hình; trang thiết bị, phương tiện hoạt động như máy tính và máy phô tô copy đã được trang bị.

Việc ứng dụng tin học vào chuyên môn đang phát triển mạnh và được sự ủng hộ của Ban Giám đốc.

3. Những tồn tại: (xem lại những tồn tại)

Hiện nay, trang thiết bị của thư viện Học viện chưa đạt chuẩn đồng đều của một thư viện hiện đại. Giá sách vẫn còn sử dụng loại **giá** cũ, của những năm 60.

4. Kế hoạch khắc phục:

Để xây dựng một thư viện điện tử, trang thiết bị như hiện nay là chưa đồng bộ. Thư viện mới chỉ có kinh phí chi cho mua phần mềm , các trang thiết bị khác như hệ thống cửa từ, máy scanner màu, máy ép thẻ , máy đọc mã vạch để làm thẻ thư viện, máy in phiếu mục lục và tem dán nhãn sách đúng tiêu chuẩn do không có kinh phí nên vẫn chưa thực hiện được. Trong 2 năm tới 2009 – 2010, Học viện sẽ có kế hoạch đầu tư kinh phí để nâng cấp trang thiết bị hiện đại cho Thư viện. Đến cuối năm 2007 Học viện bắt đầu mua dần cho thư viện 15 giá sách mới và sẽ tiến hành thay giá cũ trong những năm tiếp theo

5. Tự đánh giá : Chưa Đạt (tại sao chưa đạt khi cách phân tích hướng nhiều ưu điểm, còn hạn chế thì rất ít chỉ liên quan tới giá sách cũ...)

Tiêu chí 9.2: (tiêu chí này là chỉ liên quan phòng thực hành và thí nghiệm hay cả phòng học và giảng đường vì tiêu chí 9.6 là tập trung vào phòng học và giảng đường. phải nêu rõ hơn về số giảng đường và phòng học)

Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

1. Mô tả : (rõ hơn về phòng học được trang bị đầy đủ và giảng đường tại sao chỉ có mỗi phòng học ngoại ngữ)

Học viện Ngoại giao thuộc khối ngành KHXH & NV, nên không có các phòng thí nghiệm, mà chỉ có các phòng thực hành (ngoại ngữ, chuyên môn nghiệp vụ). Hiện nay, Học viện đã có được 03 phòng luyện âm phục vụ cho dạy và học ngoại ngữ và 01 phòng Multi -media. Các phòng thực hành ngoại ngữ với tổng diện tích 233m² và phòng Multi-media tổng diện tích 100m² (tầng 5 nhà Thư viện) là đủ mặt bằng để người học tiến hành các giờ học và nghiên cứu theo yêu cầu của các ngành đào tạo [09.02.01].

Các phòng thực hành và phòng Multi-media được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết cho các giờ thực hành của người học theo yêu cầu của từng ngành đào tạo. Đặc biệt đối với các khoa như: Ngoại ngữ, chính trị quốc tế, luật quốc tế, kinh tế quốc tế đã được đầu tư nhiều trang thiết bị mới và đáp ứng đủ nhu cầu người học như: Máy tính xách tay, máy chiếu đa năng, các loại đài đĩa và băng đĩa [09.02.01].

Bên cạnh đó, Học viện còn có phòng máy tính phục vụ yêu cầu giảng dạy và học tin học cho sinh viên [09.02.03]. Với hơn 60 đầu máy tính, phòng học này đáp ứng đủ nhu cầu học tập tin học cho toàn thể sinh viên của nhà trường.

2. Đánh giá mặt mạnh:

Thời gian qua, Học viện đã rất quan tâm đến việc xây dựng và tăng thêm số phòng thực hành, đầu tư trang thiết bị để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập theo yêu cầu của từng ngành đào tạo. Tuy nhiên, máy móc trang thiết bị đã cũ so

với công nghệ hiện đại như hiện nay. Vì vậy, máy móc, thiết bị hiện đại cần được thay thế trong hai năm tới.

3. Những tồn tại:

- Cần tăng thêm số cabin trong các phòng luyện âm, hoặc tăng thêm diện tích cho phòng thực hành vì số lượng người sử dụng ngày một tăng hơn .

- Học viện còn thiếu kỹ thuật viên được đào tạo chuyên ngành về điện tử viễn thông làm quản lý các phòng thực hành này, có như vậy máy móc mới bảo đảm chất lượng phục vụ .

4. Kế hoạch khắc phục: Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, trong những năm tới Học viện cần có kinh phí để mở rộng thêm cho phòng luyện âm, trang bị các thiết bị giảng dạy, học tập hiện đại hơn nữa.

5. Tự đánh giá : Đạt

Tiêu chí 9.3:

Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo.

1. Mô tả:

Tùy theo nhu cầu của từng ngành đào tạo, Học viện đã trang bị khá đầy đủ các loại trang thiết bị và phương tiện dạy học cho các khoa như: 03 phòng luyện âm có 102 cabin cho việc dạy và học ngoại ngữ , 04 máy chiếu đa năng dùng dạy học tại các giảng đường, tất cả máy tính của Học viện đều nối mạng internet, 10 đài đĩa và 03 tivi lắp truyền hình cáp trang bị cho phòng Multimedia phục vụ sinh viên tất cả ngày từ thứ 2 đến thứ và với số lượng trang thiết bị Học viện đã đầu tư dựa vào đề nghị của các khoa (máy chiếu đa năng và máy tính xách tay) đã đáp ứng đủ cho các chương trình đào tạo hiện nay của Học viện [09.03.01].

Trong những năm gần đây, Học viện đã có chủ trương lớn trong việc đầu tư trang thiết bị và phương tiện học tập để hỗ trợ các hoạt động dạy học. Trong việc đầu tư, rất chú trọng đến tính đa dạng của các loại trang thiết bị, các chủng loại thiết bị được trang bị theo yêu cầu từ từng bài tập thực hành cho đến yêu

cầu của từng Bộ môn và từng Khoa. Vì vậy, chất lượng của chúng thỏa mãn một phần nhu cầu của giảng viên và người học, đáp ứng được yêu cầu của tất cả các ngành đào tạo trong nhà trường [09.03.01].

Để tăng tính đảm bảo chất lượng và đa dạng các loại trang thiết bị, Học viện đã tận dụng kinh phí tất cả các dự án để đầu tư trang thiết bị (Học viện có các dự án của Quỹ Ford , UNDP , ĐSQ Cộng hoà Pháp ...).

Học viện thường xuyên có những hợp đồng đào tạo với các đơn vị (Khoa Bồi dưỡng phụ trách vấn đề này); Do vậy, phần lớn các loại trang thiết bị luôn luôn được khai thác có hiệu quả.

Với tổng số giờ học và thi ngoại ngữ tại phòng luyện âm và việc mở cửa phục vụ tất cả các ngày trong tuần của phòng Multi-media thì các loại trang thiết bị trong trường sử dụng hầu như tối đa nhất là đối với khoa ngoại ngữ, thư viện, phòng dạy tin học.

Để đảm bảo việc thực hành có hiệu quả, tất cả các phòng thực hành đều có nội qui riêng. Riêng về việc sử dụng các loại trang thiết bị, sinh viên sẽ được sự hướng dẫn trực tiếp của các giảng viên và kỹ thuật viên trong giờ lên lớp học ngoại ngữ hoặc sử dụng các phương tiện máy móc tại phòng multi – media [09.01.06]; [09.02.01].

2. Đánh giá mặt mạnh:

Trang thiết bị của Học viện hầu hết hiện đại, có chất lượng, tính năng hoạt động tốt và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo.

Đối với Học viện hiện nay, việc đầu tư thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập được coi là trọng tâm, song các loại trang thiết bị phục vụ yêu cầu nghiên cứu khoa học, dự án và đề án vẫn còn hạn chế. Các thiết bị này, tuy đã có nhưng chưa đủ và chưa đồng bộ .

3. Những tồn tại :

- Cần đầu tư một cách đồng bộ và hiện đại hơn cho các phòng luyện âm và phương tiện tiên tiến cho việc dạy học nói chung và dạy ngoại ngữ nói riêng.
- Giáo viên phải được đào tạo sử dụng các phương pháp dạy học hiện đại
- Cần có đội ngũ kỹ thuật viên chuyên nghiệp.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Đầu tư một cách đồng bộ và hiện đại hơn cho các phòng luyện âm và phương tiện tiên tiến cho việc dạy học nói chung và dạy ngoại ngữ nói riêng .
- Giáo viên phải được đào tạo sử dụng các phương dạy học hiện đại
- Bổ sung thêm 02 kỹ thuật viên chuyên nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.4:

Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.

1. Mô tả:

Tùy theo nhu cầu của từng ngành đào tạo, Học viện đã trang bị khá đầy đủ các loại trang thiết bị và phương tiện dạy học cho các khoa như: 03 phòng luyện âm có 102 cabin cho việc dạy và học ngoại ngữ, 04 máy chiếu đa năng dùng dạy học tại các giảng đường , tất cả máy tính của Học viện đều nối mạng internet, 10 đài đĩa và 03 tivi lắp truyền hình cáp trang bị cho phòng Multimedia phục vụ sinh viên tất cả ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và với số lượng trang thiết bị Học viện đã đầu tư dựa vào đề nghị của các khoa (máy chiếu đa năng và máy tính xách tay) đã đáp ứng đủ cho các chương trình đào tạo hiện nay của Học viện [09.03.01].

Trong những năm gần đây, Học viện đã có chủ trương lớn trong việc đầu tư trang thiết bị và phương tiện học tập để hỗ trợ các hoạt động dạy học. Trong việc đầu tư, rất chú trọng đến tính đa dạng của các loại trang thiết bị, các chủng loại thiết bị được trang bị theo yêu cầu từ từng bài tập thực hành cho đến yêu cầu của từng Bộ môn và từng Khoa. Vì vậy, chất lượng của chúng thỏa mãn một phần nhu cầu của giảng viên và người học, đáp ứng được yêu cầu của tất cả các ngành đào tạo trong nhà trường [09.03.01].

Để tăng tính đảm bảo chất lượng và đa dạng các loại trang thiết bị, Học viện đã tận dụng kinh phí tất cả các dự án để đầu tư trang thiết bị (Học viện có các dự án của Quỹ Ford, UNDP, ĐSQ Cộng hoà Pháp ...).

Học viện thường xuyên có những hợp đồng đào tạo với các đơn vị (Khoa Bồi dưỡng phụ trách vấn đề này); Do vậy, phần lớn các loại trang thiết bị luôn luôn được khai thác có hiệu quả [09.01.04].

Để đảm bảo việc thực hành có hiệu quả, tất cả các phòng thực hành đều có nội qui riêng. Riêng về việc sử dụng các loại trang thiết bị, sinh viên sẽ được sự hướng dẫn trực tiếp của các giảng viên và kỹ thuật viên trong giờ lên lớp học ngoại ngữ, hoặc sử dụng các phương tiện máy móc tại phòng multi-media [09.01.06]; [09.02.01].

2. Đánh giá mặt mạnh:

Trang thiết bị của Học viện hầu hết hiện đại, có chất lượng, tính năng hoạt động tốt và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo.

3. Những vấn đề còn tồn tại :

Phòng máy tính phục vụ cho sinh viên chưa kết nối mạng Internet, điều này làm ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy và học tập tin học

Chưa trang bị điều hoà cho một số phòng tin học tại Học viện.

4. Kế hoạch khắc phục:

Trong năm học 2008-2009 *Cũ* , trang bị điều hoà, Internet cho toàn bộ các phòng tin học

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.5:

Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.

1. Mô tả:

Trường hiện có 45 phòng học và 02 hội trường, với tổng diện tích là 3.979 m² [09.05.01]; Quy mô lớp học được sắp xếp phù hợp với yêu cầu của từng chuyên ngành đào tạo. Lớp học bao gồm nhiều loại với diện tích khác nhau, từ loại phòng nhỏ nhất là 100 m² đến loại phòng lớn nhất là 515 m². Tỷ lệ bình quân diện tích mặt bằng học tập của 1 sinh viên là 2 m².

Ký túc xá của trường có sức chứa 320 SV; đạt được 11m²/SV (KTX có diện tích là 3.470 m²). Tỷ lệ bình quân số SV được ở KTX đạt 23%. [09.05.01]. Kế hoạch dài hạn sẽ xây dựng cơ sở vật chất để đáp ứng tốt hơn công tác đào tạo. [09.05.01]

2. Đánh giá mặt mạnh:

Học viện có quy hoạch bố trí quy mô các lớp học có diện tích phù hợp với từng chuyên ngành đào tạo.

KTX của Học viện đầy đủ tiện nghi, luôn vệ sinh sạch sẽ vì có người chuyên trách dọn vệ sinh hàng ngày. Năm 2007 Học viện đã được Trung tâm y tế dự phòng của thành phố Hà Nội tặng bằng khen [09.05.02].

Ngoài ra, còn có các sân bãi phục vụ cho các hoạt động thể thao như: Công viên cây xanh, vườn hoa, sân chơi thể thao (trên 2.000m²) [09.05.01].

3. Những tồn tại:

- Hiện nay số sinh viên ở ký túc xá chỉ đạt 23%, trong khi nhu cầu được ở ký túc xá của sinh viên ngày càng cao.

- Để mở rộng thêm ký túc xá Học viện đã có kế hoạch xin kinh phí xây dựng nhà cao nhiều tầng hơn so với KTX cũ.

4. Kế hoạch khắc phục:

Trình Bộ Ngoại giao kế hoạch mở rộng ký túc xá trong năm 2009

5. Tự đánh giá: Chưa Đạt

Tiêu chí 9.6:

Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo qui định.

1. Mô tả :

Trụ sở làm việc của của Học viện hiện nay trước đây là Trường Đại học Ngoại giao, vì vậy cơ sở vật chất kỹ thuật là thừa kế của Trường ĐHNG cũ để lại.

Theo Quyết định quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Thủ Tướng Chính phủ số 147/1999/QĐ – TTg và Quyết định số 260/2006/QĐ- TTg về việc sửa đổi bổ sung quyết định 147/1999/QĐ-TTg, thì Học viện có đủ phòng làm việc cho cán

bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu.[MC] Tuy nhiên, do việc nâng cấp thành Học viện Ngoại giao, cho nên về cơ cấu tổ chức có thêm Viện Nghiên cứu chiến lược. Hiện nay, số phòng làm việc đang thiếu. Việc bố trí, sắp xếp nơi làm việc theo một chu trình khép kín, hiện đại, thuận lợi là mục tiêu phấn đấu, để Học viện có kế hoạch xây dựng một trụ sở mới, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và đào tạo ngày càng phát triển [09.06.01].

2. Đánh giá mặt mạnh:

Hiện nay nơi làm việc của Lãnh đạo và các đơn vị chức năng trong Học viện vẫn còn thiếu về diện tích và chưa thực sự ổn định về địa điểm nhất là các bộ phận mới thành lập.

Việc xây dựng thêm trụ sở làm việc cho Học viện là rất cần thiết .

3. Những tồn tại:

Một số phòng làm việc của cán bộ, giảng viên còn chật.

4. Kế hoạch khắc phục:

Trong năm 2010, Học viện có kế hoạch điều chỉnh diện tích phòng làm việc cho phù hợp với số lượng giảng viên, phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường Đại học, Cao đẳng 2001 – 2010.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.7:

Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

1. Mô tả :

Tổng diện tích đất của Học viện hiện có là 10.650m² , trong đó tổng diện tích đất xây dựng là 3.448m² và tổng diện tích sàn sử dụng là 16.699m² [09.07.02].

Theo tiêu chuẩn TCVN3981-85 Trường đại học – Tiêu chuẩn thiết kế và TCVN 4601- 1988 Trụ sở cơ quan – Tiêu chuẩn thiết kế đã xây dựng trụ sở bao gồm các khu vực sau [09.07.01]:

- Khu học tập và khu giành cho nghiên cứu khoa học.
- Khu thể dục thể thao.

- Khu ký túc xá học sinh bao gồm nhà ở và các công trình phục vụ sinh hoạt.
- Khu nhà ở của cán bộ giáo viên và công nhân viên chức.
- Khu công trình kỹ thuật bao gồm trạm bơm, trạm biến thế, kho tàng và nhà để xe ô tô, xe máy xe đạp .

2. Đánh giá mặt mạnh:

Học viện xây dựng trụ sở phục vụ hai mục đích chính, đó là giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Việc xây dựng trụ sở này đã bảo đảm được những yêu cầu :

Yên tĩnh cho việc học tập và nghiên cứu, môi trường trong sạch không làm ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ, học sinh.

Có đường giao thông thuận tiện, bảo đảm cho việc đi lại của cán bộ, học sinh và sinh hoạt của Học viện.

Thuận tiện cho việc cung cấp nước sạch, có trạm biến thế điện riêng.

Trụ sở được xây trên nền đất cao ráo không bị ngập nước.

3. Những vấn đề còn tồn tại:

Diện tích khuôn viên của Học viện so với các Học viện khác trong địa bàn Hà Nội là nhỏ hẹp. Xu thế kiến trúc hiện đại xây dựng hướng tới chiều cao, do đó, Học viện sẽ xây những ngôi nhà có chiều cao 15 tầng làm trụ sở và ký túc xá thì vẫn bảo đảm được diện tích sử dụng theo đúng tiêu chuẩn mà nhà nước qui định. [09.07.02]

4. Kế hoạch khắc phục:

Học viện đã làm đề án xin kinh phí của Bộ Ngoại giao để nâng cấp cơ sở vật chất, xây dựng toà nhà mới trong khuôn viên hiện có để phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.8 :

Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường.

1. Mô tả:

Cơ sở vật chất của trường đã được phát triển theo kế hoạch phát triển trung hạn từ năm 1996 (Học viện được Bộ cấp kinh phí xây toà nhà 7 tầng phục vụ cho việc giảng dạy và toà nhà 5 tầng cho Trung tâm Thông tin – Thư viện và Viện nghiên cứu chiến lược). Hàng năm, sau khi có quyết định phân bổ kinh phí của Bộ về việc mua sắm, xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất; phòng Quản trị - Tài vụ phối hợp với Ban GD phân bổ sử dụng cơ sở vật chất cho các đơn vị trong Học viện theo qui hoạch tổng thể chung phục vụ nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học [09.08.01].

Trong báo cáo kế hoạch 2006–2010, Học viện đã có dự án về việc đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, với nguồn vốn đầu tư bằng **vốn** ngân sách nhà nước cấp, bao gồm: phòng học, phòng chuyên đề, phòng luyện âm, phòng thực hành nghiệp vụ ngoại giao, phòng làm việc và các khu phục vụ. Với kế hoạch phát triển trung hạn từ năm 2001–2010, Học viện đã có kế hoạch xin kinh phí xây dựng mới hoàn toàn nhà B để làm văn phòng làm việc cho Khoa và các Phòng Ban hành chính chức năng, ký túc xá .[09.08.03]

2. Đánh giá mặt mạnh:

Hiện nay Học viện có cơ sở vật chất khang trang, có quy hoạch tổng thể chung phân bổ sử dụng cơ sở vật chất một cách hợp lý và khoa học

3. Những tồn tại:

Do nhu cầu tuyển sinh ngày một tăng lên, chất lượng đào tạo ngày càng phải cao và thêm các chuyên ngành mới thì với quy hoạch này cũng sẽ gây ra vấn đề thiếu phòng học, phòng thực hành, và chỗ ở cho sinh viên. Vì thiếu kinh phí cho nên nhiều vấn đề nêu lên trong kế hoạch trung hạn và dài hạn khó thực hiện, phải tăng cường tài chính cho dự toán.

4. Kế hoạch khắc phục:

Học viện đã có kế hoạch xây dựng các khu nhà cao 15 tầng trên diện tích nhà cũ trong 5 năm tới.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.9:

Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

1. Mô tả:

Học viện có bộ phận làm công tác bảo vệ, đủ về số lượng và được bồi dưỡng về nghiệp vụ để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học [09.07.03].

Bộ phận chuyên trách công tác bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn và an ninh của Học viện gồm 07 người, với số lượng chuyên trách làm công tác này phù hợp với sự phát triển của Học viện [09.07.03].

Đội ngũ chuyên trách bảo vệ được trang bị đồng phục theo đúng qui định của nhà nước [09.07.08], được định kỳ bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về phòng cháy, chữa cháy, tập huấn sử dụng công cụ hỗ trợ bảo vệ như: súng, roi điện, bá trắc (theo học các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do Phòng bảo vệ Bộ Ngoại giao, công an Phường Láng Thượng và công an thành phố tập huấn) [09.07.04];[09.07.06], Tổ bảo vệ luôn được cập nhật thường xuyên tình hình an toàn, an ninh, phối hợp giữ gìn an ninh trật tự với phường Láng Thượng (địa phương nơi trường đóng).

Thực hiện công tác bảo vệ trật tự an toàn, an ninh, đội bảo vệ đã làm việc theo đúng nội qui đã được qui định [09.07.01- 02], luôn luôn thường trực 24/24 giờ trong ngày và luôn có giải pháp để xử lý các tình huống phát sinh về an ninh trong Học viện, phát hiện ngăn chặn những vụ trộm cắp, gây mất an ninh, trật tự. [09.07.05]; [09.07.07]

2. Đánh giá mặt mạnh:

Vấn đề bảo vệ an toàn, an ninh cho cán bộ công nhân viên, giáo viên, người học đã được thực hiện khá tốt. Tài sản cơ quan được bảo đảm tốt.

Nội quy ra vào cơ quan yêu cầu mọi người phải xuống xe, phải đeo thẻ... đối với tất cả mọi người, không có trường hợp ngoại lệ. Chính vì vậy, các vụ việc đã xảy ra cách đây mấy năm như trộm cắp do người ngoài trà trộn vào... đã giảm đi nhiều.

Trong ký túc xá Học viện bố trí 2 bảo vệ trực 24/24 vì vậy hầu như không có tiêu cực xảy ra làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của sinh viên .

3. Những tồn tại:

Cửa ra vào cơ quan, tường rào chưa được kiên cố.

Trang thiết bị phục vụ việc bảo vệ cơ quan còn thiếu

4. Kế hoạch khắc phục:

Vào cuối năm 2007, Học viện đã mở lớp tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn dành cho đội ngũ chuyên trách bảo vệ.

Học viện đã mua trang thiết bị nhằm tăng cường thêm đèn chiếu sáng trong khuôn viên cơ quan, mua 02 bộ đàm phục vụ việc bảo vệ tài sản cơ quan.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận tiêu chuẩn:

Những năm qua, thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác của Học viện đã đóng góp một phần rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và vị thế của Nhà trường trong xã hội.

Trung tâm thông tin tư liệu và xuất bản đã trở thành địa chỉ tri thức đáng tin cậy của cán bộ, giảng viên, sinh viên trong trường. Thư viện của nhà trường có vốn tư liệu khá đầy đủ, phong phú được cập nhật ở dạng giấy, điện tử (online). Thư viện nhà trường có vài chục nghìn đầu sách chuyên ngành ở các thứ tiếng Việt, Nga, Anh, Pháp, Trung,... Thư viện có phần mềm quản lý riêng và thực hiện tin học hoá hầu hết các hoạt động. Trung tâm hoạt động có nề nếp và đang tiếp tục cải tiến, đổi mới để xây dựng thành thư viện hiện đại.

Các phòng thực hành ngoại ngữ, thực hành nghiệp vụ và các cơ sở vật chất khác thường xuyên được bổ sung, tăng cường và sử dụng với tần suất cao. Trường đã xây dựng mạng LAN nội bộ, có trang web riêng và kết nối Internet và mở các lớp bồi dưỡng kiến thức tin học và sử dụng mạng máy vi tính, tiếp tục nâng cấp phòng thực hành nhằm nâng cao kỹ năng thực hành, chất lượng đào tạo cao hơn.

Các điều kiện về lớp học đảm bảo đúng tiêu chuẩn. Khu ký túc xá sinh viên tuy chật, nhưng được trang bị khá tốt, được quản lý chặt chẽ, đảm bảo an ninh.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 7/9

TIÊU CHUẨN 10

TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Trường đại học có các giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, có một hệ thống quản lý tài chính chặt chẽ, phù hợp với các qui định của Nhà nước; thực hiện phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

Tiêu chí 10.1:

Trường có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, có một hệ thống quản lý tài chính chặt chẽ, phù hợp với các qui định của Nhà nước; thực hiện phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

1. Mô tả:

Học viện Quan hệ Quốc tế là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên (khoảng 30%); 70% còn lại do ngân sách nhà nước cấp. Từ năm 2003, Học viện được Bộ Ngoại giao trao quyền tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 10/2002/NĐ-CP ngày 16/01/2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu và hiện nay là Nghị định 43/2006/NĐ-CP [10.01.01].

Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính được Học viện quan tâm đúng mức. Hàng năm, kế hoạch tài chính đã bám sát nhu cầu của công tác nghiên cứu cũng như đào tạo. Học viện cũng đã xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ xác định mức chi cho từng khoản chi cụ thể để toàn thể cán bộ nhân viên thảo luận và nhất trí, đã tạo quyền chủ động trong quản lý và chi tiêu tài chính cho Thủ trưởng cơ quan, cho cán bộ, công chức trong đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả [10.01.02].

Đội ngũ nhân viên làm công tác tài chính được đào tạo cơ bản, đúng nghiệp vụ và có kinh nghiệm. Công tác quản lý tài chính đã đi vào nền nếp trong nhiều năm nay, đã được tin học hóa sử dụng các phần mềm chuyên dụng phù hợp với mô hình quản lý của đơn vị; Công tác quản lý tài chính được tin học hoá, sử dụng các phần mềm chuyên dụng phù hợp với mô hình quản lý của

đơn vị. Hiện nay, công tác kế toán tại Học viện đã được tin học hóa, sử dụng phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp do công ty Misa xây dựng. Việc sử dụng phần mềm kế toán đã làm tinh gọn bộ máy kế toán, giúp công tác quản lý tài chính được kịp thời, cập nhật nhanh và chính xác [10.02.11], [10.02.16]. hệ thống báo cáo đã được chuẩn hóa, sổ sách rõ ràng, công khai, minh bạch và đúng qui định. Báo cáo kết quả kiểm toán hàng năm về cơ bản đều được đánh giá tốt, không có sai sót lớn [10.01.03]. Các nguồn tài chính được Học viện tổ chức quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả đặc biệt từ khi có cơ chế tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP, công tác quản lý tài chính được thực hiện năng động, sáng tạo và có hiệu quả hơn. Phòng QTTV được công nhận là đơn vị xuất sắc. Học viện đã xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ theo hướng dẫn của Thông tư 50/2003/TT-BTC ngày 22/05/2003. [10.02.03]

Hàng năm, Học viện đều có kế hoạch và giải pháp cụ thể để thực hiện tự chủ về tài chính như:

- Việc lập kế hoạch tài chính được triển khai đồng bộ từ các đơn vị cơ sở như khối đào tạo và các phòng ban chức năng của Học viện.
- Phòng quản trị tài vụ tổng hợp và căn cứ vào nguồn kinh phí thực tế hàng năm để phân bổ hợp lý cho các hoạt động cụ thể để trình Ban giám đốc phê duyệt.
- Kế hoạch được duyệt đã được công khai bằng văn bản cho tất cả các đơn vị để quán triệt và chủ động thực hiện ngay từ đầu năm [10.01.02].

Ngoài phần kinh phí được ngân sách nhà nước cấp, Học viện còn có các nguồn thu sự nghiệp khác bao gồm: Thu học phí hệ chính qui và không chính qui, thu lệ phí tuyển sinh, thu từ các nguồn hoạt động dịch vụ và các nguồn thu khác. Các nguồn thu đều đảm bảo hợp pháp và đúng chế độ qui định, được quản lý chặt chẽ và sử dụng đúng mục đích. [MC]

Trong báo cáo kế hoạch 2006-2010, Học viện đã có chiến lược khai thác các nguồn tài chính khác nhau như: thu từ lệ phí, học phí, các nguồn thu từ các

hoạt động dịch vụ khác bình quân 3,3 tỷ /năm để tăng kinh phí từ các nguồn thu hợp pháp [10.02.13].

Ngoài ra, nhằm tạo điều kiện để các đơn vị có thu (các trung tâm, khoa đào tạo) tăng tính tự chủ và phát triển các hoạt động khai thác tiềm năng cơ sở vật chất sẵn có của Học viện để mang lại nguồn thu. Học viện cũng đã ban hành qui định quản lý tài chính đối với các đơn vị trực thuộc Học viện. Thực tế thống kê các nguồn thu từ năm 2003 đến nay, nguồn thu của Học viện không ngừng tăng lên [10.01.01].

Hàng năm, Học viện đã thực hiện tốt qui chế chi tiêu nội bộ, đã chủ động trong các hoạt động chi tiêu và tiết kiệm được chi phí để trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp nhằm tái đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo nhu cầu phát triển lâu dài của Học viện. Đến cuối năm 2006, số tiền tích lũy của Học viện đã đạt 500 triệu đồng và số tiền dự kiến sẽ dùng vào việc nâng cấp cơ sở vật chất và đầu tư cho chất lượng đào tạo [10.01.05].

2. Đánh giá mặt mạnh:

Học viện Quan hệ Quốc tế là đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên. Học viện được trao quyền tự chủ tài chính, được chủ động bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ, được ổn định kinh phí hoạt động thường xuyên do ngân sách nhà nước cấp theo định kỳ 3 năm và hàng năm được tăng thêm theo tỷ lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Các nguồn thu của Học viện được phản ánh và ghi chép đầy đủ trong sổ chi tiết thu.

Trong công tác quản lý tài chính, Học viện đã phát huy quyền được tự chủ tài chính của mình.

3. Những vấn đề còn tồn tại:

Chưa khai thác tốt cơ sở vật chất của Học viện

Chưa mở rộng các hoạt động dịch vụ, tăng thu nhập để đa dạng hoá nguồn thu phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu của Học viện.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Khai thác tốt cơ sở vật chất của Học viện, khai thác thế mạnh để mở rộng các hoạt động dịch vụ, tăng thu nhập.
- Đa dạng hóa nguồn thu cho sự phát triển của Học viện.
- Tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh qui chế chi tiêu nội bộ, xây dựng cơ chế tài chính thông thoáng cho các hoạt động dịch vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 10.2:

Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính được chuẩn hóa, công khai hóa, minh bạch và theo đúng qui định.

1. Mô tả:

Từ năm 2003, Học viện chính thức được Bộ chủ quản giao quyền tự chủ tài chính theo quyết định số 134/2003/QĐ-NG. Cũng từ đó, công tác tài chính của Học viện bắt đầu được chuẩn hóa và triển khai thực hiện theo qui chế chi tiêu nội bộ ban hành theo quyết định 147/2004/QĐ-HV ngày 29/11/2004 [10.02.03].

Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng một cách rõ ràng trên cơ sở nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu do ngân sách nhà nước cấp. Nội dung chi sát thực tế với nhu cầu của Học viện, cụ thể như một số khoản chi: chi hoạt động thường xuyên, chi mua sắm, sửa chữa tài sản, chi xây dựng cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chung của Học viện.

Trong báo cáo kế hoạch 2006-2010, chiến lược tài chính được xây dựng cụ thể và có phân kỳ từng năm, từ năm 2006 đến năm 2010. Công tác tài chính hàng năm đều có báo cáo công khai bằng văn bản và được giải trình trong hội nghị CNVC. Nội dung công khai bao gồm dự toán được giao, quyết toán được duyệt năm trước và dự toán được giao trong năm nay [10.02.10].

Hiện nay, Học viện đang sử dụng phần mềm Misa phục vụ công tác quản lý và hạch toán kế toán rất phù hợp với mô hình quản lý của đơn vị, đáp ứng được yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên [10.02.11], [10.02.16]. Với biên bản kiểm tra xét duyệt quyết toán hàng năm của Bộ Ngoại giao và Bộ Tài chính đã chứng minh công tác quản lý tài chính của đơn vị đã thực hiện theo

đúng qui định, số liệu báo cáo rõ ràng, minh bạch, công khai các nguồn thu, chi hàng năm của đơn vị. Trong vòng 3 năm tính đến thời điểm đánh giá, Học viện không vi phạm các qui định về quản lý tài chính, đã được cơ quan chủ quản cấp trên và Bộ tài chính đánh giá tốt.

2. Đánh giá mặt mạnh:

- Kế hoạch tài chính hàng năm rõ ràng, sát thực tế, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của đơn vị.
- Kế hoạch tài chính hàng năm đều được lập phù hợp với yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường.
- Có kế hoạch cho nhu cầu tài chính của mình, Học viện là đầu mối trong công tác nghiên cứu khoa học của Bộ Ngoại giao.
- Công tác quản lý tài chính đã đi vào nền nếp và được chuẩn hóa, minh bạch, theo đúng qui định
- Mọi thủ tục tài chính, qui định về định mức chế độ đều được kế toán theo dõi và cập nhật kịp thời.
- Công khai các nguồn tài chính và công khai việc phân bổ tài chính hàng năm. Thông tin này được phổ biến đến từng phòng ban và các cá nhân trong Học viện định kỳ hàng năm.

3. Những tồn tại:

Qui trình lập kế hoạch tài chính còn rườm rà và chưa phản ánh được hết các ý kiến của tất cả các đơn vị trong Học viện

4. Kế hoạch khắc phục:

Rà soát lại qui trình và đơn giản hóa các thủ tục trong công tác quản lý tài chính. Qui trình và thủ tục thanh toán là một trong những khâu quan trọng của quản lý tài chính. Việc đơn giản hóa các thủ tục sẽ giúp cho công tác quản lý tài chính hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 10.3:

Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học.

1. Mô tả:

Trong kế hoạch phát triển trung hạn giai đoạn 2006-2010, kế hoạch tài chính đã bám sát nhu cầu của các khoa, bộ môn, các phòng chức năng và được phân bổ hợp lý, có trọng tâm và đặc biệt ưu tiên phục vụ cho chiến lược nâng cao chất lượng giáo dục và được cụ thể hóa và chi tiết trong kế hoạch hàng năm của Học viện.[MC]

Nguồn kinh phí hàng năm được phân bổ theo đúng định mức, chế độ tài chính hiện hành, phù hợp với các nhiệm vụ được giao về đào tạo và nghiên cứu khoa học. Kinh phí được phân bổ chi tiết theo từng chương, loại, khoản, nhóm mục và mục chi theo mục lục ngân sách cho các hoạt động giáo dục đào tạo 14.09, nghiên cứu khoa học 11.02, chi hợp tác đào tạo Lào, Campuchia 10.08, tăng cường cơ sở vật chất 14.21 và các hoạt động khác [10.02.08], [10.02.12]. Việc phân bổ kinh phí được công khai trong toàn Học viện [10.02.10].

Đúng với tính chất công việc và nhiệm vụ được giao, chi cho hoạt động giáo dục đào tạo là khoản chi chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi tiêu tại Học viện hàng năm. Mức chi mỗi năm đều được mở rộng cả về giá trị và tỷ trọng do chi từ nguồn ngân sách cấp và chi từ nguồn thu sự nghiệp tăng. Điều này chứng tỏ hoạt động giáo dục đào tạo của nhà trường ngày càng được đầu tư nhiều hơn nhằm mang lại hiệu quả cao hơn cho công tác giảng dạy và học tập. Về hoạt động nghiên cứu khoa học, kinh phí được cấp hàng năm được tăng đáp ứng nguồn kinh phí cho việc nghiên cứu chuyên sâu cấp cơ sở, cấp Bộ và cấp Nhà nước về các vấn đề có liên quan chủ yếu đến hoạt động ngoại giao, công tác đối ngoại. Không chỉ đào tạo trong nước, hàng năm Học viện đều tiếp nhận lưu học sinh Lào và Campuchia du học theo diện được cấp học bổng. Kinh phí cho hoạt động này được ngân sách cấp và chi tiêu theo qui định. Nội dung chi bao gồm các khoản như: chi học bổng [10.03.19], sinh hoạt phí, lễ tết... Chi cho đào tạo lưu học sinh được quyết toán vào mục 127 theo đúng mục lục ngân sách nhà nước [10.03.22], [10.03.26], [10.03.28]. Để nâng cao cơ sở vật chất, đáp ứng công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đã được quan tâm và đầu tư đầy đủ. Năm 2001, Học viện

triển khai xây dựng khối nhà 5 tầng, hiện dành cho Trung tâm Thông tin - Thư viện và Viện nghiên cứu chiến lược [10.02.17], [10.02.18], [10.03.25].

Trong vòng ba năm tính đến thời điểm đánh giá, Học viện không vi phạm các qui định về tài chính và đảm bảo việc quản lý, sử dụng kinh phí chặt chẽ, đúng qui định, có hiệu quả. Nhờ vậy, nguồn lực của Học viện được nâng cấp hàng năm. Báo cáo kiểm toán hàng năm của Học viện đều được đánh giá là đã thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, góp phần thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Học viện [10.03.26]. Nhờ khai thác và sử dụng kinh phí hợp lý, nguồn lực của trường đã được nâng cấp qua mỗi năm, cơ sở vật chất cũng ngày càng tốt hơn đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu và công tác đối ngoại.

2. Đánh giá mặt mạnh:

Hàng năm, việc phân bổ kinh phí nhất thiết phải dựa vào nhu cầu thực tế do các đơn vị cơ sở đề xuất, đồng thời có sự phân tích, giành ưu tiên cho các mục tiêu trọng tâm, trọng điểm nên rất sát và thuận lợi trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chung của Học viện cũng như những nhiệm vụ trọng tâm trong từng năm học.

Kinh phí giao cho Học viện luôn đảm bảo các tiêu chí: phù hợp qui hoạch tổng thể của nhà trường, phù hợp với nhiệm vụ các đơn vị trong trường, đáp ứng trọng tâm chiến lược hàng năm và phục vụ chiến lược phát triển ngắn hạn và dài hạn của trường.

3. Những tồn tại:

- Một số qui định về tài chính chưa phù hợp với tình hình thực tế của Học viện.

4. Kế hoạch khắc phục:

- Tiếp tục cải tiến qui trình phân bổ kinh phí hàng năm.
- Giám sát chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch tài chính, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với từng nội dung hoạt động và hài hòa với nhiệm vụ chung của toàn đơn vị.

- Tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh bổ sung và ban hành các qui định mới về quản lý và sử dụng tài chính, phù hợp với tình hình thực tế của Học viện, với chế độ chính sách chung của Bộ Ngoại giao và của nhà nước.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận tiêu chuẩn:

Tài chính và quản lý tài chính đóng một vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nhà trường. Công tác tài chính luôn tuân thủ nghiêm túc các chế độ, qui định của Nhà nước, phục vụ có hiệu quả mọi hoạt động và đáp ứng tốt chiến lược phát triển bền vững của trường.

Nguồn tài chính của Học viện chủ yếu từ ngân sách Nhà nước cấp và kinh phí thu sự nghiệp. Học viện cũng chủ động khai thác các nguồn thu khác, tuy chưa đạt hiệu quả cao.

Các nguồn kinh phí của Học viện đều sử dụng đúng mục đích, qui định của nhà nước, ưu tiên cho đào tạo với tỉ lệ cao. Bên cạnh đó, kế hoạch tài chính hàng năm được thông báo công khai trong hội nghị cán bộ chủ chốt toàn trường. Kế hoạch tài chính được phân bổ theo các chỉ tiêu rõ ràng, mục đích cụ thể là ưu tiên ổn định và gia tăng đầu tư cho các nhiệm vụ trọng tâm thông qua các chỉ tiêu tài chính.

Trong những năm gần đây, Học viện không vi phạm qui định tài chính về sử dụng kinh phí. Các nguồn kinh phí đều được sử dụng hợp lý, đúng mục đích, minh bạch, có hiệu quả, được thể hiện ở biên bản kiểm toán.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3

C- KẾT LUẬN

Căn cứ việc tự đánh giá thực trạng về các hoạt động của trường và các mức đã đạt được thông qua việc đánh giá theo từng tiêu chí; căn cứ qui định tạm thời về kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và đào tạo, Hội đồng Tự đánh giá: Học viện Ngoại giao đạt tiêu chuẩn **mức đảm bảo chất lượng của nhà trường**.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng các hoạt động đảm bảo chất lượng còn nhiều yếu tố chưa bền vững. Các hoạt động đảm bảo chất lượng đã được triển khai, nhưng chưa đồng bộ, chưa có tính hệ thống. Nhận thức về công tác đảm bảo chất lượng trong trường chưa được đầy đủ, chưa triển khai rộng khắp đến các CBVC Học viện.

Để công tác đảm bảo chất lượng có tính bền vững, cần thiết phải đưa các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của trường đi vào nề nếp.

Kế hoạch triển khai công tác đảm bảo chất lượng tổng thể của Học viện trong những năm tiếp theo gồm những nội dung sau:

1. Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng 4 cấp: Học viện – khoa - bộ môn – giáo viên.
2. Căn cứ vào bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ thực tế về các nguồn lực hiện có và xu hướng phát triển chung xác định chủ trương, xây dựng chính sách, triển khai các hoạt động hướng tới nội dung đảm bảo chất lượng các chương trình đào tạo ở các cấp.
3. Kết hợp với việc triển khai hoạt động quản lý của nhà trường theo các qui trình đã có, triển khai các yêu cầu, các nội dung, các hoạt động về công tác đảm bảo chất lượng các chương trình đào tạo.

Hà Nội, ngày tháng năm 2011

KT.Q. Giám Đốc

Phó Giám Đốc

TỔNG HỢP CÁC MỨC ĐÁNH GIÁ

Tiêu chí	Đạt	chưa đạt	Không đánh giá
Tiêu chuẩn 1. Sứ mạng và mục tiêu của trường Đại học			
1.1	Đ		
1.2	Đ		
Tiêu chuẩn 2. Tổ chức và Quản lý			
2.1	Đ		
2.2	Đ		
2.3	Đ		
2.4	Đ		
2.5	Đ		
2.6	Đ		
2.7	Đ		
Tiêu chuẩn 3. Chương trình đào tạo			
3.1	Đ		
3.2	Đ		
3.3	Đ		
3.4	Đ		
3.5	Đ		
3.6	Đ		
Tiêu chuẩn 4. Các hoạt động đào tạo			
4.1	Đ		
4.2	Đ		

Tiêu chí	Đạt	chưa đạt	Không đánh giá
Tiêu chuẩn 6. Người học.			
6.1	Đ		
6.2	Đ		
6.3	Đ		
6.4	Đ		
6.5	Đ		
6.6	Đ		
6.7		C	
6.8	Đ		
6.9	Đ		
Tiêu chuẩn 7. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.			
7.1	Đ		
7.2	Đ		
7.3	Đ		
7.4	Đ		
7.5	Đ		
7.6	Đ		
7.7	Đ		
Tiêu chuẩn 8. Hoạt động hợp tác quốc tế.			
8.1	Đ		
8.2	Đ		

4.3	Đ		
4.4	Đ		
4.5	Đ		
4.6	Đ		
4.7	Đ		
Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên.			
5.1	Đ		
5.2	Đ		
5.3	Đ		
5.4	Đ		
5.5	Đ		
5.6	Đ		
5.7	Đ		
5.8	Đ		

8.3	Đ		
8.4	Đ		
8.5	Đ		
Tiêu chuẩn 9. Thư viện, trang thiết bị học tập			
9.1		C	
9.2	Đ		
9.3	Đ		
9.4	Đ		
9.5		C	
9.6	Đ		
9.7	Đ		
9.8	Đ		
9.9	Đ		
Tiêu chuẩn 10. Tài chính và quản lý tài chính			
10.1	Đ		
10.2	Đ		
10.3	Đ		

Tổng hợp

Kết quả đánh giá	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá
Số tiêu chí/ Tổng số	60	3	
Tỷ lệ %	95.24 %	4.76	